

**CHỊU TRÁCH NHIỆM
XUẤT BẢN**

TS. Nguyễn Văn Phát
Chủ tịch Liên hiệp các Hội
Khoa học và Kỹ thuật Thanh Hóa

**CHỊU TRÁCH NHIỆM
NỘI DUNG**

CN. Nguyễn Quốc Uy
Phó Chủ tịch Liên hiệp các Hội
Khoa học và Kỹ thuật Thanh Hóa

BAN BIÊN TẬP

ThS. Phạm Kim Tân
KS. Nguyễn Xuân Sang
KS. Lê Xuân Dũng
CN. Hà Sĩ Thắng
CN. Trần Quốc Chấn
ThS. Lê Thị Linh Mai

**THƯ KÝ BIÊN TẬP
VÀ TRÌNH BÀY**

ThS. Lê Thị Linh Mai

**LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC
VÀ KỸ THUẬT THANH HÓA**

17 Hạc Thành - P. Ba Đình
TP. Thanh Hóa
Điện thoại: 02373.720.885
Fax: 02373.720.885
Website: www.tusta.org.vn
Email: khoahtoanthanhhoa@gmail.com

*Ảnh bìa: Lãnh đạo tỉnh chụp ảnh lưu
niệm với Ban Tổ chức Hội thi tại Lễ
tổng kết và trao thưởng Hội thi Sáng
tạo kỹ thuật Thanh Hóa lần thứ 13
(2022 - 2023).*

TRONG SỐ NÀY

- 2** Kết quả 3 năm thực hiện chủ trương nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động phối hợp và hỗ trợ giữa Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam và Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật địa phương **Nguyễn Văn Phát**
- 7** Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động thông tin, phổ biến kiến thức khoa học và công nghệ **Nguyễn Quốc Uy**
- 11** Tối ưu hóa sự kết hợp của khoa học công nghệ và nguồn nhân lực trong nông nghiệp tại tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2045 **Nguyễn Đình Hải**
- 15** Một số kết quả hoạt động tư vấn, phân biện và giám định xã hội của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Thanh Hoá năm 2023 **Phạm Kim Tân**
- 19** Thực trạng và giải pháp nâng cao năng lực nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ đáp ứng nhu cầu phát triển nông, lâm, ngư nghiệp tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2023 - 2030 **Lê Hoàng Bá Huyền**
- 24** Một số vấn đề về lý luận và thực tiễn trong việc biên soạn bách khoa thư địa phương **Mai Thị Hồng Hải**
- 28** Tin hoạt động **Ban Biên tập**
- 34** Văn hóa và sự phát triển bền vững trong kỷ nguyên kỹ thuật số **Phạm Tất Dong**
- 37** Một số ý kiến đề xuất trong thực hiện kế hoạch phát triển kết cấu hạ tầng thủy lợi và phòng, chống thiên tai theo các quy hoạch được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt **Phạm Xuân Quý**
- 40** Giải pháp cơ sở hạ tầng cơ động để triển khai lắp đặt sóng BTS/NodeB lưu động **Nguyễn Anh Tuấn và cộng sự**
- 41** Phân biệt thuế, phí và lệ phí **Hà Sĩ Thắng**
- 43** Hiệu quả mô hình trồng cây bí xanh theo tiêu chuẩn VietGAP tại xã Yên Mỹ, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa vụ Đông năm 2023 **Tống Văn Giang, Vũ Văn Chiến**
- 44** Truyền thống vẻ vang của Quân đội nhân dân Việt Nam **Nguyễn Văn Toàn**
- 48** Lòng biết ơn sâu nặng của phụ huynh và học trò Trung Quốc đối với người thầy giáo Việt Nam **Hương Nao**
- 52** Giá trị văn hóa nổi bật của Thành nhà Hồ **Hồ Quang Sơn**
- 54** Văn hóa cầu lộc, cầu tài đầu xuân **Lê Bá Tuyên**
- 56** Chuyện phong tục ngày Tết **Nguyễn Tấn Tuấn**
- 58** Một số danh nhân tuổi Thìn trong lịch sử Việt Nam **Nguyễn Xuyên**

KẾT QUẢ 3 NĂM THỰC HIỆN CHỦ TRƯỞNG NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG, HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG PHỐI HỢP VÀ HỖ TRỢ GIỮA LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT VIỆT NAM VÀ LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT ĐỊA PHƯƠNG

TS. Nguyễn Văn Phát

Bí thư Đảng đoàn, Chủ tịch

Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Thanh Hóa

Quy định về hoạt động phối hợp và hỗ trợ giữa Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam (Liên hiệp hội Việt Nam) và Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật địa phương đã được quy định cụ thể trong các văn bản của Đảng và Nhà nước (cụ thể nhất là trong Chỉ thị số 42-CT/TW, ngày 16/4/2010 của Bộ Chính trị khóa X “về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”, Điều lệ hoạt động của Liên hiệp hội Việt Nam được Thủ tướng phê chuẩn tại Quyết định số 1795/QĐ-TTg ngày 21/10/2015) và Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc Liên hiệp hội Việt Nam lần thứ VIII, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

Trong gần 3 năm qua (2021 - 2023), Liên hiệp hội Việt Nam đang ngày càng phát triển mạnh mẽ, tiếp tục khẳng định vai trò, vị thế tổ chức chính trị - xã hội của đội ngũ trí thức khoa học và công nghệ (KH&CN) Việt Nam, là tổ chức chính trị - xã hội từ Trung ương đến địa phương; đã làm tốt công tác vận động, tập hợp, đoàn kết rộng rãi đội ngũ trí thức KH&CN, tổ chức nhiều hoạt động theo chức năng nhiệm vụ được Đảng, Nhà nước giao và đạt được kết quả tích cực, tiếp tục đóng góp vào việc củng cố, phát triển đội ngũ trí thức và các hội trí thức, góp phần phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) của đất nước và của các địa phương trong cả nước.

Để có được những kết quả đã nêu khái quát trên, có nhiều nguyên nhân, trong đó một trong những nguyên nhân quan trọng là: chất lượng, hiệu quả của công tác phối hợp, hỗ trợ giữa Liên hiệp hội Việt Nam và các hội thành viên (hội thành viên được đề cập trong bài viết này là Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật các tỉnh, thành phố).

Những kết quả hoạt động nổi bật góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác phối hợp, hỗ trợ giữa Liên hiệp hội Việt Nam và Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Thanh Hóa (Liên hiệp hội Thanh Hóa) như sau:

Về công tác phối hợp, hỗ trợ cụ thể hóa văn bản lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng và Nhà nước về công tác trí thức và công tác hội:



Đoàn công tác của lãnh đạo Liên hiệp hội Việt Nam đến thăm, làm việc với Liên hiệp hội Thanh Hóa năm 2022.

Tiếp tục phối hợp việc cụ thể hóa các văn bản của Đảng về công tác của Liên hiệp hội địa phương: Liên hiệp hội Việt Nam đã chủ động phối hợp với các Liên hiệp hội địa phương cụ thể hóa đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng liên quan đến công tác hội theo tinh thần Nghị quyết 27-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương, Chỉ thị 42-TC/TW của Bộ Chính trị, nhất là Kết luận số 93-KL/TW ngày 20/11/2020 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị 42-CT/TW của Bộ Chính trị, tham mưu cho Ban Thường vụ cấp ủy tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ban hành kế hoạch thực hiện, qua đó tạo điều kiện để Liên hiệp hội địa phương (cụ thể là Liên hiệp hội Thanh Hóa đã khẳng định vai trò, vị trí của mình trong việc tập hợp và phát huy trí tuệ của đội ngũ trí thức KH&CN tỉnh nhà đóng góp vào sự phát triển KT-XH của tỉnh).

Liên hiệp hội Việt Nam đã được Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn Điều lệ hoạt động làm căn cứ để Liên hiệp hội địa phương tham mưu cho cấp ủy, chính quyền kiện toàn và hoàn thiện tổ chức, bộ máy theo mô hình thống nhất, tinh gọn, hiệu quả và nâng cao chất lượng của đội ngũ lãnh đạo làm công tác hội; đã hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa Liên hiệp hội Việt Nam và Liên hiệp hội địa phương; tăng cường chất lượng, hiệu quả công tác phối hợp liên vùng giữa Liên hiệp hội Việt Nam với Liên hiệp hội địa phương và các hội ngành Trung ương với hội thành viên thuộc Liên hiệp hội địa phương trong việc tập hợp, đoàn kết phát huy trí tuệ của đội ngũ trí thức KH&CN được cấp ủy, chính quyền địa phương ghi nhận; nhờ đó mà công tác củng cố tổ chức và phát triển hội viên ngày càng được mở rộng.

Về phối hợp và hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội:

Công tác phối hợp: Liên hiệp hội Thanh Hóa đã phối hợp cùng với Liên hiệp hội Việt Nam tiến hành hoạt động chuyên môn như “Nghiên cứu, khảo sát, đánh giá về an toàn hồ, đập tại một số công trình hồ chứa và đập tại tỉnh Thanh Hóa”. Liên hiệp hội Thanh Hóa đã phối hợp với các cơ quan chuyên môn của Liên hiệp hội Việt Nam cung cấp các thông tin cần thiết phục vụ Hội nghị giữa Đảng đoàn Liên hiệp hội Việt Nam và Tỉnh ủy Thanh Hóa, sau Hội nghị Liên hiệp hội Việt Nam đã ban hành Kết luận. Nội dung của Kết luận đã tạo điều kiện để Liên hiệp hội Thanh Hóa tiếp tục nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và tạo nhiều điều kiện hơn, thiết thực hơn của Tỉnh ủy, UBND tỉnh đối với mọi mặt hoạt động. Tiếp đó, Liên hiệp hội Thanh Hóa tiếp tục phối hợp với các cơ quan chuyên môn của Liên hiệp hội Việt Nam tham mưu, chuẩn bị tốt các nội dung thực hiện chương trình phối hợp giữa UBND tỉnh Thanh Hóa và Liên hiệp hội Việt Nam tổ chức Hội thảo khoa học với chủ đề “Sáng tạo KH&CN thúc đẩy phát triển KT-XH Việt Nam, năm 2022”. Liên hiệp hội Thanh Hóa đã làm tốt nhiệm vụ là cầu nối để Tỉnh ủy Thanh Hóa tổ chức Hội nghị trực tuyến với chủ đề “Đội ngũ trí thức khoa học và công nghệ Việt Nam triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng” do Liên hiệp hội Việt Nam tổ chức, tạo dấu ấn quan trọng về hành động của đội ngũ trí thức KH&CN tỉnh nhà thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng trên quê hương. Liên hiệp hội Thanh Hóa đã tham mưu UBND tỉnh thống nhất đồng ý tiếp nhận các dự án tài trợ của tổ chức phi chính phủ (NGO) theo đề nghị của các tổ chức KH&CN trực thuộc Liên hiệp hội Việt Nam thực hiện một số dự án trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa từ nguồn tài trợ của các tổ chức chính phủ và NGO, góp phần vào sự đóng góp của Liên hiệp hội Việt Nam

đối với sự nghiệp phát triển KT-XH của tỉnh nhà. Liên hiệp hội Thanh Hóa đã phối hợp chặt chẽ với các đơn vị trực thuộc Liên hiệp hội Việt Nam thực hiện các nhiệm vụ được Liên hiệp hội Việt Nam giao trong hoạt động truyền thông, phổ biến kiến thức; hoạt động KH&CN; hoạt động tư vấn, phản biện và giám định xã hội; thực hiện việc xin ý kiến nhân sự lãnh đạo của Liên hiệp Hội Việt Nam.

Công tác hỗ trợ: Từ sau Đại hội lần thứ VIII, nhiệm kỳ 2020 - 2025, Liên hiệp hội Việt Nam tiếp tục quan tâm tạo điều kiện và hỗ trợ Liên hiệp hội Thanh Hóa thực hiện có hiệu quả một số hoạt động; trong đó, đã hỗ trợ Liên hiệp Thanh Hóa kinh phí thực hiện 2 nhiệm vụ chuyên môn, gồm 1 nhiệm vụ thuộc lĩnh vực phổ biến kiến thức và 1 nhiệm vụ thuộc lĩnh vực tư vấn, phản biện và giám định xã hội, với các kết quả cụ thể như sau:

Đầu tháng 01/2021, Liên hiệp hội Việt Nam hỗ trợ Liên hiệp hội Thanh Hóa để tổ chức Hội thảo khoa học với chủ đề “Đảm bảo an toàn đập và hồ chứa nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, thực trạng và giải pháp”. Hội thảo đã thu hút được nhiều tác giả, nhóm tác giả đến từ các đơn vị chuyên môn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (NN&PTNN); các sở, ngành, đơn vị trong tỉnh (Sở NN&PTNN, Chi cục Thủy lợi, Hội Khoa học Thủy lợi, Hội Lâm nghiệp) và lãnh đạo một số địa phương trong tỉnh (UBND các huyện Như Xuân, Như Thanh, Thạch Thành) tham gia Hội thảo. Hội thảo đã quy tụ 120 nhà khoa học, nhà quản lý thuộc các lĩnh vực phòng chống thiên tai, hồ đập ở Trung ương và địa phương. Điều quan trọng mà Liên hiệp hội Thanh Hóa đã thực hiện được đó là: phối hợp với Hội Khoa học Thủy lợi Thanh Hóa trên cơ sở Kết luận của Hội thảo đã đề xuất với Tỉnh ủy, UBND tỉnh Thanh Hóa nhiều giải pháp xác đáng trước mắt và lâu dài liên quan đến công tác đầu tư, công tác quản lý đập và hồ chứa trên địa bàn tỉnh; đồng thời tham

muu UBND tỉnh đề xuất Bộ NN&PTNN hỗ trợ Thanh Hóa cập nhật dữ liệu đập và hồ chứa của tỉnh vào hệ thống dữ liệu của Bộ NN&PTNN và Bộ Công Thương; hỗ trợ tỉnh lập phương án ứng phó thiên tai và biến đổi khí hậu khẩn cấp.

Năm 2022, Liên hiệp hội Việt Nam hỗ trợ Liên hiệp hội Thanh Hóa để tổ chức Hội thảo khoa học “Thực trạng và giải pháp chống suy thoái hệ thống sông Mã, bảo đảm an ninh nguồn nước phục vụ phát triển nhanh và bền vững của tỉnh Thanh Hóa”. Hội thảo đã thu hút được nhiều tác giả, nhóm tác giả là các nhà khoa học, cán bộ quản lý đến từ viện nghiên cứu, các đơn vị thuộc Bộ NN&PTNN và các đơn vị có chức năng thuộc tỉnh Thanh Hóa; quy tụ hơn 100 đại biểu là các lãnh đạo, nhà khoa học ở Trung ương và các sở, ngành Liên hiệp hội và các hội thành viên tỉnh Thanh Hóa. Kết thúc Hội thảo, Liên hiệp hội Thanh Hóa đã có một số kiến nghị, đề xuất với UBND tỉnh Thanh Hóa về thực hiện các giải pháp khả thi và đã được UBND tỉnh tiếp thu chỉ đạo ngành NN&PTNT tổ chức thực hiện; đồng thời, kiến nghị Bộ NN&PTNT tiến hành nghiên cứu tiền khả thi và giao cho Tổng cục Thủy lợi thực hiện đề tài cấp Nhà nước “Nghiên cứu xây dựng luận cứ khoa học phục vụ đầu tư xây dựng một số công trình chống suy thoái hệ thống Sông Mã, đảm bảo an ninh nguồn nước phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa”; trên cơ sở đó tiếp tục triển khai nghiên cứu khoa học xác định luận cứ phục vụ công tác đầu tư xây dựng hệ thống công trình ngăn mặn, chống xâm thực sâu của nước biển, góp phần phát triển nuôi trồng thủy sản và sản xuất nông nghiệp ở một số vùng ven biển của tỉnh; nghiên cứu luận cứ khoa học phục vụ các đề xuất xây dựng công trình thủy lợi đập Cẩm Hoàng.

Mặc dù kinh phí hỗ trợ không lớn, nhưng nhờ sự hỗ trợ của Liên hiệp hội Việt Nam, sự phối hợp giữa Liên hiệp hội Thanh Hóa và Hội Khoa học Thủy lợi Thanh Hóa đã thu hút

và tập hợp được nhiều nhà khoa học chuyên ngành thủy lợi ở Trung ương và địa phương tham gia 2 hội thảo khoa học, kết quả đã giúp cho Liên hiệp hội Thanh Hóa cùng với các hội chuyên ngành nâng cao được vị trí, vai trò của mình trong công tác tham mưu cho Tỉnh ủy, UBND tỉnh giải quyết những vấn đề lớn, đóng góp cho sự nghiệp phát triển của tỉnh Thanh Hóa.

Trong 3 năm qua, thông qua Ban Tư vấn, Phản biện và Giám định xã hội của Liên hiệp hội Việt Nam đã tư vấn, giới thiệu cho Liên hiệp hội Thanh Hóa một số lượng không nhỏ chuyên gia, nhà khoa học thuộc hệ thống Liên hiệp hội Việt Nam và ngoài hệ thống tham gia cùng nhiều nhà khoa học, nhà quản lý trong tỉnh đã giúp Liên hiệp hội Thanh Hóa hoàn thành 30 nhiệm vụ tư vấn, phản biện và giám định xã hội được UBND tỉnh giao đạt kết quả tốt, nhờ đó mang lại niềm tin cho cấp ủy, chính quyền đối với hoạt động của Liên hiệp hội Thanh Hóa. Điều đáng nói ở đây là nhờ các chuyên gia được giới thiệu từ Liên hiệp hội Việt Nam tạo nên sự tin tưởng và việc mời chuyên gia, nhà khoa học được thuận lợi hơn.

Các ban của Liên hiệp hội Việt Nam đã tư vấn, giới thiệu chuyên gia, báo cáo viên thực hiện giúp Liên hiệp hội Thanh Hóa tập huấn về nghiệp vụ công tác hội; báo cáo viên thông tin đến đội ngũ trí thức KH&CN trong tỉnh về tình hình chính trị, thời sự, KH&CN, GD&ĐT và thông tin phổ biến kiến thức mới về KT-XH. Nội dung này góp phần quan trọng trong công tác tập hợp, đoàn kết đội ngũ trí thức KH&CN của tỉnh nhà.

Liên hiệp hội Việt Nam cũng đã hỗ trợ Liên hiệp hội Thanh Hóa tháo gỡ nhiều khó khăn, vướng mắc trong công tác tổ chức bộ máy và xác định nhiệm vụ; thông qua các ý kiến trong các văn bản kiến nghị, đề xuất với Tỉnh ủy, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nói chung về những vấn đề cần triển khai cụ thể hóa; những nội dung sơ kết, tổng kết chi thị, nghị quyết, chủ trương của

KHOA HỌC THANH HÓA

Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác hội nói chung và đối với Liên hiệp hội địa phương nói riêng (trong đó có Liên hiệp hội Thanh Hóa).

Liên hiệp hội Việt Nam thường xuyên tổ chức tập huấn chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng hoạt động hội; hỗ trợ thông tin, kỹ năng xây dựng đề án, dự án đề xuất tài trợ từ các tổ chức quốc tế; hỗ trợ giải quyết những khó khăn vướng mắc đối với Liên hiệp hội địa phương (trong đó có Liên hiệp hội Thanh Hóa), nhất là kiến nghị với các tỉnh ủy, thành ủy thành lập đảng đoàn Liên hiệp hội địa phương.

Thông qua hoạt động của Liên hiệp hội Việt Nam đã gián tiếp hỗ trợ Liên hiệp hội Thanh Hóa những kinh nghiệm, kiến thức về tổ chức các hoạt động tập hợp, vận động trí thức; qua đó Liên hiệp hội Thanh Hóa được UBND tỉnh giao nhiệm vụ làm đầu mối tham mưu, giúp UBND tỉnh tổ chức hoạt động tôn vinh trí thức, tổ chức Hội thi Sáng tạo kỹ thuật cấp tỉnh, Cuộc thi Sáng tạo Thanh thiếu niên, nhi đồng cấp tỉnh và tham gia Giải thưởng Sáng tạo KH&CN Việt Nam. Nhờ các hoạt động trên mà vai trò, vị thế của Liên hiệp hội địa phương ngày càng được nâng cao; được cấp ủy, chính quyền ngày càng tin tưởng hơn, giao nhiệm vụ nhiều hơn.

Để tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác phối hợp, hỗ trợ giữa Liên hiệp hội Việt Nam và Liên hiệp hội địa phương trong thời gian tới, Liên hiệp hội Thanh Hóa cần chủ động làm tốt những vấn đề sau:

Một là, chủ động phối hợp với Liên hiệp hội Việt Nam trong việc cụ thể hóa các nghị quyết, chủ trương của Đảng về công tác hội.

Hai là, thường xuyên thông tin những yêu cầu đối với Đảng đoàn Liên hiệp hội Việt Nam về nội dung cần phối hợp với tỉnh ủy, thành ủy trong việc chỉ đạo, hướng dẫn Liên hiệp hội địa phương phối hợp, chủ động tham mưu đề xuất việc cụ thể hóa văn bản của Đảng và Nhà nước về công tác hội tại địa phương, tránh tình trạng Trung ương ban hành văn bản nhưng các địa phương không thống nhất thực

hiện, mỗi địa phương thực hiện theo cách riêng của mình hoặc không triển khai thực hiện theo chỉ đạo của Trung ương.

Ba là, Liên hiệp hội Thanh Hóa duy trì hoạt động đúng Điều lệ; sơ kết, tổng kết và báo cáo kết quả đúng nội dung theo yêu cầu của Liên hiệp hội Việt Nam nhằm đóng góp thiết thực vào hoạt động của Liên hiệp hội Việt Nam thực hiện Nghị quyết Đại hội (khóa VIII) đã đề ra.

Bốn là, tăng cường phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy và các sở, ngành theo hướng dẫn của Liên hiệp hội Việt Nam và các cơ quan Trung ương nhằm tiếp tục nâng cao vị trí, vai trò trong việc tập hợp, đoàn kết, phát huy trí tuệ của đội ngũ trí thức KH&CN trong tỉnh đóng góp vào sự nghiệp phát triển tỉnh nhà.

Năm là, bám sát vào hướng dẫn của Liên hiệp hội Việt Nam, Ban Tuyên giáo Trung ương về công tác trí thức theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương (Khóa XIII) để tham mưu, thực hiện có hiệu quả hoạt động công tác trí thức KH&CN trên địa bàn tỉnh.

Sáu là, Liên hiệp hội Thanh Hóa tập trung thực hiện có chất lượng và hiệu quả các nhiệm vụ, công tác phối hợp, hỗ trợ của Liên hiệp hội Việt Nam với Liên hiệp hội Thanh Hóa trong năm 2024 và những năm tiếp theo.

Bảy là, Liên hiệp hội Thanh Hóa tiếp tục tăng cường phối hợp, hỗ trợ các hội thành viên với hội ngành Trung ương, góp phần làm tốt chức năng, nhiệm vụ và đóng góp của Liên hiệp hội Thanh Hóa vào sự nghiệp phát triển tỉnh nhà.

Hy vọng rằng, với những quyết tâm cao, nỗ lực lớn trong những năm tới, Liên hiệp hội Thanh Hóa cùng với các hội thành viên sẽ đẩy mạnh và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác phối hợp với Liên hiệp hội Việt Nam và các hội ngành Trung ương một cách thiết thực, hiệu quả góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu Nghị quyết Đại hội Liên hiệp hội Thanh Hóa khóa VII, nhiệm kỳ 2024 - 2029./.

TIẾP TỤC ĐỔI MỚI, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG THÔNG TIN, PHỔ BIẾN KIẾN THỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Nguyễn Quốc Uy
Phó Chủ tịch

Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Thanh Hóa

Năm 2023, tiếp tục thực hiện Đề án “Nâng cao chất lượng tuyên truyền, phổ biến kiến thức KH&CN” đã được phê duyệt, hoạt động thông tin, phổ biến kiến thức của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Thanh Hóa (Liên hiệp hội) được quan tâm đầu tư, từng bước đổi mới, đa dạng hóa nội dung và hình thức thông tin, tuyên truyền, nâng cao chất lượng và hiệu quả trong hoạt động.



Hội nghị Tập huấn kỹ năng viết tin, bài cho các ấn phẩm của Liên hiệp hội và tọa đàm cộng tác viên năm 2023.

Tập san “Khoa học Thanh Hóa” được xuất bản đúng định kỳ, với 4 số và trên 2.000 bản trong năm, đang từng bước được cải tiến cả nội dung và hình thức. Nét mới là bên cạnh các bài viết tuyên truyền các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, hoạt động của Liên hiệp hội và các hội thành viên, tập san đã dành dung lượng nhiều hơn cho các diễn đàn trí thức, ý kiến của trí thức về các vấn đề kinh tế, khoa học, giáo dục, văn hóa - xã hội; tăng cường các bài viết về phổ biến kiến thức khoa học và công nghệ (KH&CN), các công trình, giải pháp sáng tạo kỹ thuật đã và đang được áp dụng có hiệu quả, phản ánh các mô hình hay, cách làm sáng tạo trong hoạt động hội, gương người tốt, việc tốt, tuyên truyền và cung cấp thông tin về Hội thi, Cuộc thi, Giải thưởng.

Về hình thức, tập san cũng được chú trọng đổi mới, đặc biệt là chú ý trang trí trang bìa,

tăng số trang in màu, chú trọng trang trí, bố cục, kiểu chữ... tăng tính hấp dẫn cho người đọc. Nói chung, khi đọc giả cầm trên tay 4 số tập san của năm 2023 sẽ có cảm giác đầy đặn, hấp dẫn, phong phú và thiết thực hơn.

Để đảm bảo “ngân hàng” bài phong phú, đa dạng và tính thời sự, ngoài các bài viết do lãnh đạo và cán bộ Liên hiệp hội, các hội thành viên, các Trung tâm trực thuộc, các cộng tác viên gửi đến, Ban Biên tập đã chủ động đặt bài các đồng chí lãnh đạo tỉnh, lãnh đạo các sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị nhân các sự kiện chính trị lớn của tỉnh, của đất nước.

Chế độ nhuận bút được cải thiện trong điều kiện có thể, tăng khoảng 30% so với các năm trước, khuyến khích được các tác giả quan tâm viết bài.

Về trang thông tin điện tử tusta.org.vn, Ban quản trị website đã kịp thời cập nhật các thông tin về tổ chức bộ máy nhân sự của cơ

KHOA HỌC THANH HÓA

quan Liên hiệp hội và các đơn vị thành viên, cơ cấu lại giao diện của website theo hướng hiện đại, thiết thực và hiệu quả hơn. Ngoài việc thường xuyên cập nhật các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, Ban quản trị còn thường xuyên tiếp nhận tin, bài, ảnh từ các cộng tác viên, chọn lọc, biên tập, thực hiện xử lý thông tin, hình ảnh về hoạt động của Liên hiệp hội, các hội thành viên, các trung tâm trực thuộc; tin, bài, hình ảnh có nội dung tuyên truyền, phổ biến kiến thức về KH&CN, các ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật mới, các mô hình, dự án điển hình tiên tiến trong và ngoài tỉnh. Bên cạnh đó, trang thông tin điện tử cũng thường xuyên đăng tải các hướng dẫn mới trong hoạt động hội; thông tin các hội thảo khoa học phân biện của Liên hiệp hội tổ chức theo nhiệm vụ được UBND tỉnh giao, các báo cáo kết quả phân biện; thông tin về các hoạt động kỷ niệm Ngày Khoa học và Công nghệ Việt Nam (18/5), Ngày thành lập Liên hiệp hội Thanh Hóa (28/10); thông tin về phát động và thể lệ Hội thi, Cuộc thi, Giải thưởng năm 2023. Trong năm, số lượng tin, bài, ảnh đăng tải trên trang web là trên 200 tin, bài; số lượng người truy cập thường xuyên đạt ở mức 450.000 lượt người/năm.

Nhìn chung, tập san “Khoa học Thanh Hóa” và trang thông tin điện tử tusta.org.vn đang từng bước được đổi mới, hoàn thiện, thiết thực, hấp dẫn và sinh động hơn, thực sự trở thành nơi cung cấp thông tin KH&CN hữu ích, diễn đàn khoa học của cán bộ, hội viên và đông đảo quần chúng nhân dân trong tỉnh.

Công tác phối hợp tuyên truyền giữa Liên hiệp hội với các đơn vị thông tin đại chúng, cụ thể là Báo Thanh Hóa, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh được tiến hành chặt chẽ, thường xuyên, liên tục và hiệu quả hơn. Ban Thông tin, phổ biến kiến thức đã tham mưu xây dựng, đăng tải trên báo, đài các phóng sự, tin, bài về tuyên truyền, phổ

biến kiến thức về khoa học công nghệ, chuyên giao tiến bộ kỹ thuật mới vào sản xuất và đời sống; những chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, của tỉnh Thanh Hóa về KH&CN và xây dựng đội ngũ trí thức, các hoạt động của Liên hiệp hội và các đơn vị thành viên; thông tin về các tác giả có công trình, giải pháp đoạt giải cao tại Hội thi, Cuộc thi, Giải thưởng do Liên hiệp hội phát động, hoạt động tôn vinh trí thức... Trong năm, đã phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Thanh Hóa đăng tải hàng chục phóng sự, hàng trăm tin, bài về các hoạt động của Liên hiệp hội và các đơn vị thành viên.

Hoạt động phổ biến kiến thức được chú trọng, thường xuyên cập nhật những kiến thức về KH&CN, văn hóa, lịch sử, các vấn đề xã hội thông qua tập san Khoa học Thanh Hóa và trang thông tin điện tử, các hội nghị, hội thảo khoa học, cuộc thi, hội thi.

Trong các số tập san Khoa học Thanh Hóa, Ban Biên tập đã lựa chọn đăng tải nhiều bài viết có nội dung phổ biến kiến thức về nông nghiệp, pháp luật, lịch sử, xã hội, các công trình, giải pháp đoạt giải cao tại các hội thi, cuộc thi, giải thưởng ở tỉnh và toàn quốc.

Trang thông tin điện tử đã xây dựng thêm chuyên mục “Phổ biến kiến thức” để thường xuyên đăng tải các bài viết thông tin phổ biến kiến thức về các lĩnh vực khoa học thường thức, kinh tế, văn hóa, lịch sử...



Liên hiệp hội phối hợp với Câu lạc bộ Hàm Rồng tổ chức hội nghị thông tin chuyên đề cho cán bộ, hội viên.

Liên hiệp hội đã giúp đỡ, hỗ trợ, hướng dẫn các hội thành viên tổ chức các hội thảo khoa học, tập huấn, chuyển giao kỹ thuật, công nghệ, bồi dưỡng cập nhật kiến thức mới cho cán bộ, hội viên và Nhân dân. Trong năm, nhiều đơn vị đã tổ chức các hoạt động thiết thực và hiệu quả, như: Hội Khoa học kỹ thuật Hoàng Hóa tổ chức Hội nghị tập huấn xử lý rác thải hữu cơ làm phân bón quy mô hộ gia đình và kỹ thuật tự làm chế phẩm sinh học cho cây trồng cho trên 120 nông dân các xã trên địa bàn huyện; Hội các ngành Sinh học, Hóa học phổ biến kỹ thuật trồng nấm ăn và kỹ thuật nuôi chim bồ câu Pháp cho Nhân dân một số xã của huyện Hoàng Hóa; Hội Điều dưỡng tổ chức tập huấn hướng dẫn phòng ngừa sự cố y khoa trong các cơ sở khám chữa bệnh cho hàng trăm điều dưỡng viên của các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh; Hội Dân tộc học và Nhân học tổ chức Hội thảo khoa học về xây dựng bộ chữ Mường Thanh Hóa và hướng dẫn học chữ Mường ở Thanh Hóa; Hội Khoa học Lịch sử tổ chức Hội thảo khoa học về các vị vua và công thần thời đầu Lê Trung Hưng và lễ hội Vạn Lại Yên Trường tại huyện Thọ Xuân với sự tham gia của hàng trăm nhà khoa học của Trung ương, của tỉnh và huyện Thọ Xuân; Trung tâm Nghiên cứu phát triển vùng tổ chức Hội thảo khoa học xây dựng sản phẩm du lịch đặc thù phục vụ phát triển du lịch nông thôn tại huyện Ngọc Lặc; Liên chi hội Khoa học lịch sử Lực lượng vũ trang phối hợp tổ chức Hội thảo khoa học huyện thoại bến phà Ghép anh hùng với sự tham gia của nhiều nhân chứng lịch sử thời kỳ kháng chiến chống chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ nhất của đế quốc Mỹ; Hội Sinh vật cảnh tổ chức Hội thảo tập huấn về nâng cao tay nghề sinh vật cảnh và kỹ năng hoạt động công tác hội; Trung tâm CORENACCA trong phạm vi các dự án của các tổ chức quốc tế tài trợ đã tổ chức hàng trăm lớp tập huấn cho hàng nghìn lượt bà con nông dân các xã Đa Lộc (Hậu Lộc), Nga Tân, Nga Thủy (Nga Sơn), Yên Khương (Thường Xuân) về pháp

luật bảo vệ rừng, kỹ thuật nuôi ong, nuôi vịt biển, trồng cây na dưới tán rừng, kỹ thuật làm phân bón hữu cơ từ chế phẩm sinh học... thực sự đem lại hiệu quả kinh tế cao trong phát triển sản xuất nông nghiệp tại các địa phương nói trên.

Liên hiệp hội phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị liên kết như Trường Đại học Hồng Đức, Viện Nông nghiệp Thanh Hóa tổ chức nhiều hội thảo, diễn đàn khoa học công nghệ; hội nghị chuyển giao kỹ thuật, cụ thể: đã tổ chức thành công Hội thảo khoa học về thực trạng và giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ chức và doanh nghiệp KH&CN nhân dịp kỷ niệm Ngày KH&CN Việt Nam 18/5, Diễn đàn nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đổi mới sáng tạo KH&CN phục vụ phát triển kinh tế xã hội tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021 - 2030 nhân dịp kỷ niệm Ngày thành lập Liên hiệp hội (28/10) với sự tham gia của hàng trăm nhà khoa học có uy tín trong tỉnh; phối hợp với Viện Nông nghiệp tổ chức tập huấn về kỹ thuật chăn nuôi lợn và phòng trừ dịch bệnh cho lợn cho trên 150 nông dân thuộc địa bàn xã Yên Nhân (huyện Thường Xuân)...

Năm 2023, Thường trực Liên hiệp hội phối hợp với lãnh đạo Câu lạc bộ Hàm Rồng tổ chức 2 buổi thông tin chuyên đề, mời các chuyên gia có uy tín của Trung ương giới thiệu tác phẩm “Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, góp phần xây dựng Đảng, Nhà nước ta ngày càng trong sạch, vững mạnh” của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng và “Xu hướng phát triển nền nông nghiệp Việt Nam trong cách mạng công nghiệp lần thứ tư 4.0” cho hàng trăm cán bộ, hội viên của Liên hiệp hội và Câu lạc bộ Hàm Rồng.

Trong năm, các hội thành viên, đơn vị trực thuộc cũng đã chủ động tổ chức nhiều hoạt động thông tin, phổ biến kiến thức cho cán bộ, hội viên và Nhân dân, cụ thể như: Hiệp hội Gỗ và Lâm sản đã phối hợp tổ chức 15 lớp tập huấn về chính sách pháp luật liên quan đến sản xuất chế biến gỗ, lâm sản và nâng cao năng

KHOA HỌC THANH HÓA

lực, kỹ năng trong đổi mới thiết bị công nghệ, bảo vệ môi trường, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm cho các doanh nghiệp trong Hiệp hội. Hội Lâm nghiệp phối hợp tổ chức 78 cuộc tập huấn, 3 hội thảo khoa học với có 6.257 lượt người tham gia về các lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học, quản lý bảo vệ rừng, phòng chống chữa cháy rừng... Hội Giống cây trồng và Vật tư nông nghiệp tập huấn, chuyển giao kỹ thuật về sản xuất rau quả theo tiêu chuẩn VietGAP, tiêu chuẩn hữu cơ cho năng suất, chất lượng cao, sản phẩm OCOP; sử dụng thiết bị công nghệ cao, máy bay phục vụ sản xuất nông nghiệp... tại các huyện Đông Sơn, Hoàng Hóa, Cẩm Thủy, Thạch Thành. Hội Khoa học kỹ thuật huyện Hoàng Hóa tổ chức 5 lớp tập huấn kỹ thuật trồng trọt và chăn nuôi cho người lao động trên địa bàn huyện với 320 học viên, mở lớp tập huấn phòng trừ sâu bệnh cho cây trồng với 230 người tham gia. Các chi hội thuộc Hội Luật gia tổ chức hội nghị phổ biến, tư vấn pháp luật về đất đai tại một số xã, phường của huyện Thọ Xuân, thành phố Thanh Hóa, thành phố Sầm Sơn. Hội Tiêu chuẩn và Bảo vệ người tiêu dùng đã phối hợp với cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo 389 tỉnh và Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh thực hiện chuyên mục “Chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả và bảo vệ người tiêu dùng” và tuyên truyền cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”; tổ chức 10 lớp tập huấn kiến thức quản lý về chất lượng, an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản cho 1.360 học viên. Hội Khoa học Lịch sử xuất bản 4 số ấn phẩm “Thanh Hóa xưa và nay”; mở lớp tập huấn nghiệp vụ cho 200 hội viên về nội dung “Một số vấn đề nghiên cứu, biên soạn về làng cổ Thanh Hóa; yêu cầu nội dung viết bài cho các tập “Thanh Hóa xưa và nay”; Thanh Hóa xưa và nay - Diễn đàn nghiên cứu, trao đổi khoa học của Hội Khoa học lịch sử Thanh Hóa”. Hội Dân tộc học và Nhân học tổ chức khai giảng 5 lớp học chữ Nôm Dao cho 200 học viên cộng đồng người Dao tại huyện Ngọc Lặc, Cẩm Thủy...

Có thể khẳng định, năm 2023, hoạt động thông tin, phổ biến kiến thức của Liên hiệp hội và các đơn vị thành viên diễn ra sôi nổi, có nhiều đổi mới, cụ thể, thiết thực và có hiệu quả hơn, khẳng định rõ là một trong những chức năng quan trọng trong hoạt động của Liên hiệp hội, góp phần chuyển giao, ứng dụng khoa học, kỹ thuật, công nghệ vào sản xuất và đời sống, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Bên cạnh đó, hoạt động này cũng còn những hạn chế cần khắc phục, đó là còn thiếu sự chủ động tham mưu đề xuất kế hoạch tuyên truyền, thông tin, phổ biến kiến thức của Ban Thông tin, phổ biến kiến thức cũng như của các hội thành viên, trung tâm trực thuộc; các hội thành viên, đơn vị trực thuộc còn thiếu thông tin về các hoạt động của đơn vị mình để gửi tin, bài, hình ảnh hoạt động gửi về Liên hiệp hội tổng hợp và đăng tải; chất lượng nhiều hoạt động thông tin và phổ biến kiến thức chưa cao, chưa thực sự hấp dẫn, thiết thực, chưa thu hút được sự quan tâm của đông đảo cán bộ, hội viên và quần chúng Nhân dân.

Năm 2024 là năm có nhiều sự kiện quan trọng của đất nước, cũng là năm Liên hiệp hội tổ chức Đại hội đại biểu lần thứ VII, nhiệm kỳ 2024 - 2029 và kỷ niệm 30 năm Ngày thành lập Liên hiệp hội Thanh Hóa (28/10/1994 - 28/10/2024); năm đầu tiên thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8, khóa XIII của Đảng về xây dựng và phát triển đội ngũ trí thức, công tác thông tin, phổ biến kiến thức của Liên hiệp hội và các hội thành viên. Các đơn vị cần bám sát các sự kiện chính trị quan trọng này, tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động theo hướng thiết thực và hiệu quả, đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền, bằng nhiều kênh thông tin góp phần nâng cao nhận thức chính trị cho cán bộ, hội viên và Nhân dân, chuyển giao, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ vào sản xuất và đời sống, đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hóa./.

TỐI ƯU HÓA SỰ KẾT HỢP CỦA KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ NGUỒN NHÂN LỰC TRONG NÔNG NGHIỆP TẠI TỈNH THANH HÓA GIAI ĐOẠN 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN 2045

TS. Nguyễn Đình Hải

Viện trưởng

Viện Nông nghiệp Thanh Hóa

Nông nghiệp, nông dân, nông thôn là những vấn đề có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với sự ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH), bảo đảm an ninh, quốc phòng; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ môi trường sinh thái; là vấn đề có tính chiến lược trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và sự nghiệp cách mạng của nước ta. Sau gần 35 năm tiến hành công cuộc đổi mới đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, ngành nông nghiệp nước ta luôn thể hiện tốt vai trò là trụ đỡ, đồng thời là ngành có đóng góp quan trọng vào sự phát triển KT-XH của đất nước.

Thanh Hóa, là tỉnh có địa bàn rộng, số người làm nông nghiệp và sống trong khu vực nông nghiệp, nông thôn rất lớn; đến hết năm 2022, tỉnh Thanh Hóa có trên 72% dân số sống ở khu vực nông thôn và lao động trong lĩnh vực nông nghiệp chiếm gần 33% lao động đang làm việc

trong nền kinh tế. Trong các nhiệm kỳ Đại hội Đảng bộ tỉnh gần đây, Thanh Hóa đều xác định Chương trình phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới và Chương trình phát triển nguồn nhân lực là chương trình trọng tâm của nhiệm kỳ; và Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2045 xác định nông nghiệp cùng với công nghiệp chế biến, chế tạo và du lịch được xác định là 3 trụ cột phát triển; các khâu đột phá phát triển; trong đó tiếp tục xác định khâu đột phá “Nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao và phát triển mạnh mẽ khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo; phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, phục vụ các ngành kinh tế trọng tâm, trọng điểm của tỉnh”.

Chính vì vậy, để phát huy những kết quả đã đạt được, kịp thời khắc phục những khó khăn, hạn chế, phấn đấu hoàn thành thắng lợi các mục tiêu tại Nghị quyết số 58/TW của Bộ Chính trị, Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2045 của Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX đã đề ra, việc tối ưu hóa sự kết hợp giữa khoa học, công nghệ và nguồn nhân lực trong nông nghiệp Thanh Hóa là một yêu cầu hết sức cấp thiết. Điều này sẽ đóng góp tích cực vào sự phát triển bền vững KT-XH của tỉnh trong giai đoạn 2021 - 2030 và tầm nhìn đến 2045.

Những năm qua, ngành nông nghiệp tỉnh Thanh Hóa có bước phát triển đáng khích lệ, tốc độ tăng trưởng bình quân hằng năm (giai đoạn 2021 - 2023) ước



Viện trưởng Nguyễn Đình Hải kiểm tra hoạt động chuyên môn tại phòng lưu giữ nguồn gen và nuôi cấy mô của đơn vị.

đạt 3,85% cao nhất từ trước đến nay; tổng giá trị sản xuất (giá thực tế) là 66.280 tỷ đồng, (đứng thứ 9 toàn quốc); xuất khẩu nông, lâm, thủy sản đạt 321,6 triệu USD có mặt ở trên 30 quốc gia và vùng lãnh thổ. Trong lĩnh vực chăn nuôi, là địa phương có tổng đàn vật nuôi thuộc tốp đầu cả nước (đứng thứ 2 về đàn trâu 190 nghìn con, thứ 3 về đàn lợn 1,25 triệu con, thứ 4 về đàn gia cầm 24,5 triệu con và thứ 5 về đàn bò 270 nghìn con). Tổng sản lượng thủy sản ước đạt 207,9 nghìn tấn, tăng 3,1% cùng kỳ. Về xây dựng nông thôn mới, công tác xây dựng Nông thôn mới (NTM) đạt được những kết quả tích cực đến nay, toàn tỉnh có 12 đơn vị cấp huyện (đứng thứ ba cả nước), 349 xã (đứng đầu cả nước) đạt chuẩn NTM, 80 xã đạt chuẩn NTM nâng cao, 17 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu, 317 sản phẩm OCOP cấp tỉnh (đứng thứ 3 cả nước). Thanh Hóa đã phê duyệt ban hành 12 sản phẩm nông nghiệp chủ lực để tập trung đầu tư phát triển, đến nay đã hình thành được các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung quy mô lớn gắn với chế biến, tiêu thụ theo chuỗi giá trị như: vùng lúa thâm canh 150.000 ha, vùng ngô thâm canh 20.000 ha, vùng mía nguyên liệu 14.300 ha, vùng sắn nguyên liệu 13.500 ha, vùng gỗ lớn 56.000 ha, vùng luồng thâm canh 29.000 ha... xây dựng được 1.295 chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn.

Những tồn tại, hạn chế của ngành nông nghiệp Thanh Hóa:

Một là, diện tích đất sản xuất nông nghiệp vẫn còn nhỏ lẻ, manh mún, phân tán, các mô hình chuyển đổi cơ cấu cây trồng còn mang tính tự phát nên việc liên kết tổ chức sản xuất theo hướng hợp tác từ sản xuất đến tiêu thụ giữa người nông dân và doanh nghiệp tiêu thụ sản phẩm thông qua hợp đồng còn ít và hiệu quả chưa cao.

Hai là, các hộ nông dân thiếu vốn đầu tư sản xuất, nguồn vốn hỗ trợ của nhà nước không nhiều, việc tiếp cận các nguồn vốn tín dụng còn gặp nhiều khó khăn nên việc đầu tư để tái cơ cấu sản xuất theo hướng trang trại, tập trung và ứng dụng công nghệ cao còn hạn chế.

Ba là, thiếu lao động sản xuất, chất lượng nguồn nhân lực thấp. Do quá trình công nghiệp hóa nên có sự chuyển dịch rất lớn từ lao động nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ, lực lượng lao động trẻ đều vào làm trong các công ty, xưởng sản xuất; lao động nông nghiệp bị già hóa, chất lượng lao động nông nghiệp không đáp ứng với yêu cầu của sản xuất nông nghiệp hàng hóa, tập trung, quy mô lớn. Tình trạng nông dân bỏ ruộng diễn ra ngày càng phổ biến.

Bốn là, thị trường tiêu thụ sản phẩm bấp bênh. Phần lớn sản xuất của các hộ nông dân hiện nay chưa theo định hướng, yêu cầu của thị trường, chất lượng sản phẩm nông nghiệp chưa cao, thị trường tiêu thụ chưa đa dạng, hạn hẹp, không ổn định nên tình trạng được mùa, mất giá, sản phẩm khó tiêu thụ vẫn còn xảy ra. Đàn gia súc gia cầm luôn bị uy hiếp bởi các dịch bệnh. Mặt khác, giá cả các dịch vụ đầu vào như vật tư nông nghiệp liên tục tăng cao dẫn đến hiệu quả sản xuất nông nghiệp có thời điểm đạt rất thấp.

Năm là, mô hình liên kết tổ chức sản xuất theo hướng hợp tác từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm giữa người nông dân, hợp tác xã và doanh nghiệp tiêu thụ sản phẩm thông qua hợp đồng còn hạn chế và hiệu quả chưa cao. Bên cạnh đó, doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp còn rất ít; tình trạng phá vỡ hợp đồng ở cả hai phía doanh nghiệp và hộ dân vẫn còn xảy ra nên mô hình liên kết không nhiều và thiếu bền vững

Nguồn nhân lực khoa học và công nghệ (KH&CN) là yếu tố quan trọng, quyết định đến sự thành công trong hoạt động KH&CN. Tỉnh Thanh Hóa luôn quan tâm, xây dựng và phát triển nguồn nhân lực KH&CN của tỉnh nói chung và nguồn nhân lực KH&CN cho nông nghiệp Thanh Hóa nói riêng nhằm cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XVIII đã đề ra nhiệm vụ, giải pháp về khoa học, công nghệ là: “Phát triển nhanh nghiên cứu chuyên giao và ứng dụng khoa học công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực, tạo đột phá để hiện đại hóa nông nghiệp, công nghiệp hóa nông thôn” đáp

ứng yêu cầu trong những khâu đột phá, nhằm phát triển KT-XH và nâng cao đời sống nhân dân. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX tiếp tục chỉ rõ: “Nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao KH&CN; chủ động, tích cực tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư phục vụ phát triển KT-XH nhanh và bền vững” và xem đây là 1 trong 3 khâu đột phá của tỉnh trong giai đoạn 2021 - 2025.

Đội ngũ trí thức KH&CN Thanh Hóa có 256 nghìn người (trong đó có 28 phó giáo sư, gần 400 tiến sĩ và 7.000 thạc sĩ, chiếm gần 3%). Số lượng cán bộ tham gia nghiên cứu KH&CN ngày càng tăng; nguồn nhân lực này đã tham gia thực hiện các nhiệm vụ KH&CN, hoạt động nghiên cứu KH&CN đạt được những kết quả rất đáng khích lệ. Nhiều mô hình sản xuất tiên tiến được xây dựng, nhiều công nghệ, kỹ thuật tiên bộ được chuyển giao vào sản xuất và đời sống.

Trong lĩnh vực trồng trọt: Đã tập trung nghiên cứu ứng dụng các thành tựu công nghệ sinh học, chọn tạo, tuyển chọn, phục tráng, nhân giống cây trồng có năng suất, chất lượng cao, phù hợp với điều kiện tỉnh Thanh Hóa, góp phần làm chuyển biến cơ bản chất lượng giống cây trồng (12 giống lúa thuần, 8 giống lúa mới, giống lúa lai F1, 16 giống lạc, 6 giống mía, 4 giống sắn, 4 giống đậu tương...). Một số đối tượng cây trồng mới được đưa vào trồng thử nghiệm tại Thanh Hóa như cây Diêm mạch, cây Sachi. Đẩy mạnh ứng dụng các công nghệ sau thu hoạch từ khâu bảo quản, sơ chế và chế biến các sản phẩm, góp phần giảm thiểu tỷ lệ thất thoát sau thu hoạch và nâng cao giá trị sản phẩm.

Trong chăn nuôi: Đã đẩy mạnh ứng dụng công nghệ di truyền để chọn lọc giống, tạo giống chất lượng và bảo tồn nguồn gen; sản xuất nhiều giống mới có năng suất, chất lượng cao. Nhiều mô hình sản xuất, chăn nuôi tiên tiến (cả về công nghệ và tổ chức) được áp dụng thành công ở quy mô lớn (quy trình VietGAP, đảm bảo chất lượng cao và an toàn sinh học, nông nghiệp hữu cơ...).

Trong thủy sản: Tiếp tục nghiên cứu và nhân rộng công nghệ sản xuất giống thủy sản chất lượng cao; từng bước chủ động sản xuất giống trên địa bàn; triển khai các mô hình nuôi trồng thủy sản theo hướng thâm canh, áp dụng công nghệ cao; đẩy mạnh hình thức nuôi lồng, bè trên biển, các mô hình nuôi kết hợp bảo vệ môi trường sinh thái. Nâng cao năng lực khai thác hải sản xa bờ gắn với áp dụng công nghệ hiện đại.

Trong lâm nghiệp: Tập trung ứng dụng công nghệ nhân giống cây lâm nghiệp bằng nuôi cấy mô, hom. Đẩy mạnh ứng dụng cơ giới hóa trong lâm nghiệp. Nghiên cứu trồng thử một số cây lâm nghiệp mới, khảo nghiệm sản xuất cây có giá trị kinh tế cao.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được nhân lực KH&CN của tỉnh ta còn có những hạn chế, tồn tại:

Một là, cơ cấu phân bố theo trình độ đào tạo của đội ngũ cán bộ KHCN các sở, ngành, huyện, thị thành phố chưa đồng đều theo vùng miền và theo cấp hành chính; cán bộ có trình độ cao chủ yếu tập trung ở khu vực thành thị và khối cơ quan cấp tỉnh.

Hai là, thiếu chuyên gia giỏi, người có trình độ cao, nắm vững chuyên môn nghiệp vụ, sâu sát thực tiễn đáp ứng yêu cầu tham mưu cũng như tổ chức triển khai thực hiện các hoạt động KH&CN và đẩy mạnh hội nhập quốc tế đang là tình trạng chung của đội ngũ cán bộ KH&CN của tỉnh, trong đó có cán bộ KH&CN các sở, ban, ngành, huyện, thị, thành phố. Số cán bộ có năng lực, trình độ đáp ứng yêu cầu của hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ tại các đơn vị sự nghiệp khoa học chưa nhiều.

Những bất cập nêu trên đã và đang trở thành những vấn đề không nhỏ làm cho hoạt động KH&CN của Thanh Hoá trên thực tế chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế. Nếu không kịp thời có chính sách đãi ngộ và trọng dụng nhân tài mang tính đột phá thì không thể có những nhà khoa học đầu ngành, những tập thể khoa học

mạnh. Nhận thức được những hạn chế, thách thức về nhân lực theo đó Viện Nông nghiệp Thanh Hóa đã chủ động bám sát nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, kiên trì thực hiện mục tiêu lấy nghiên cứu, ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật, chuyển giao công nghệ mới vào sản xuất, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm của Viện.

Việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN đã giải quyết kịp thời các vấn đề bức thiết, nhất là trong lĩnh vực phát triển nông, lâm, thủy sản, xây dựng nông thôn mới, phục vụ đối tượng hưởng lợi là nông dân. Qua đó, hình thành các mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, các vùng sản xuất tập trung theo hướng hàng hóa; xây dựng và phát triển thương hiệu sản phẩm, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất, tạo bước chuyển biến tích cực trong đời sống xã hội. Việc ứng dụng các tiến bộ khoa học vào sản xuất đã tiếp cận với các quy trình sản xuất tiên tiến, nâng cao năng lực áp dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào thực tế sản xuất trong cộng đồng góp phần xây dựng nông thôn mới, cải thiện đời sống cho nhân dân.

Viện Nông nghiệp Thanh Hóa là đơn vị sự nghiệp KH&CN trực thuộc UBND tỉnh có chức năng tham mưu giúp việc cho tỉnh trong lĩnh vực nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao kết quả nghiên cứu KH&CN, tư vấn về chiến lược phát triển và cung cấp các dịch vụ trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản xin đề xuất với lãnh đạo tỉnh một số nội dung sau:

Thứ nhất, về thu hút, phát triển, sử dụng nguồn nhân lực khoa học công nghệ chất lượng cao: Đề nghị tỉnh sớm xây dựng một đề án tổng thể “Thu hút, phát triển, sử dụng nguồn nhân lực khoa học công nghệ chất lượng cao cho các ngành trụ cột đến 2030” mới có thể giải quyết tổng thể điểm nghẽn về nguồn nhân lực cho các ngành quan trọng, trong đó có Viện Nông nghiệp.

Thứ hai, về nâng cao năng lực của các tổ chức KH&CN:

Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2045 xác định nông nghiệp cùng với công nghiệp chế biến, chế tạo và du

lịch được xác định là 3 trụ cột phát triển; các khâu đột phá phát triển, trong đó tiếp tục xác định “Nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao và phát triển mạnh mẽ khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo; phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, phục vụ các ngành kinh tế trọng tâm, trọng điểm của tỉnh”. Quy hoạch đã xác định nhiệm vụ phát triển hạ tầng KH&CN là tập trung xây dựng Trường Đại học Hồng Đức, Trường Đại học Văn Hóa, Thể thao và Du lịch; Viện Nông nghiệp Thanh Hóa thành trung tâm đào tạo và nghiên cứu lớn của khu vực Miền Trung.

Đề Viện Nông nghiệp sớm khẳng định được vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ, đề nghị tỉnh tiếp tục quan tâm cụ thể: (1) Tiếp tục duy trì cơ chế tài chính đặt hàng giao nhiệm vụ cho Viện giai đoạn 2026 - 2030 để viên chức, người lao động yên tâm công tác, xây dựng phát triển Viện; (2) Quan tâm hỗ trợ cơ chế chính sách để Viện có nguồn lực sớm mở rộng hoạt động hợp tác với tác trường đại học, viện nghiên cứu và doanh nghiệp tại các nước có nền khoa học nông nghiệp phát triển để tiếp nhận công nghệ, trao đổi kinh nghiệm đào tạo nguồn nhân lực...; (3) Hỗ trợ đầu tư nâng cấp hạ tầng nghiên cứu các trung tâm trực thuộc có đủ điều kiện để lưu giữ nguồn gen, tiếp nhận và hoàn thiện công nghệ sản xuất cho từng loại cây trồng, vật nuôi.

Từ những nhận diện về thực trạng về KH&CN và nguồn nhân lực trong nông nghiệp của tỉnh ta; những hạn chế, thách thức; và sự quan tâm chỉ đạo, tháo gỡ những điểm nghẽn về KH&CN, phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao của lãnh đạo tỉnh, hy vọng sẽ góp phần thực hiện thành công khâu đột phá về KH&CN trên địa bàn tỉnh nói chung, ngành nông nghiệp của Thanh Hóa nói riêng trong thời gian tới, từ đó đạt được nhiều kết quả trong phát triển nông nghiệp tỉnh nhà, đóng góp quan trọng phục vụ phát triển KH-XH nhanh và bền vững theo Nghị quyết của Trung ương và tỉnh Thanh Hóa đã đề ra./.

MỘT SỐ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TƯ VẤN, PHẢN BIỆN VÀ GIÁM ĐỊNH XÃ HỘI CỦA LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT THANH HOÁ NĂM 2023

Phạm Kim Tân

Tổng Thư ký

Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Thanh Hóa



Hội thảo khoa học phục vụ phản biện “Đề án chuyển đổi số huyện Quảng Xương đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.

Tập hợp đội ngũ trí thức khoa học và công nghệ (KH&CN) tham gia tư vấn, phản biện và giám định xã hội nhằm tham mưu cho tỉnh có thêm căn cứ, cơ sở khoa học để xem xét quyết định các vấn đề quan trọng phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội là một trong những nhiệm vụ trọng tâm được Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Thanh Hoá (Liên hiệp hội) xác định trong thời gian qua.

Để thể chế hóa chủ trương của Đảng và Nhà nước về hoạt động tư vấn, phản biện và giám định xã hội, ngày 30/01/2002, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 22/2002/QĐ-TTg về hoạt động tư vấn, phản

biện và giám định xã hội của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam. Sau thời gian thực hiện còn có nhiều bất cập, theo đề nghị của các bộ, ban, ngành Trung ương và Liên hiệp hội Việt Nam, ngày 14/02/2014, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 14/2014/QĐ-TTg về hoạt động tư vấn, phản biện và giám định xã hội của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam. Sau khi có Quyết định số 14/2014/QĐ-TTg, với sự tích cực tham mưu của Liên

hiệp hội Thanh Hóa và các sở, ngành liên quan, ngày 14/01/2016 UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 163/2016/QĐ-UBND quy định hoạt động tư vấn, phản biện, giám định xã hội của Liên hiệp hội Thanh Hoá theo Quyết định số 14/2014/QĐ-TTg ngày 14/02/2014 của Thủ tướng Chính phủ. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng để Liên hiệp hội thực hiện tốt nhiệm vụ tư vấn, phản biện và giám định xã hội.

Xác định hoạt động tư vấn, phản biện, giám định xã hội là một trong những nhiệm vụ quan trọng và khẳng định vị thế, vai trò của Liên hiệp hội, vì vậy Đảng đoàn, Ban Thường vụ Liên hiệp hội rất quan tâm chỉ

KHOA HỌC THANH HÓA

đạo thực hiện. Trong đó, hoạt động tư vấn, phản biện, giám định xã hội của Liên hiệp hội phải thể hiện rõ tính độc lập, khách quan, được lập luận trên cơ sở khoa học, thực tiễn nhất định, phù hợp với xu hướng chung, lợi ích chung của cộng đồng, xã hội. Đây là một yếu tố rất quan trọng liên quan trực tiếp đến hiệu quả, giá trị của nội dung báo cáo phản biện. Trên cơ sở đó, các cán bộ khoa học của Liên hiệp hội, các hội thành viên đã tham gia các hoạt động tư vấn và hội đồng khoa học chuyên ngành, đóng góp tốt cho các chương trình, dự án của các bộ, ngành và địa phương.

Trong giai đoạn 2016 - 2020, Liên hiệp hội đã đề xuất và được Chủ tịch UBND tỉnh giao nhiệm vụ tư vấn, phản biện một số chương trình, quy hoạch, kế hoạch, đề án lớn của tỉnh (mỗi năm 5 nhiệm vụ). Qua hơn 5 năm thí điểm triển khai thực hiện các nhiệm vụ tư vấn, phản biện, Liên hiệp hội đã xây dựng và tập hợp được đội ngũ, chuyên gia, nhà khoa học giàu kinh nghiệm, đủ sức thực hiện các nhiệm vụ tư vấn, phản biện và giám định xã hội trên mọi lĩnh vực kinh

tế - xã hội của tỉnh. Từ năm 2021 trở đi, căn cứ vào Chương trình công tác hằng năm của UBND tỉnh, Liên hiệp hội đã nghiên cứu lựa chọn, có văn bản đề nghị và được Chủ tịch UBND tỉnh tin tưởng giao phản biện 10 nhiệm vụ/năm.

Năm 2023, Chủ tịch UBND tỉnh đã giao Liên hiệp hội 10 nhiệm vụ phản biện, gồm: (1) Quy định quản lý Chương trình hỗ trợ tài sản trí tuệ tỉnh Thanh Hóa; (2) Đề án xây dựng sàn giao dịch công nghệ - thiết bị tỉnh Thanh Hóa do Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan chủ trì xây dựng; (3) Định mức kinh tế - kỹ thuật áp dụng đối với cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục Thường xuyên trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; (4) Định mức chi hỗ trợ người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tham gia xóa mù chữ do Sở Giáo dục và Đào tạo là cơ quan chủ trì xây dựng; (5) Đề án phát triển Trường Cao đẳng Nông nghiệp Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 do Trường Cao đẳng Nông nghiệp Thanh Hóa là cơ quan chủ trì xây dựng; (6) Đề án tăng cường kết nối nông nghiệp và công nghiệp chế biến nhằm thúc đẩy tiêu thụ



Hội thảo phản biện “Định mức kinh tế - kỹ thuật áp dụng đối với cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục Thường xuyên trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa”.

sản phẩm nông nghiệp và nâng cao giá trị hàng hóa xuất xứ trong tỉnh do Sở Công thương là cơ quan chủ trì xây dựng; (7) Đề án di dời các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường trong khu đô thị, khu dân cư vào các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu sản xuất tập trung trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa do Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan chủ trì xây dựng; (8) Đề án thành lập Bệnh viện lão khoa do Sở Y tế là cơ quan chủ trì xây dựng; (9) Đề án phát triển Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Thanh Hoá giai đoạn 2023 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 do Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh là cơ quan chủ trì xây dựng (10) Đề án chuyển đổi cơ cấu cây trồng gắn với tích tụ, tập trung đất đai, sản xuất công nghệ cao, chuyển đổi số trong nông nghiệp tại huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa do UBND huyện Thạch Thành là cơ quan chủ trì xây dựng.

Năm 2023, Liên hiệp hội đã tập trung nâng cao chất lượng phản biện thông qua các hoạt động: tăng số lượng các cuộc khảo sát thực tế nhằm nâng cao tính thực tiễn trong công tác phản biện đối với các chương trình, đề án; duy trì tỷ lệ số lượng chuyên gia công tác tại các cơ quan trung ương trong hội đồng; tăng số lượng thành viên phản biện là các đồng chí nguyên lãnh đạo tỉnh, nguyên lãnh đạo sở, ngành trong hội đồng; tăng số lượng đại biểu là các nhà quản lý ngành cấp tỉnh, cấp huyện, các ban giúp việc của HĐND tỉnh tham gia các hội thảo về nội dung báo cáo phản biện; duy trì, thực hiện các bước quy trình chuẩn bị và lấy ý kiến xây dựng báo cáo phản biện. Nhờ các hoạt động trên mà chất lượng các báo cáo phản biện của Liên hiệp hội trong năm 2023 được Tỉnh uỷ, UBND tỉnh, các cơ quan soạn thảo chương trình, kế hoạch, đề án đánh giá cao. Nhờ tham dự các công việc được Liên hiệp hội tổ chức trong quá trình phản biện mà các cơ quan được giao chủ trì xây dựng các chương trình, kế hoạch, đề án đã có nhận thức đầy đủ hơn về ý nghĩa và lợi ích của công tác phản biện; nâng cao được ý thức, trách nhiệm trong

việc cung cấp hồ sơ tài liệu ngày càng đầy đủ hơn, chủ động và lắng nghe ý kiến của hội đồng phản biện, tiếp thu nội dung nêu trong báo cáo phản biện nghiêm túc hoàn chỉnh chương trình, kế hoạch, đề án được giao. Cơ bản chương trình, kế hoạch, đề án sau khi tiếp thu, hoàn theo nội dung báo cáo phản biện đều đã sớm được cấp có thẩm quyền thông qua và phê duyệt.

Các hội thành viên và các đơn vị trực thuộc đã tiến hành tư vấn quy hoạch, dự án đầu tư, tư vấn và hỗ trợ pháp lý. Tiêu biểu như: Hội Luật gia đã tư vấn pháp luật trên 2.740 vụ việc cho hàng ngàn lượt người, giúp nhân dân giải quyết những vấn đề có liên quan đến pháp luật; Hội Quy hoạch và Phát triển đô thị tư vấn cho gần 20 đề án, dự án quy hoạch chung, chi tiết xây dựng đô thị, dự án đầu tư hạ tầng kỹ thuật các cụm công nghiệp và khu đô thị mới; Hội Giống cây trồng và Vật tư nông nghiệp tư vấn cho cán bộ, hội viên và người dân xây dựng nhiều hồ sơ sản phẩm OCOP; Hội Khoa học Thủy lợi tham gia phản biện về các giải pháp nâng cao an toàn đập, hồ chứa nước trên địa bàn tỉnh; Hội Khoa học Lịch sử tham gia phản biện các dự án trùng tu, bảo tồn các di tích, tư vấn khảo cổ học, xét duyệt xếp hạng các di tích, đặt tên và đổi tên đường phố, các công trình công cộng trên địa bàn tỉnh; Hội Bảo vệ môi trường tham gia thẩm định, phản biện 150 báo cáo đánh giá tác động môi trường do Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp tổ chức...

Ngoài ra, thực hiện vai trò thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Thanh Hóa trong việc giám sát, phản biện xã hội, Liên hiệp hội, các hội thành viên đã tích cực phối hợp Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh tổ chức nhiều hội nghị để lấy ý kiến đội ngũ trí thức KH&CN đóng góp vào các dự thảo văn bản pháp luật; phân công cán bộ, hội viên là những nhà khoa học, nhà quản lý tham gia tham gia giám sát, phản biện xã hội do Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh chủ trì.

Có thể khẳng định rằng, hoạt động tư vấn, phản biện và giám định xã hội năm 2023 của Liên hiệp hội và các hội thành viên đã đóng góp tích cực vào việc cụ thể hóa đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trên địa bàn tỉnh; đồng thời góp phần thực hiện có hiệu quả các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội. Hoạt động tư vấn, phản biện của Liên hiệp hội đã trở thành một kênh thông tin đáng tin cậy giúp lãnh đạo tỉnh khi xem xét quyết định các vấn đề quan trọng.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, hoạt động tư vấn, phản biện và giám định xã hội còn một số tồn tại, hạn chế, đó là:

(1) Nhận thức của một số ban, ngành, địa phương về hoạt động tư vấn, phản biện và giám định xã hội, chưa được đầy đủ, chưa thấy rõ vai trò của hoạt động tư vấn, phản biện và giám định xã hội, ngại việc phản biện độc lập nên việc cung cấp thông tin, tài liệu cho Liên hiệp hội chưa kịp thời, gây ảnh hưởng đến chất lượng tư vấn, phản biện và giám định xã hội.

(2) Chưa thực hiện được các nhiệm vụ về giám định xã hội.

(3) Sự phối hợp của các cấp, các ngành còn thiếu chặt chẽ, chưa đảm bảo quy trình phản biện.

(4) Nhân lực cán bộ quản lý, chuyên trách đối với công tác tư vấn, phản biện và giám định xã hội của Liên hiệp hội còn kiêm nhiệm nên tính chủ động chưa cao; năng lực trong công tác tư vấn phản biện và giám định xã hội còn hạn chế...

Để hoạt động tư vấn, phản biện và giám định xã hội của Liên hiệp hội đạt hiệu quả trong thời gian tới, cần tập trung vào các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm chủ yếu sau:

Một là, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến các văn bản quy định hiện hành của Nhà nước về hoạt động tư vấn, phản biện và giám định xã hội, làm cho các cấp, các ngành, tổ chức, cá nhân có liên quan hiểu và thống nhất cao về mục đích, hiệu quả, sự

cần thiết phải tư vấn, phản biện và giám định xã hội đối với các chương trình, dự án, quy hoạch, chính sách có ảnh hưởng lớn trước khi trình cấp có thẩm quyền quyết định.

Hai là, hoàn thành phản biện với chất lượng cao nhất đối với các nhiệm vụ được Chủ tịch UBND tỉnh giao thực hiện trong năm 2024.

Ba là, tập hợp, xây dựng hệ thống mạng lưới chuyên gia tư vấn, phản biện và giám định xã hội trong và ngoài tỉnh, đảm bảo đủ năng lực để thực hiện tốt nhiệm vụ, đặc biệt là các chuyên gia đầu ngành có trình độ chuyên môn cao, uy tín về khoa học và có nhiều kinh nghiệm trong tư vấn, phản biện và giám định xã hội.

Bốn là, kiện toàn Ban Tư vấn, phản biện và giám định xã hội của Liên hiệp hội; có kế hoạch đào tạo chuyên sâu cán bộ làm công tác tư vấn, phản biện và giám định xã hội; tăng cường kỹ năng tư vấn, phản biện và giám định xã hội và vận động chính sách cho đội ngũ chuyên gia thông qua các buổi tập huấn, hội thảo chuyên đề, các cuộc hội thảo khoa học, diễn đàn trí thức,...

Năm là, nâng cao tính chủ động của Liên hiệp hội và đội ngũ trí thức trong việc đề xuất các nhiệm vụ tư vấn, phản biện và giám định xã hội đối với các chương trình, quy hoạch, kế hoạch, dự án lớn về phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh; nâng cao năng lực thực hiện các nhiệm vụ tư vấn, phản biện và giám định xã hội; tạo mối liên kết, phối hợp chặt chẽ giữa Liên hiệp hội với các sở, ban ngành, đơn vị, địa phương để đẩy mạnh hoạt động tư vấn, phản biện và giám định xã hội.

Sáu là, tổ chức biên soạn và phổ biến các tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ tư vấn, phản biện và giám định xã hội, xây dựng sổ tay tư vấn, phản biện và giám định xã hội, tổ chức thường xuyên các khóa tập huấn nghiệp vụ nhằm cung cấp kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm về công tác tư vấn, phản biện và giám định xã hội của Liên hiệp hội và các hội thành viên để ngày càng trở nên chuyên nghiệp, hiệu quả, thiết thực hơn./.

THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO NĂNG LỰC NGHIÊN CỨU, ỨNG DỤNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐÁP ỨNG NHU CẦU PHÁT TRIỂN NÔNG, LÂM, NGƯ NGHIỆP TỈNH THANH HÓA, GIAI ĐOẠN 2023 - 2030

PGS.TS. Lê Hoàng Bá Huyền

Hiệu trưởng

Trường Cao đẳng Nông nghiệp Thanh Hóa

Thanh Hoá là tỉnh có nhiều lợi thế để phát triển nông, lâm, ngư nghiệp. Địa hình tự nhiên có miền núi, trung du, đồng bằng, với diện tích tự nhiên hơn 11 nghìn km²; tạo điều kiện thuận lợi trong sản xuất lương thực, chăn nuôi gia súc và trồng cây công nghiệp lâu năm. Vùng ven biển có chiều dài 102 km với 5 cửa lạch tạo điều kiện thuận lợi cho tàu thuyền khai thác thủy sản ra vào và các ngành nghề dịch vụ khác. Vùng lãnh hải rộng 17.000 km² với những bãi cá, bãi tôm trữ lượng lớn.

Trước yêu cầu của thực tiễn, trong bối cảnh toàn cầu hóa, biến đổi khí hậu, cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 đang diễn ra mạnh mẽ, vai trò, tiềm năng, lợi thế của ngành nông nghiệp Thanh Hóa là rất to lớn. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tích đạt được, vẫn còn một số khó khăn, tồn tại trong phát triển nông nghiệp như vấn đề Đại hội XIX Đảng bộ tỉnh đã nêu, đó là “Tái cơ cấu ngành nông nghiệp chậm. Diện tích đất tích tụ tập trung, sản xuất hàng hóa quy mô lớn chưa nhiều, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp vẫn còn nhiều khó khăn; sản phẩm sau chế biến còn ít, phần lớn là dạng thô, sơ chế, giá trị gia tăng thấp, sản phẩm có thương hiệu, sản phẩm xuất khẩu chưa nhiều...”. Những hạn



Hội thảo khoa học phân biệt “Đề án phát triển Trường Cao đẳng Nông nghiệp Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn 2045”.

chế trong sản xuất nông nghiệp xuất phát từ nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân quan trọng là năng lực nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ (KH&CN) đáp ứng yêu cầu phục vụ phát triển nông, lâm, ngư nghiệp trên địa bàn tỉnh còn hạn chế. Do vậy, cần thực hiện những giải pháp đồng bộ nâng cao năng lực ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến nhằm phát triển toàn diện ngành nông nghiệp trong thời gian tới.

Thực trạng nguồn nhân lực và kết quả nghiên cứu, ứng dụng KH&CN trong lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp

Sau nhiều năm thực hiện chủ trương phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ (KH&CN), đến nay đội ngũ cán bộ KH&CN

của tỉnh Thanh Hóa đã không ngừng gia tăng về số lượng và chất lượng, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới. Nhân lực KH&CN thuộc các tổ chức KH&CN trên địa bàn tỉnh có trên 2,7 nghìn người, chiếm 1,8% tổng số nhân lực KH&CN của tỉnh. Sự gia tăng về số lượng, nâng cao về chất lượng của nguồn nhân lực KH&CN trong thời gian qua đã góp phần không nhỏ vào sự phát triển kinh tế - xã hội trên tất cả các lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn... trong đó có lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp.

Đối với nguồn nhân lực KH&CN trong lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp tại Thanh Hóa chủ yếu tập trung tại các tổ chức KH&CN, trong đó tiêu biểu là Trường Đại học Hồng Đức, Viện Nông nghiệp Thanh Hóa và Trường Cao đẳng Nông nghiệp Thanh Hóa; ngoài ra, còn có ở các cơ quan quản lý nhà nước, các đơn vị sự nghiệp nông nghiệp và các doanh nghiệp nông nghiệp. Trong khuôn khổ bài viết này tác giả tập trung phân tích thực trạng nguồn nhân lực KH&CN nông, lâm, ngư nghiệp tại 3 tổ chức KH&CN đó là: Trường Đại học Hồng Đức, Viện Nông nghiệp Thanh Hóa và Trường Cao đẳng Nông nghiệp Thanh Hóa.

Thứ nhất, đối với Trường Đại học Hồng Đức là trường đại học địa phương đầu tiên trong hệ thống giáo dục quốc dân, đào tạo đa bậc, đa ngành trong đó khối ngành nông, lâm, ngư nghiệp là khối ngành truyền thống có bề dày trong đào tạo và nhất là hoạt động nghiên cứu KH&CN. Hạt nhân của Nhà trường là Khoa Nông lâm ngư nghiệp với đội ngũ 46 giảng viên, trong đó phân theo trình độ có 15 giảng viên có trình độ tiến sĩ, 26 giảng viên có trình độ thạc sĩ và 5 cử nhân.

Thứ hai, Viện Nông nghiệp Thanh Hóa là đơn vị sự nghiệp khoa học trực thuộc UBND tỉnh Thanh Hóa. Đây là mô hình Viện nghiên cứu nông nghiệp cấp tỉnh đầu tiên trong cả nước, tạo tiền đề quan trọng trong việc tập trung nguồn lực, đầu mỗi nghiên cứu ứng

dụng, chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học công nghệ, tư vấn về chiến lược phát triển và cung cấp các dịch vụ trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản. Về nguồn nhân lực KH&CN, Viện có số viên chức, người lao động giữ chức danh nghề nghiệp khoa học công nghệ là 78 người (chiếm 70% số viên chức và LDHĐ làm chuyên môn nghiệp vụ). Phân loại theo trình độ đào tạo có: 3 tiến sĩ, 25 thạc sĩ, 49 đại học, 1 trung cấp.

Thứ ba, Trường Cao đẳng Nông nghiệp Thanh Hóa (sáp nhập Trường Cao đẳng nghề Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thanh Hóa vào Trường Cao đẳng Nông lâm Thanh Hóa và đổi tên), với chức năng đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực; nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ phục vụ cho phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa và các tỉnh lân cận. Về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, có 2 phó giáo sư, tiến sĩ chiếm 1,9%; 64 thạc sĩ chiếm 59,8%; 32 đại học chiếm 29,9%; 2 cao đẳng chiếm 1,9%...

Thực tiễn đã chứng minh, việc đẩy nhanh nghiên cứu, ứng dụng KH&CN vào sản xuất đã đóng góp rất lớn đến sự phát triển của ngành nông nghiệp Việt Nam. Theo đánh giá của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, KH&CN và đổi mới sáng tạo đóng góp trên 30% giá trị gia tăng trong sản xuất nông nghiệp, trong lĩnh vực sản xuất giống cây trồng, vật nuôi đạt 38%. KH&CN đã góp phần nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa nông sản trên thị trường trong nước và quốc tế.

Năng lực nghiên cứu ứng dụng KH&CN không chỉ thể hiện qua nguồn nhân lực KH&CN mà điều quan trọng đó là kết quả nghiên cứu, triển khai các đề tài, dự án góp phần phục vụ phát triển nông, lâm, ngư nghiệp của địa phương và cả nước. Trong thời gian qua, kết quả nghiên cứu, ứng dụng KH&CN trong nông nghiệp của các đơn vị KH&CN trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đạt được khá toàn diện, trên nhiều lĩnh vực và có

đóng góp tích cực cho phát triển kinh tế - xã hội địa phương, cụ thể tại các đơn vị Trường Đại học Hồng Đức, Viện Nông nghiệp Thanh Hóa và Trường Cao đẳng Nông nghiệp Thanh Hóa như sau:

Tại Trường Đại học Hồng Đức, trong những năm qua đội ngũ giảng viên mà nòng cốt là Khoa Nông lâm ngư nghiệp đã nghiên cứu triển khai nhiều đề tài dự án các cấp phục vụ nghiên cứu cơ bản và nhất là nghiên cứu ứng dụng triển khai vào thực tiễn sản xuất. Về đề tài, dự án nghiên cứu KH&CN cấp Nhà nước do Trường Đại học Hồng Đức là cơ quan chủ trì có 4 đề tài. Về đề tài, dự án nghiên cứu KH&CN cấp Bộ do Trường Đại học Hồng Đức là cơ quan chủ trì có 2 đề tài. Đề tài, dự án nghiên cứu KH&CN cấp tỉnh do Trường Đại học Hồng Đức là cơ quan chủ trì có 12 đề tài. Ngoài ra, trong những năm qua Nhà trường còn triển khai thực hiện 13 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở.

Mặc dù mới thành lập từ 2018, song trong 5 năm qua, Viện Nông nghiệp Thanh Hóa đã trở thành một tổ chức KH&CN có nhiều đóng góp trong nghiên cứu, triển khai các đề tài, dự án góp phần phục vụ phát triển nông, lâm, ngư nghiệp tỉnh Thanh Hóa. Hiện Viện

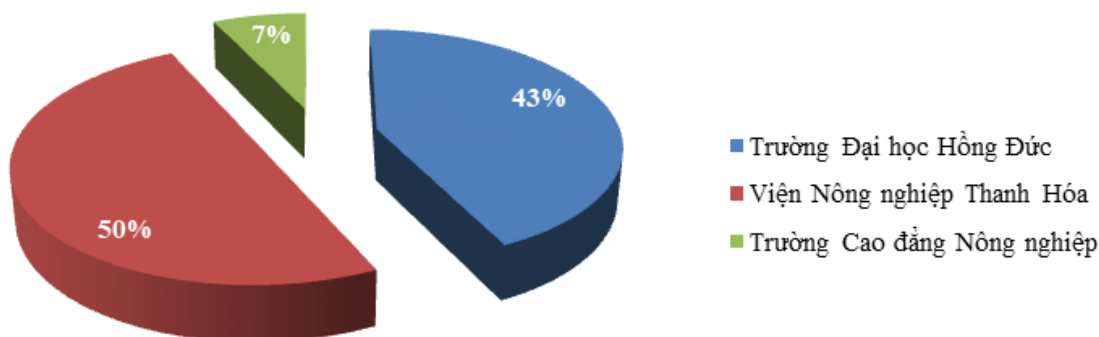
đã làm chủ 28 quy trình công nghệ, trong đó: lĩnh vực trồng trọt có 6 quy trình, lĩnh vực thủy sản có 4 quy trình, lĩnh vực chăn nuôi có 4 quy trình, lĩnh vực công nghệ sinh học có 14 quy trình. Trong năm 2022, toàn Viện đã tổ chức thực hiện 27 nhiệm vụ KH&CN các cấp.

So với Trường Đại học Hồng Đức và Viện Nông nghiệp Thanh Hóa thì Trường Cao đẳng Nông nghiệp Thanh Hóa có kết quả nghiên cứu, chuyển giao các đề tài dự án KH&CN hạn chế hơn. Trước khi sáp nhập, Trường mới chủ trì 1 nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh. Giai đoạn từ 2017 - 2022, Nhà trường mới bước đầu triển khai các hoạt động nghiên cứu khoa học do vậy kết quả còn khá khiêm tốn: có 1 bài báo đăng trên tạp chí khoa học quốc tế, 3 bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành. Triển khai thực hiện 83 đề tài/đề án cấp cơ sở, trong đó có 3 đề án cấp cơ sở của 3 khoa chuyên môn theo hình thức xã hội hóa. Trong năm 2022, Nhà trường đang được giao triển khai 2 đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh.

Những tồn tại, hạn chế...

Mặc dù KH&CN được coi là then chốt trong tổ chức và sản xuất nông nghiệp; tuy nhiên công tác nghiên cứu khoa học và

Bảng thống kê số lượng nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh về nông, lâm, ngư nghiệp do các tổ chức KH&CN đã triển khai



Nguồn: Báo cáo của Trường Đại học Hồng Đức, Viện Nông nghiệp Thanh Hóa và Trường Cao đẳng Nông nghiệp Thanh Hóa.

chuyển giao các tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất nông nghiệp ở tỉnh ta còn nhiều bất cập. Tỷ lệ ứng dụng KH&CN vào sản xuất nông nghiệp còn thấp và hạn chế. Chất lượng nguồn nhân lực còn chưa cao, nhất là về chất lượng; máy móc thiết bị, nguyên vật liệu phụ trợ phải nhập khẩu nhiều. Nhìn chung ứng dụng khoa học và công nghệ vào nông, lâm, ngư nghiệp Thanh Hóa vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu là nền tảng và động lực phát triển kinh tế - xã hội. Cụ thể, còn một số tồn tại, hạn chế sau:

Thứ nhất, quy mô ứng dụng KH&CN vào sản xuất trên địa bàn tỉnh còn nhỏ bé, số lượng sản phẩm KH&CN ứng dụng vào sản xuất nông nghiệp còn khiêm tốn, chưa tương xứng với yêu cầu phát triển của một tỉnh có thế mạnh về nông nghiệp. Số doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng KH&CN hiện đại vào sản xuất, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao còn ít, đây là rào cản không nhỏ trong phát triển nền nông nghiệp hàng hóa quy mô lớn trên cơ sở ứng dụng KH&CN hiện đại. Do vậy, sản phẩm làm ra còn ít về số lượng và thiếu đồng nhất về chất lượng nên khả năng cạnh tranh thấp, khó tiếp cận với thị trường khó tính. Ở khía cạnh khác, tuy số lượng sản phẩm KH&CN phục vụ nông nghiệp được nghiên cứu đã được tăng lên song số lượng thực tế được chuyển giao, ứng dụng vào sản xuất nông nghiệp một cách phổ biến, rộng rãi còn ít. Đặc biệt, trong khâu cơ giới hóa, bảo quản nông phẩm.

Thứ hai, trình độ KH&CN ứng dụng vào sản xuất nông nghiệp còn thấp. Theo kết quả nghiên cứu, tổng hợp từ nhiều công trình khác nhau và Báo cáo Tổng kết chiến lược phát triển KH&CN ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn giai đoạn 2013 - 2020 cho thấy, trình độ KH&CN, nhất là máy móc, thiết bị được ứng dụng vào sản xuất nông nghiệp ở nước ta còn lạc hậu và thiếu đồng bộ; tính trung bình thường lạc hậu từ 2 - 3 thế hệ (tương đương 20 - 30 năm). Nội

dung này tại Thanh Hóa cũng nằm trong tình trạng chung của cả nước.

Thứ ba, quá trình ứng dụng KH&CN vào sản xuất nông nghiệp chưa mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội cao và thiếu tính bền vững. Nhiều sản phẩm KH&CN, quy trình kỹ thuật được chuyển giao, ứng dụng vào sản xuất chưa đem lại kết quả như kỳ vọng; chưa giải quyết đồng thời được các yêu cầu về tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả và an toàn vệ sinh thực phẩm. Chưa có những công trình nghiên cứu liên ngành mang tính tổng thể cả về kinh tế - xã hội và môi trường nhằm tìm ra một hệ giải pháp mang tính đồng bộ và toàn diện để giúp cho các địa phương trong tỉnh thoát khỏi tình trạng manh mún, lạc hậu trong sản xuất nông nghiệp hiện nay.

Giải pháp thúc đẩy ứng dụng KH&CN phát triển nông, lâm, ngư nghiệp tỉnh Thanh Hóa

Về cơ chế, chính sách: Cần áp dụng rộng rãi cơ chế đặt hàng, khoán sản phẩm nghiên cứu, kinh phí thực hiện đề tài cho các tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện, tăng tỷ lệ chi ngân sách dành cho hoạt động khoa học nói chung, nghiên cứu triển khai ứng dụng vào nông, lâm, ngư nghiệp nói riêng, đồng thời huy động xã hội hóa các nguồn vốn khác đầu tư cho KH&CN nhất là các đề tài dự án nông, lâm, ngư nghiệp ở mức cao hơn. Tiếp tục triển khai kết quả đề tài dưới dạng sản xuất thử nghiệm ở mức độ rộng hơn, kiểm chứng trong vài vụ tiếp theo. Có chính sách và cơ chế cụ thể trong liên kết 4 nhà (Nhà nước - doanh nghiệp - nhà nông - nhà khoa học), hỗ trợ địa phương hoặc doanh nghiệp xây dựng, quảng bá thương hiệu sản phẩm nông, lâm, ngư nghiệp là thế mạnh của địa phương, doanh nghiệp.

Về tổ chức quản lý: Tăng cường nâng cao chất lượng của các hội đồng tư vấn KH&CN; các thành viên phải là các nhà khoa học, chuyên gia, người am hiểu, tránh cơ cấu theo kiểu đại diện cơ quan, sở, ngành... Tổ chức đánh giá hiệu quả các đề tài dự án thường

xuyên để kịp thời rút kinh nghiệm nhân ra diện rộng; đồng thời lựa chọn các đơn vị, doanh nghiệp KH&CN có đủ năng lực tham gia các đề tài, dự án ngay từ đầu, tạo điều kiện thuận lợi cho việc chủ động về tài chính, bao tiêu sản phẩm. Đẩy mạnh phong trào phát huy sáng kiến, nghiên cứu áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Đề xuất các đề tài, dự án gắn với nhiệm vụ mục tiêu đề án tái cơ cấu sản xuất nông nghiệp tỉnh Thanh Hóa.

Về tài chính: Đơn giản hoá các thủ tục giải ngân, thủ tục thanh quyết toán, tạo điều kiện tốt nhất cho các nhà khoa học, chủ nhiệm đề tài chuyên tâm nghiên cứu về chuyên môn, tạo ra sản phẩm khoa học tốt nhất bằng cách khoán kinh phí thực hiện đề tài, dự án. Tiếp tục hỗ trợ một phần tài chính cho các đề tài, dự án đạt thành tích xuất sắc để nhân rộng mô hình ra các địa phương, doanh nghiệp trong tỉnh, tuyên truyền quảng bá tạo thương hiệu, tạo sức lan toả lớn về các kết quả đề tài, dự án cộng đồng. Đầu tư nâng cao cho các trung tâm KH&CN như Trường Đại học Hồng Đức, Viện Nông nghiệp Thanh Hóa, Trường Cao đẳng Nông nghiệp để nghiên cứu, chuyển giao giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản; đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, triển khai áp dụng khoa học công nghệ (về máy móc công nghệ, đào tạo chuyên gia) đáp ứng yêu cầu ứng dụng KH&CN vào sản xuất. Kêu gọi các nhà doanh nghiệp đầu tư vào các lĩnh vực cây trồng, vật nuôi có thế mạnh của tỉnh; các sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc trưng, đặc sản vùng miền, sản phẩm OCOP...

Về nguồn nhân lực: Lựa chọn đơn vị, cá nhân có chuyên môn sâu, có uy tín trách nhiệm làm cơ quan chủ trì, chủ nhiệm đề tài, dự án. Xây dựng đội ngũ chuyên gia có uy tín của tỉnh trên các lĩnh vực để làm công tác tư vấn, tham mưu và tổ chức thực hiện các đề tài, dự án về KH&CN đối với ngành nông nghiệp. Liên kết với các trường đại học, cao đẳng các viện nghiên cứu... đào tạo,

bồi dưỡng chuyên sâu bổ sung những tri thức mới cho đội ngũ trí thức trẻ; kết hợp chặt chẽ giữa các chuyên gia nhiều kinh nghiệm với các trí thức trẻ và nông dân có kinh nghiệm sản xuất hăng hái áp dụng khoa học kỹ thuật để triển khai thực hiện đề tài, dự án. Bố trí xen kẽ nguồn nhân lực các đơn vị Trung ương và địa phương trong thực hiện đề tài, dự án để nâng cao năng lực chuyên môn cho cán bộ khoa học địa phương.

Để sớm hiện thực hóa mục tiêu phấn đấu đến năm năm 2030, nông nghiệp Thanh Hóa phát triển theo hướng “nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, khả năng cạnh tranh và phát triển bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới; ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao, thông minh để hình thành các vùng chuyên canh sản xuất nông nghiệp hàng hóa quy mô lớn, chất lượng cao; hình thành và phát triển các chuỗi giá trị từ sản xuất, chế biến đến tiêu thụ...” thì tất yếu phải đẩy nhanh ứng dụng KH&CN vào sản xuất nông nghiệp.

Tỉnh Thanh Hóa đã có nhiều chủ trương, chính sách để thúc đẩy phát triển hoạt động KH&CN phục vụ nông nghiệp. Công tác chuyển giao, ứng dụng KH&CN vào sản xuất nông nghiệp đã đạt nhiều kết quả tích cực, KH&CN đã có đóng góp to lớn đối với sự tăng trưởng của ngành nông nghiệp, nâng cao giá trị giá trị nông phẩm Thanh Hóa... Tuy nhiên, hoạt động chuyển giao, ứng dụng KH&CN vẫn còn bộc lộ những tồn tại, hạn chế, làm chậm tiến trình phát triển kinh tế nông nghiệp tỉnh nhà theo những mục tiêu đã xác định. Do đó, để khắc phục những tồn tại, hạn chế này, cần phải có hệ thống các giải pháp cơ bản, đồng bộ, toàn diện; huy động sự tham gia của nhiều lực lượng kiên trì thực hiện trong thời gian dài, trong đó những giải pháp nêu trên có tính chất gợi mở, cần tiếp tục được nghiên cứu, bổ sung, cụ thể hóa và vận dụng linh hoạt trong quá trình thực hiện./.

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN TRONG VIỆC BIÊN SOẠN BÁCH KHOA THƯ ĐỊA PHƯƠNG

PGS.TS. Mai Thị Hồng Hải

Giám đốc

Trung tâm Nghiên cứu Phát triển vùng

Bách khoa thư là một trong những loại sách ra đời rất sớm. Có nhiều định nghĩa về bách khoa thư. Ở Việt Nam, theo định nghĩa trong Từ điển bách khoa Việt Nam: Về chức năng, bách khoa thư là loại sách công cụ tra cứu, học tập, giảng dạy, phổ biến khoa học kỹ thuật; về nhiệm vụ, bách khoa thư chứa đựng tri thức khoa học cơ bản của một hoặc nhiều ngành dựa trên những tư liệu đã được tổng kết, đánh giá; về ý nghĩa giá trị, bách khoa thư là công cụ phổ biến khoa học, kỹ thuật và góp phần hình thành tư duy khoa học.

Trong bách khoa thư, các thông tin tri thức biểu thị dưới dạng mục từ, được sắp xếp bằng cách kết hợp giữa trật tự chữ cái và hệ thống lĩnh vực tri thức hay chủ đề tri thức, nhằm tạo thuận lợi cho người sử dụng.

Về phân loại các loại hình bách khoa thư, từ góc độ nội dung thông tin tri thức, theo hệ thống phân loại các công trình bách khoa thư gồm có: bách khoa thư tổng hợp, bách khoa thư chuyên ngành, bách khoa thư địa phương. Loại bách khoa thư tổng hợp chứa đựng tri thức về mọi ngành khoa học (tự nhiên, xã hội), kỹ thuật, nghệ thuật. Loại



Hội thảo về chủ đề “Nghiên cứu, biên soạn Bách khoa thư địa phương” tại huyện Thạch Thành.

bách khoa thư chuyên ngành chứa đựng tri thức về một ngành khoa học nhất định. Các bách khoa thư chuyên ngành như: bách khoa thư về nông nghiệp, bách khoa thư về văn học, bách khoa thư về y học, bách khoa thư về du lịch,... Loại bách khoa thư địa phương, bao chứa tất cả các chuyên ngành, lĩnh vực tri thức của của một địa phương.

Trong giai đoạn hiện nay, nước ta đang tổ chức biên soạn Bách khoa toàn thư Việt Nam. Ngày 28/7/2014, Thủ tướng Chính phủ đã ký quyết định số 1262/QĐ-TT phê duyệt Đề án biên soạn Bách khoa toàn thư Việt Nam.

Xuất phát từ vai trò của công trình bách khoa thư trong quá trình phát triển của mỗi địa phương, các địa phương trong nước đã và đang quan tâm đến vấn đề nghiên cứu biên soạn bách khoa thư của địa phương mình. Việc biên soạn bách khoa thư địa phương có vai trò quan trọng trong việc cung cấp những kiến thức cơ bản, những thông tin chính xác về khoa học, kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội về địa phương, có thể phục vụ kịp thời, sát thực cho người dân ở địa phương. Bách khoa thư địa phương không chỉ là sách công cụ để tra cứu mà còn là công trình văn hoá khoa học của một địa phương.

Trong bối cảnh đó, Trung tâm Nghiên cứu Phát triển vùng trực thuộc Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Thanh Hóa, đã lựa chọn việc nghiên cứu và biên soạn Bách khoa thư địa phương với quy mô cấp huyện là một trong những nhiệm vụ Trung tâm. Biên soạn Bách khoa thư là sách học tập, tra cứu góp phần phổ biến kiến thức, nâng cao trình độ văn hóa, khoa học của nhân dân, góp phần bảo tồn, lưu giữ những giá trị văn hóa truyền thống của một vùng đất cụ thể trong quá trình phát triển, xây dựng nông thôn mới ở cấp huyện trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Trên cơ sở kế thừa, tham khảo những kết quả nghiên cứu về cơ sở lý luận, nguyên tắc và thể lệ biên soạn Bách khoa toàn thư Việt Nam được tổng hợp trong bộ Tài liệu hướng dẫn biên soạn đề cương chi tiết các quyển chuyên ngành Bách khoa toàn thư Việt Nam của Hội đồng chỉ đạo biên soạn Bách khoa toàn thư Việt Nam, Trung tâm Nghiên cứu phát triển vùng đã khảo sát thực tế và đề xuất phối hợp tiến hành biên soạn loại bách khoa thư địa phương đối với huyện Thạch Thành và loại Bách khoa thư du lịch đối với huyện Ngọc Lặc.

Một số nét khái quát về sự cần thiết biên soạn Bách khoa thư địa phương qua nghiên cứu khảo sát đối với huyện Thạch Thành.

Thạch Thành là vùng đất có những nét đặc trưng về địa lý, lịch sử, văn hóa. Đây là vùng

đất có sự phát triển liên tục từ hàng vạn năm trước cho đến ngày nay, mà minh chứng đã được các nhà khoa học khẳng định: “Trong nghiên cứu các nền văn hóa từ hậu kỳ thời đại đá cũ đến sơ kỳ đá mới trong khoảng thời gian hàng ngàn, hàng vạn năm, thì hang Con Moong là “bảo tàng” về diễn tiến của các nền văn hóa thời đại đá ở Việt Nam”.

Lịch sử Thạch Thành có những nét tương đồng với nhiều vùng đất trong cả nước trong tiến trình dựng nước và giữ nước của dân tộc, song dấu ấn trong lịch sử dân tộc được khắc ghi rõ nét nổi bật là Chiến khu Ngọc Trạo, cùng với các di tích lịch sử - văn hóa có giá trị để lại, đã cho thấy Thạch Thành là vùng đất văn hiến và cách mạng.

Trên góc độ địa lý, trong lịch sử, Thạch Thành có vị trí trọng yếu, là điểm thông thương quan trọng Bắc Nam. Vùng đất này nằm trên con đường Thượng đạo là đường giao thông quan trọng nhất của thế kỷ XVI. Ngày nay, vị trí địa lý của Thạch Thành vẫn “rất cơ động”, mở ra nhiều điều kiện trong giao lưu, phát triển. Thạch Thành xưa là nơi có địa thế đẹp, là nơi hiển linh cũng là nơi linh ứng của Mẫu Liễu Hạnh. Thạch Thành góp phần “định hình một tín ngưỡng dân gian độc đáo, mang đậm bản sắc văn hóa của Việt Nam”.

Xét dưới góc độ địa - văn hóa, vùng đất Thạch Thành tồn tại nhiều lớp dân cư, và là một điểm giao thoa văn hóa: một mặt, đó là sự giao thoa trong nội bộ tộc người Mường (giữa vùng Mường Trong - Thanh Hóa với vùng Mường Ngoài - Hòa Bình), bên cạnh đó là sự giao thoa văn hóa giữa hai tộc người Kinh (Việt) và người Mường ở Thạch Thành là rất đậm nét. Quá trình cộng cư và mối quan hệ dân tộc trong quá trình phát triển đã tạo nên những sắc thái độc đáo trên vùng đất Thạch Thành trong nhiều lĩnh vực văn hóa và đời sống xã hội. Từ đó, đã hình thành nên những lớp di sản và văn hóa ở Thạch Thành phong phú, đa dạng.

Một vài nét khái quát trên đây, để thấy được các giá trị văn hóa truyền thống của vùng đất

KHOA HỌC THANH HÓA

Thạch Thành là nguồn nội lực có khả năng chuyển đổi thành nguồn lực kinh tế lớn. Vì vậy, đối với huyện Thạch Thành cần có sự đầu tư nghiên cứu với quy mô là một công trình bách khoa thư địa phương.

Một số nét khái quát về sự cần thiết biên soạn Bách khoa thư du lịch qua nghiên cứu khảo sát đối với huyện Ngọc Lặc.

Trong bối cảnh mới hiện nay, nhiệm vụ phát triển du lịch đang được tích hợp trong nhiều Chương trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, đặc biệt là các Chương trình mục tiêu quốc gia. Ngày 28/01/2022, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 150/QĐ-TTg, phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Trong chiến lược này, phát triển du lịch nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới được xác định là một trong những nhiệm vụ quan trọng, với mục tiêu là: phát triển du lịch nông thôn gắn với phát huy tiềm năng, lợi thế về nông nghiệp, làng nghề, văn hóa, môi trường sinh thái ở các địa phương, nhằm nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân nông thôn, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng tích hợp đa giá trị. Trong xu thế đó, Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2021 - 2025, đã xác định phát triển du lịch là 1 trong 6 Chương trình trọng tâm phát triển kinh tế - xã hội.

Hiện nay, cả nước đang triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn 1: Từ năm 2021 đến năm 2025. Chương trình gồm 10 dự án, trong đó có dự án 6: “Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch”, là một trong những dự án có tính chất tác động trực tiếp đến một nguồn lực quan trọng của vùng dân tộc thiểu số và miền



Hội thảo khoa học “Xây dựng bảng mục từ biên soạn Bách khoa thư du lịch Ngọc Lặc”.

núi, có quan hệ mật thiết với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới.

Ngọc Lặc là vùng đất có bề dày lịch sử, văn hóa truyền thống đậm bản sắc, có tiềm năng và lợi thế để phát triển các loại hình du lịch với các sản phẩm du lịch đặc thù. Vùng đất Ngọc Lặc lưu giữ những giá trị độc đáo, riêng biệt với nhiều địa danh lịch sử - văn hóa gắn liền với cuộc kháng chiến chống quân Minh thế kỷ XV. Ngọc Lặc còn có sự phong phú của các loại hình danh thắng tự nhiên với sự kết hợp khá điển hình của cảnh quan sinh thái chân núi và thung lũng mang dấu ấn tộc người trồng lúa, với các làng xóm định cư lâu đời của người Mường trong không gian các Mường cổ như: Mường Rặc, Mường Chẹ, Mường Yên, Mường Lập, Mường Mèn, Mường Ún,...; đồng thời cũng là nơi hội tụ của các cộng đồng người Kinh, người Dao và người Thái. Tính đa dạng, phong phú của các di sản văn hóa tộc người đã tạo cho cho lãnh thổ du lịch tại Ngọc Lặc có lợi thế trên nhiều phương diện về văn hóa ẩm thực, các hình thức diễn xướng nghệ thuật dân gian, âm nhạc dân gian, lễ hội dân gian và tri thức địa phương phong phú.

Ngọc Lặc được xem là một vùng hội tụ và lan tỏa nhiều giá trị văn hóa Mường đặc trưng cho vùng Mường Thanh Hóa. Ngọc Lặc bảo tồn được nhiều di sản văn hóa vật thể và văn hóa phi vật thể của người Mường, đặc biệt các di sản văn hóa phi vật thể tiêu biểu như:

xường giao duyên của người Mường; trò diễn Pồn pông của người Mường, hát sắc bùa của người Mường, Mo của người Mường đã được ghi danh là di sản văn hóa phi vật thể Quốc gia.

Ở các vùng của người Mường tại Ngọc Lặc, ngoài các giá trị văn hóa phi vật thể, còn các giá trị văn hóa vật thể đặc sắc như nhà sàn Mường, trang phục Mường, ẩm thực Mường, nghề dệt thổ cẩm của người Mường. Ngọc Lặc còn là vùng đất sở hữu nguồn tài nguyên đa dạng để phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn, góp phần tạo ra sản phẩm du lịch đặc trưng, gắn với Chương trình OCOP.

Tổng quan ở mỗi góc nhìn dưới nhiều cách tiếp cận của các chuyên ngành khác nhau (du lịch học, dân tộc học, nhân học, lịch sử, địa lý, văn hóa,...), đều thấy các giá trị nhân văn là yếu tố giúp Ngọc Lặc xây dựng được những sản phẩm du lịch đặc thù, có khả năng đáp ứng được nhu cầu của du khách, tạo được ấn tượng bởi tính nguyên bản. Trong xu thế phát triển của đất nước và hội nhập quốc tế hiện nay, sự thu hút các đối tác cũng như du khách trong nước và quốc tế đến với Ngọc Lặc đang là cơ hội. Đối với du lịch bền vững, văn hóa trở thành một nguồn lực quan trọng, tạo nên những giá trị riêng của một vùng đất. Do đó, việc biên soạn Bách khoa thư du lịch Ngọc Lặc trở thành một trong những nhiệm vụ cấp thiết của địa phương.

Như vậy, trước yêu cầu của thực tiễn đòi hỏi phải trang bị tri thức mang tính hệ thống, cần thiết, phục vụ nhu cầu nghiên cứu, học tập, nâng cao trình độ, của mỗi người dân để góp phần phát triển bản thân và phục vụ quê hương trong bối cảnh kinh tế và văn hóa hội nhập sâu rộng hiện nay, việc nghiên cứu, biên soạn bách khoa thư ở các địa phương với các loại hình cơ bản như: Bách khoa thư địa phương, Bách khoa thư du lịch là rất cần thiết. Công trình Bách khoa thư ở các địa phương có thể được biên soạn theo các loại hình khác nhau, nhưng đều có giá trị là sách học tập, đáp ứng nhu cầu tra cứu thông tin tri thức của nhiều đối tượng. Với ý nghĩa đó, bách khoa thư là một sản phẩm văn hoá, khoa học quan trọng của địa phương./.



Đường lên Tà Cóm

Trần Tất Trừ - Trần Tất Tiến

*Vượt dòng sông Mã chiều xuân
Đường lên Tà Cóm gian truân thác ghềnh
Hai bờ vách đá chênh vênh
Nước man man chảy con thuyền sóng chao.*

*Đáy rồi bản nhỏ vùng cao
Trắng phau hoa mạn hoa đào đơm bông
Sườn đồi rẫy cắt vừa xong
Đỉnh non rừng biếc mây bông bành trôi
Bếp nhà ai tỏa hương xôi
Bên đàn em nhỏ đang chơi ném cù.*

*Bản xưa thay đổi giấc mơ
Tiếng khèn gọi bạn bên bờ suối tươi
Men nồng bạn rót đầy vơi
Tôi như uống cả một trời vùng cao.*



TIN HOẠT ĐỘNG

Ngày 10/10, Liên hiệp hội Thanh Hóa phối hợp với Trường Đại học Hồng Đức, Sở Khoa học và Công nghệ Thanh Hóa tổ chức Diễn đàn KH&CN với chủ đề “Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và hoạt động khoa học, đổi mới sáng tạo phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021 - 2030”.

Tại diễn đàn, các đại biểu đã tham gia thảo luận về 2 nhóm chủ đề: Một là đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; hai là phát triển KH&CN và đổi mới sáng tạo.

Ở nhóm chủ đề thứ nhất, các diễn giả đã tập trung đánh giá thực trạng, đề xuất các giải pháp phát triển đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nhằm đáp ứng yêu cầu về số lượng, chất lượng, ngành nghề, chuyên môn đào tạo phục vụ cho việc thực hiện quy hoạch.



Toàn cảnh diễn đàn.

Ở nhóm chủ đề thứ hai, các diễn giả đã đem đến diễn đàn những vấn đề mới liên quan đến thực trạng, các tồn tại, hạn chế trong hoạt động KH&CN; qua đó thống nhất các nhiệm vụ trọng tâm, tập trung tháo gỡ khó khăn để thúc đẩy phát triển KH&CN, đổi mới sáng tạo.

Ngày 23/10, Liên hiệp hội Thanh Hóa tổ chức Hội thảo khoa học phản biện “Đề án xây dựng sàn giao dịch công nghệ - thiết bị tỉnh Thanh Hóa”.

Tại Hội thảo, các đại biểu đã được nghe báo cáo nghiên cứu phục vụ phản biện do Liên hiệp hội chuẩn bị: Về cơ bản Đề án được xây dựng với bố cục, kết cấu tương đối hợp lý; các phần

đã có sự gắn kết với nhau, phần sau thể hiện là hệ quả của phần trước. Tuy nhiên, tên, kết cấu, nội dung của dự thảo Đề án chưa đảm bảo tính logic. Trong đó, phần sự cần thiết trình bày còn lan man; phần mục tiêu, nội dung, nhiệm vụ và giải pháp chưa thống nhất; nội dung trình bày trong mục giải pháp thực hiện nhiều nội dung mang tính nhiệm vụ; nhiệm vụ trình bày trong các tiểu mục có nhiều nội dung không cần thiết, vượt khỏi phạm vi của Đề án; phần phụ lục chưa phản ánh về hiện trạng mua bán công nghệ, dự toán kinh phí theo quy định...

Cơ quan soạn thảo là Sở Khoa học và Công nghệ Thanh Hóa đã ghi nhận, tiếp thu ý kiến và giải trình một số nội dung cần làm rõ trong dự thảo Đề án.

Sau Hội thảo, Liên hiệp hội đã hoàn thiện Báo cáo phản biện, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh, gửi cơ quan soạn thảo tiếp thu và hoàn thiện Đề án.



Toàn cảnh Hội thảo.

TIN HOẠT ĐỘNG

Ngày 24/10, Trung tâm Nghiên cứu Phát triển vùng trực thuộc Liên hiệp hội Thanh Hóa phối hợp với UBND huyện Ngọc Lặc tổ chức Hội thảo “Xây dựng bảng mục từ biên soạn Bách khoa thư du lịch Ngọc Lặc”.

Kết quả nghiên cứu, khảo sát thực địa tại 21/21 xã, thị trấn của Ngọc Lặc cho thấy, tài nguyên du lịch của địa phương phong phú, đa dạng, các loại hình nghệ thuật truyền thống hấp dẫn, đậm đà bản sắc văn hóa tộc người, đặc biệt tiêu biểu cho văn hóa dân tộc Mường ở Thanh Hóa. Biên soạn Bách khoa thư du lịch dưới dạng sách số sẽ trở thành tài liệu chuẩn hóa tri thức về du lịch Ngọc Lặc, lưu giữ và cung cấp các giá trị cốt lõi về tài nguyên tự nhiên và văn hóa, phục vụ phát triển du lịch và quảng bá hình ảnh của địa phương.

Một số nội dung chính của Hội thảo: Tham luận về số hóa và trình bày Bách khoa

thư du lịch Ngọc Lặc trên nền tảng số; trình chiếu, mô phỏng bản đồ mô về sản phẩm số hóa mục từ Bách khoa thư; các mục từ về di sản văn hóa; chuyển đổi vốn văn hóa “lòng hiếu khách” thành vốn kinh tế trong hoạt động du lịch và tiềm năng phát triển du lịch của huyện Ngọc Lặc.



Các đại biểu chụp ảnh lưu niệm tại Hội thảo.

Ngày 25/10, Liên hiệp hội Thanh Hóa tổ chức tập huấn nghiệp vụ công tác hội cho lãnh đạo các hội thành viên, trung tâm trực thuộc trong hệ thống Liên hiệp hội.

Tại Hội nghị, các đại biểu đã được TS. Lê Công Lương - Phó Tổng Thư ký kiêm Trưởng ban KHCN&MT, Liên hiệp các Hội KH&KT Việt Nam truyền đạt kinh nghiệm



TS. Lê Công Lương chia sẻ kinh nghiệm về nghiệp vụ công tác hội.

trong công tác vận động trí thức như: những vấn đề cần nắm vững nhằm tăng cường công tác vận động trí thức của Đảng và hệ thống Liên hiệp các Hội KH&KT Việt Nam; vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào xây dựng đội ngũ trí thức.

Về nhiệm vụ tư vấn phản biện và giám định xã hội của Liên hiệp hội, đồng chí đã trình bày cụ thể quy trình triển khai hoạt động TVPB&GĐXH đảm bảo tính hiệu quả: từ bước xác định vấn đề cần TVPB&GĐXH; xác định mục tiêu, hình thức TVPB&GĐXH; thu thập và phân tích thông tin; xây dựng văn bản và truyền thông về kết quả TVPB&GĐXH đến bước theo dõi, đánh giá kết quả.

Hội nghị tập huấn là dịp để lãnh đạo các hội thành viên trong hệ thống Liên hiệp hội gặp mặt, trao đổi và chia sẻ kinh nghiệm về công tác phát triển hội, từ đó vận dụng vào quá trình công tác, góp phần thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ được giao.

TIN HOẠT ĐỘNG

Ngày 30/10, Liên hiệp hội Thanh Hóa tổ chức Hội thảo phản biện “Định mức chi hỗ trợ người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tham gia xóa mù chữ” do Sở Giáo dục và Đào tạo Thanh Hóa phụ trách soạn thảo Nghị quyết.

Các đại biểu cơ bản thống nhất với báo cáo nghiên cứu phục vụ phản biện do Liên



Chủ tịch Liên hiệp hội Nguyễn Văn Phát chủ trì Hội thảo.

Ngày 6/11, Liên hiệp hội Thanh Hóa tổ chức Hội thảo phản biện “Đề án di dời các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường trong khu đô thị, khu dân cư vào các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu sản xuất tập trung trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá”.

Theo báo cáo phục vụ hội thảo phản biện, dự thảo Đề án được nghiên cứu công phu, có bố cục, kết cấu rõ ràng, tương đối hợp lý. Tuy nhiên, tên gọi chưa phù hợp với nội hàm của Đề án, xác định phạm vi quá rộng so với nội dung Đề án; gặp khó khăn về công tác di dời và kinh phí thực hiện; cần xác định lại mục tiêu và quan điểm...

Nhiều ý kiến cho rằng Sở Tài nguyên và Môi trường - cơ quan soạn thảo cần phân tích chi tiết hơn về cơ sở pháp lý và thực tiễn để xác định được tính khả thi của Đề án. Cần thể hiện được vai trò chỉ đạo của UBND tỉnh, vai trò giám sát của các tổ chức xã hội, trách

hiệp hội chuẩn bị: Trên cơ sở báo cáo và tài liệu được cung cấp, cho thấy cơ quan soạn thảo đã bám sát quy trình, quy định của pháp luật về việc tham mưu ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Tuy nhiên, cần làm rõ thực trạng đối tượng mù chữ hiện nay là dân tộc thiểu số và người miền núi, phân loại để thấy rõ sự cần thiết ban hành Nghị quyết; làm rõ thêm nội dung phần “Thuyết minh cơ sở đề xuất mức chi hỗ trợ” để cấp có thẩm quyền làm căn cứ quyết định; làm rõ tỷ lệ kinh phí chi hỗ trợ giữa nguồn kinh phí ngân sách tỉnh và nguồn huy động hợp pháp khác...

Sở Giáo dục và Đào tạo đã ghi nhận, tiếp thu ý kiến và giải trình một số nội dung cần làm rõ trong dự thảo Nghị quyết.

Sau Hội thảo, Liên hiệp hội đã hoàn thiện Báo cáo phản biện, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh, gửi cơ quan soạn thảo tiếp thu và hoàn thiện Nghị quyết.

nhiệm của chính quyền địa phương khi triển khai Đề án. Cần xây dựng cơ chế xử lý, xử phạt đối với các cơ sở vi phạm quy định. Các ý kiến tại Hội thảo đã được cơ quan soạn thảo ghi nhận và tiếp thu.

Sau Hội thảo, Liên hiệp hội đã hoàn thiện Báo cáo phản biện, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh, gửi cơ quan soạn thảo tiếp thu, hoàn thiện.



Các ý kiến của thành viên Hội đồng phản biện.

TIN HOẠT ĐỘNG

Trong hai ngày 14-15/11, Đoàn công tác của Liên hiệp hội Thanh Hóa đã đến thăm, kiểm tra và đánh giá kết quả thực hiện 2 dự án của Trung tâm Nghiên cứu, Tư vấn quản lý Tài nguyên thiên nhiên và thích ứng Biến đổi khí hậu (CORENACCA).

Đoàn công tác do đồng chí Nguyễn Văn Phát - Chủ tịch Liên hiệp hội làm trưởng đoàn, đã đến thăm, kiểm tra các mô hình sử dụng phân vi sinh trong canh tác hoa màu, nuôi ong lấy mật và trồng rừng ngập mặn tại xã Đa Lộc (huyện Hậu Lộc) và xã Nga Thủy (huyện Nga Sơn). Đây là các mô hình sinh kế thuộc Dự án “Quản lý rừng ngập mặn dựa vào cộng đồng để tăng cường khả năng chống chịu với rủi ro biến đổi khí hậu ở tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam” do Tổ chức Bánh mì cho Thế giới tài trợ. Dự án đã được đánh giá giữa kỳ vào tháng 5/2023. Lần kiểm tra này để đánh giá tính hiệu quả, bền vững và khả năng phát huy, nhân rộng các mô hình của người dân địa phương sau khi Dự án hoàn thành.

Đoàn đã có buổi làm việc với Thường trực UBND huyện Thường Xuân và Ban Quản lý Khu Bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên về kết quả triển khai tiểu dự án “Tăng cường năng lực Quản lý rừng bền vững và phát triển sinh kế cho người dân đồng bào dân tộc thiểu số”



Đoàn làm việc với UBND huyện Thường Xuân.



Đoàn đến thăm mô hình tại bản Lửa, xã Yên Nhân.

do Đại sứ quán CHLB Đức tài trợ. Tiểu dự án dự kiến thực hiện từ tháng 7 - 12/2023, tại xã Yên Nhân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa với mục tiêu: Góp phần nâng cao nhận thức, năng lực của cộng đồng vùng đệm Khu bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên về luật lâm nghiệp và xây dựng mô hình thí điểm trồng cây Na rừng dưới tán rừng. Liên hiệp hội mong muốn đánh giá hiệu quả của dự án để làm cơ sở nghiên cứu nhân rộng mô hình, đồng thời đề nghị xây dựng kế hoạch phối hợp với UBND huyện để triển khai các dự án khác do các tổ chức quốc tế tài trợ trên địa bàn huyện.

Đoàn công tác cũng đã thăm và trực tiếp quan sát quá trình trồng cây giống của người dân tại khu vực dự án thuộc bản Lửa, xã Yên Nhân. Người dân địa phương đã được cán bộ kiểm lâm, cán bộ kỹ thuật của Trung tâm CORENACCA hướng dẫn kỹ thuật trồng cây giống và tặng sổ tay tuyên truyền và phổ biến pháp luật lâm nghiệp.

Sau hai ngày làm việc, chuyên công tác của Liên hiệp hội được diễn ra theo đúng kế hoạch, đã kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện 2 dự án và hiệu quả hoạt động của Trung tâm CORENACCA; từ đó làm cơ sở để triển khai thêm nhiều dự án tương tự trong thời gian tới.

Trong hai ngày 7-8/12, tại Thanh Hóa, Cụm thi đua số 4 của Liên hiệp các Hội KH&KT Việt Nam tổ chức tổng kết công tác thi đua khen thưởng năm 2023 và hội thảo công tác thi đua khen thưởng của Cụm năm 2024.

Tham dự có đại diện lãnh đạo, cán bộ phụ trách công tác thi đua khen thưởng của liên hiệp hội 7 tỉnh: Ninh Bình, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế.

Các đại biểu đã đến thăm Khu công nghiệp công nghệ cao Queen Farm tại huyện Quảng Xương. Tham quan khu nhà lưới trồng rau an toàn, dây chuyền sơ chế - chế biến rau má hoàn toàn khép kín và nghe thuyết minh về các sản phẩm từ rau má của công ty.

Sau đó, các đại biểu tham dự Hội thảo “Giải pháp thúc đẩy phong trào thi đua thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của Liên hiệp hội địa phương trong Cụm” tại thành phố Thanh Hóa.

Các đại biểu tập trung thảo luận những vấn đề liên quan đến hoạt động của liên hiệp hội và đề xuất các giải pháp thúc đẩy phong trào thi đua trong Cụm của năm 2024 như: (1) Xác định chủ đề thi đua Cụm gắn với hoạt động KH&CN, thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn; tăng cường giao lưu, học hỏi kinh nghiệm, kết nối giữa các liên hiệp hội trong Cụm. (2) Tham luận về nội dung thi đua khen thưởng năm 2024 như đề xuất với Liên hiệp hội Việt Nam quan tâm hỗ trợ hoạt động, công tác thi đua khen thưởng của Cụm thi đua; tăng cường sự



Đoàn đến thăm nhà máy sản xuất rau má.
tham gia của Ban thi đua khen thưởng, sở ban, ngành tại địa phương... (3) Tham luận về nội dung hội nghị công tác thi đua khen thưởng năm 2024 tại Quảng Trị.

Tại cuộc gặp mặt lãnh đạo, chuyên viên các liên hiệp hội trong Cụm thi đua số 4, các đại biểu đã được nghe dự thảo Báo cáo tổng kết hoạt động và các phong trào thi đua năm 2023: Các đơn vị trong Cụm đã tổ chức triển khai thực hiện tốt các nhiệm vụ đã đề ra, nội dung, phương thức hoạt động được đổi mới và chất lượng được nâng cao. Các liên hiệp hội đã chủ động tập hợp, đoàn kết, phát huy sức sáng tạo của đội ngũ trí thức KH&CN thực hiện có hiệu quả các mặt công tác chính. Các thành viên trong Cụm đã tạo được mối liên hệ gắn kết với nhau, ký kết giao ước thi đua và tổ chức nhiều mô hình mới, cách làm hiệu quả, góp phần xây dựng và củng cố hệ thống tổ chức, nâng cao vị thế của liên hiệp hội từ Trung ương đến địa phương.

Cụm thi đua số 4 đã bình xét các danh hiệu thi đua, khen thưởng; thống nhất đề nghị Liên hiệp hội Việt Nam tặng cờ thi đua năm 2023 cho Liên hiệp hội Quảng Bình và tặng bằng khen cho Liên hiệp hội Thanh Hóa, Liên hiệp hội Thừa Thiên Huế.

Cụm đã bầu Liên hiệp hội Quảng Trị là Cụm trưởng, Liên hiệp hội Nghệ An là Cụm phó Cụm thi đua số 4 năm 2024. Các đơn vị cùng thông qua giao ước thi đua và ký kết giao ước thi đua năm 2024.



Toàn cảnh Hội thảo.

TIN HOẠT ĐỘNG

Ngày 4/11, Hội Mỏ - Địa chất tỉnh Thanh Hóa tổ chức Đại hội lần thứ III.

Ông Hoàng Văn Khoa, ủy viên Đoàn Chủ tịch Tổng Hội Đại học Mỏ - Địa chất Việt Nam; ông Nguyễn Quốc Uy, Phó Chủ tịch Liên hiệp hội Thanh Hóa cùng gần 100 cán bộ, hội viên về dự Đại hội.



Liên hiệp hội tặng hoa chúc mừng Đại hội.

Ngày 11/11, Hội Tâm năng dưỡng sinh phục hồi sức khỏe tỉnh Thanh Hóa tổ chức Đại hội đại biểu lần thứ III, nhiệm kỳ 2023 - 2028.

Dự và chỉ đạo Đại hội có ông Nguyễn Quốc Uy, Phó Chủ tịch Liên hiệp hội Thanh Hóa; ông Phạm Ngọc Mỹ, Giám đốc Trung tâm TNDS-PHSK Việt Nam cùng gần 100 cán bộ hội viên về dự Đại hội.



Toàn cảnh Đại hội.

Trong nhiệm kỳ qua, cán bộ, hội viên Hội Mỏ địa chất Thanh Hoá đã phát triển nhanh cả về số lượng và chất lượng: đến nay đã có 6 chi hội và 1 trung tâm trực thuộc với tổng số 137 cán bộ hội viên.

Về hoạt động chuyên môn, Hội đã phối hợp tổ chức nhiều lớp tập huấn với các chủ đề cập nhật kiến thức chuyên ngành cho cán bộ, hội viên; đã thực hiện được 2 dự án thăm dò khoáng sản, 4 dự án đánh giá tác động môi trường, 6 dự án lập kế hoạch bảo vệ môi trường, 6 dự án tư vấn lập hồ sơ đầu tư dự án khai thác mỏ đá vôi và đất san lấp.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Hội Mỏ địa chất Thanh Hóa khóa III, nhiệm kỳ 2023 - 2023 gồm 15 ủy viên; ông Nguyễn Xuân Huệ, Chủ tịch Hội Mỏ, Địa chất khóa hai được đại hội bầu tái cử Chủ tịch Hội khóa III, nhiệm kỳ 2023 - 2028.

Nhiệm kỳ qua, Hội đã mở được 41 lớp dưỡng sinh thu hút trên 500 môn sinh tập luyện. Hiện toàn tỉnh có 28 câu lạc bộ ở các huyện thị, thành phố với số người thường xuyên luyện tập trên 300 người mỗi tuần 2 buổi. Hội còn phối hợp với Câu lạc bộ Hàm Rồng tổ chức truyền thông về tập luyện tâm năng dưỡng sinh cho các hội viên.

Nhiệm kỳ tới, Hội cần tiếp tục củng cố tổ chức, xây dựng chương trình công tác, phân công nhiệm vụ cụ thể, đổi mới phương thức tổ chức và hoạt động, đẩy mạnh các phong trào thi đua trong cán bộ, hội viên thực hiện xuất sắc nhiệm vụ chính trị được giao.

Đại hội đã thống nhất bầu 21 ủy viên Ban Chấp hành, ông Lê Đức Việt được tín nhiệm bầu tái cử Chủ tịch Hội nhiệm kỳ 2023 - 2028. Đại hội cũng đã khen thưởng cho các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong phong trào công tác hội nhiệm kỳ 2018 - 2023.

VĂN HÓA VÀ SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRONG KỶ NGUYÊN KỸ THUẬT SỐ

GS.TS. Phạm Tất Dong

Nếu như văn hóa được hiểu là những gì được tạo ra, được cải biến, được đổi mới và sáng tạo do năng lực của con người thì vấn đề đặt ra rất nghiêm túc là cái gì đã tạo ra cho con người năng lực đó? Câu trả lời là **Tri thức** (Knowledge).

Từ cuối thế kỷ XX đến nay, nhân loại đang từng bước phát triển nền kinh tế tri thức. Nếu như nền kinh tế công nghiệp cần tới hơn 400 năm để thay thế nền kinh tế nông nghiệp thì nền kinh tế công nghiệp sẽ bị nhường chỗ cho nền kinh tế tri thức chỉ trong một thời gian chưa quá nửa thế kỷ. Sự thay thế nhanh chóng và vĩ đại này cũng nhờ vào tri thức. Chỉ có điều là, những tri thức hiện đại hôm nay đã được sản sinh ra theo tốc độ hàm số mũ. Gia tốc phát triển của tri thức hiện đại được tạo ra bởi xã hội học tập (The Learning Society). Giờ đây, quốc gia nào không tham gia vào xu thế phát triển xã hội học tập đều đang trong tình trạng tụt hậu ngày càng nhanh so với yêu cầu phát triển nhanh và bền vững của thế giới đương đại.

Xã hội học tập được xây dựng với mấy yêu cầu cơ bản sau đây:

Một là, phải hình thành một hệ thống giáo dục mở - một hệ thống giáo dục mà tại mọi cấp học, ngành học đều không có bất cứ rào cản nào đối với cơ hội học tập của con

người. Giáo dục mở là điều kiện quyết định tạo ra chất lượng cao cho nguồn nhân lực và nhân lực tại chỗ nhờ vào phương thức giáo dục thường xuyên, đào tạo liên tục, học tập suốt đời.

Hai là, xã hội học tập thực hiện việc học tập suốt đời cho mọi công dân, nghĩa là, bất cứ ai, không kể tuổi tác, giới tính, tôn giáo, nghề nghiệp, trình độ học vấn, địa vị xã hội... đều có quyền lợi cũng như có nghĩa vụ học tập, sao cho không có cá nhân nào bị loại trừ khỏi những dịch vụ học tập.

Ta thường nói, công dân là thành viên của xã hội, gia đình là tế bào của xã hội, do đó, trong xây dựng xã hội học tập, xây dựng mô hình công dân học tập chính là tạo ra những thành viên phù hợp với đặc trưng của xã hội lấy học tập suốt đời như cứu cánh của việc đào tạo.

Công dân học tập là người dân thực hiện nghĩa vụ học tập suốt đời theo những quy định của Nhà nước. Việc học tập suốt đời bao gồm những giai đoạn học tập nối tiếp nhau, ta gọi là những chu kỳ học tập. Mỗi chu kỳ được chia thành 2 hành trình: hướng tới tri thức và kiến tạo tri thức. Hai hành trình nối tiếp nhau, bắt đầu từ việc tìm kiếm thông tin và tri thức, sau đó là xử lý những gì đã tiếp cận và lĩnh hội để sáng tạo ra tri





thức mới dưới hình thức một khái niệm hay ý tưởng mới, góp thêm cho kho tàng tri thức của nhân loại một sáng kiến hay một phát minh mới...

Tổng kết những hành trình đi tìm tri thức để tiến hành cách mạng và xây dựng đất nước, Hồ Chí Minh rút ra một triết lý giáo dục “Học không bao giờ ngừng”. Trong giai đoạn 2021 - 2023, nhân dân ta đang bắt tay vào việc thực hiện Quyết định 677/QĐ-TTg (3/6/2022) về xây dựng mô hình “Công dân học tập”, lấy tấm gương “Học không bao giờ ngừng” của Chủ tịch Hồ Chí Minh làm kim chỉ nam của hành trình suốt đời tìm kiếm tri thức, xây dựng xã hội văn hóa và văn minh.

Trước đây, để tạo ra môi trường học tập trong tổ chức, người ta hình thành nên một phương thức để mọi thành viên thực hiện.

Đó là lấy huấn luyện để tạo ra sự phát triển (Training - Development). Nhưng dần dần, những người lãnh đạo nhận ra rằng, phương thức đó đã làm mất đi tính tích cực chủ động của từng thành viên, do đó, họ yêu cầu mỗi cá nhân trong đơn vị công tác phải có kế hoạch học tập gắn với kế hoạch tự học, từ đó, xây dựng nên phương thức “Học tập - phát triển” (Learning - Development).

Ở Việt Nam, theo Quyết định 387/QĐ-TTg (25/3/2022) của Thủ tướng Chính phủ, những tổ chức đạt được yêu cầu học tập theo quy định của Nhà nước sẽ được nhận danh hiệu “Đơn vị học tập”.

Quốc gia chuyển đổi số và sự hình thành mô hình “Công dân số”

Khi thực hiện chuyển đổi số trong quốc gia, kết quả đầu tiên là chúng ta có Chính phủ số, nền kinh tế số và một xã hội số. Toàn bộ những hoạt động xã hội từ lao động sản xuất, thương mại, dịch vụ, giao thông, logistics, giáo dục, chăm sóc sức khỏe, vui chơi giải trí sẽ được thực hiện trong không gian mạng.

Tham gia hoạt động trong không gian mạng là những trải nghiệm xã hội, trong đó các cá nhân có thể tương tác, trao đổi ý kiến, chia sẻ thông tin, cung cấp các hỗ trợ xã hội, tranh luận và đánh giá những hiện tượng, những sự kiện liên quan đến đạo đức, chính trị, luật pháp, kinh tế, kinh doanh, chiến tranh và những xung đột có vũ trang, chiến tranh lạnh, ngoại giao và quan hệ quốc tế, những va chạm chính kiến và những cuộc đối đầu văn hóa v.v... Vì vậy, vấn đề về Luật an ninh mạng và xây dựng các quy định hành vi văn hóa mạng là vô cùng cần thiết, có tính bức thiết. Từ đây, một nhiệm vụ đặt ra trong giáo dục là xây dựng mô hình “Công dân số” (Digital Citizen).

Ngay sau khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 749/QĐ-TTg (3/6/2020) phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia, nhiều cuộc Hội thảo khoa học bàn về những kỹ năng số cần hình thành ở những

công dân số. Nhìn chung, nhiều nhà khoa học và giáo dục thường đề xuất những kỹ năng dưới đây:

- Kỹ năng truy cập số (Digital access).
- Kỹ năng thương mại số (Digital Commerce).
- Kỹ năng truyền thông số (Digital communication).
- Kỹ năng sử dụng kiến thức số (Digital Literacy).
- Kỹ năng thực hiện nghi thức số (Digital Etiquette).
- Kỹ năng thực hiện luật lệ số (Digital Law).
- Kỹ năng thực hiện quyền và trách nhiệm số (Digital Rights & Responsibilities).
- Kỹ năng bảo vệ sức khỏe thể chất và tâm lý số (Digital Health & Wellness).
- Kỹ năng tuân thủ an ninh số (Digital Security).

Việc xác định những kỹ năng số cho công dân số còn đang được nghiên cứu bởi việc này phải chờ đợi những quy định của Nhà nước về những hành vi văn hóa mạng và những luật định về bảo vệ những giá trị trên các mạng xã hội.

Công dân toàn cầu trong xu thế phát triển của quá trình toàn cầu hóa

Dòng chảy toàn cầu hóa mang theo rất nhiều giá trị khác nhau từ quốc gia này tới quốc gia khác, tạo nên một thế giới dần dần có độ phẳng hơn trước. Trong các lĩnh vực kinh doanh, dịch vụ, khoa học, giáo dục... nhiều giá trị đã thẩm thấu qua biên giới quốc gia, làm cho các quốc gia dần dần có những nét giống nhau trong ẩm thực, thời trang, vui chơi, giải trí, học hành...

Công dân toàn cầu là người đi ra thế giới mà không bị các rào cản về ngôn ngữ, văn hóa và việc làm. Họ tôn trọng văn hóa của dân tộc khác, chấp nhận luật pháp của quốc gia khác và chung sống với người khác về văn hóa, tập tục, thói quen là một phẩm chất cần thiết với họ. Theo thời gian, số người trở thành công dân toàn cầu sẽ ngày càng đông đảo hơn.

Thế hệ Z, bao gồm những người sinh ra trong khoảng thời gian 1997 - 2012, có sự vượt trội so với thế hệ Y và X về năng lực học ngoại ngữ và những kỹ năng sử dụng các thiết bị thông tin thông minh, sự giao tiếp rộng rãi trên mạng, sự thích ứng nhanh

chóng với thế giới hiện thực - ảo. Thế hệ Z đang trải nghiệm thế giới VUCA, nhất là trải nghiệm qua những biến động và đầy bất thường của đại dịch Covid-19 và cuộc chiến Nga - Ukraina. Sự trải nghiệm đó sẽ làm tăng những năng lực và những phẩm chất cần thiết để thế hệ Z thích ứng tốt với kỷ nguyên số như hợp tác, giao tiếp, tư duy phản biện, học tập suốt đời...

Thế hệ trẻ nhất trên thế giới hiện nay là thế hệ Alpha. Thế hệ này gồm những trẻ em bắt đầu được sinh ra từ năm 2013 và đứa trẻ cuối cùng của thế hệ Alpha sẽ ra đời vào năm 2027. Sự bùng nổ của công nghệ sẽ làm cho con người Alpha thành thế hệ có năng lực kết nối toàn cầu. Các em sẽ học tập, du lịch, làm việc giữa các quốc gia mà không gặp rào cản nào về ngôn ngữ và văn hóa. Thế hệ Alpha sẽ định nghĩa lại khái niệm “việc làm”, thay đổi mô hình trường học và mô hình giáo dục, làm mờ ranh giới địa lý, làm giảm đi sự cách biệt văn hóa bản địa với văn hóa toàn cầu. Họ sẽ kết nối với nhau trong ngôi nhà toàn cầu.

Nền văn hóa với tính dân tộc, khoa học, đại chúng có giá trị hết sức cơ bản cho sự phát triển của xã hội. Qua 80 năm, nền văn hóa đó đã nói lên rằng, nó là cội nguồn sức mạnh của dân tộc ta, của đất nước ta, là động lực phát triển đưa quốc gia của chúng ta đi vào hiện đại.

Để đi vào xã hội tri thức, và tiếp theo là xã hội thông minh, chúng ta cần bổ sung nhiều giá trị mới để hoàn chỉnh nền văn hóa trong những điều kiện mới. Đó là văn hóa học tập suốt đời, văn hóa mạng, lối sống của công dân toàn cầu, đạo đức nghề nghiệp trong hệ thống công nghiệp thông minh...

Điều kiện hàng đầu để Việt Nam hội nhập hiệu quả vào thế giới hiện đại, sánh vai với các quốc gia hùng mạnh, chung sống hòa bình với tất cả các dân tộc trong một ngôi nhà toàn cầu chính là nền văn hóa hiện đại mà chúng ta cần xây dựng, vun đắp./.

MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT TRONG THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG THỦY LỢI VÀ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI THEO CÁC QUY HOẠCH ĐƯỢC THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ PHÊ DUYỆT

Phạm Xuân Quý

Hội Khoa học Thủy lợi Thanh Hoá

Ngày 26/3/2023, UBND tỉnh ban hành bản kế hoạch số 72/KH-UBND về thực hiện Quy hoạch tỉnh Thanh Hoá thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045, được phê duyệt tại Quyết định 153/QĐ-TTg ngày 27/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ, với mục đích yêu cầu:

- Xác định các nhiệm vụ trọng tâm, phân công, giao nhiệm vụ cụ thể cho các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố để tập trung chỉ đạo tổ chức thực hiện nhằm cụ thể hóa các phương án quy hoạch ngành, lĩnh vực được tích hợp trong Quy hoạch tỉnh.

- Xây dựng phương án kêu gọi, thu hút đầu tư để cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ của Quy hoạch tỉnh, bao gồm đầu tư công và thu hút các dự án đầu tư sử dụng vốn ngoài ngân sách nhà nước; xây dựng kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, cấp huyện phù hợp với phương án phát triển các ngành, lĩnh vực theo từng giai đoạn.

- Xác định rõ các nguồn lực và giải pháp để thực hiện quy hoạch. Trong tổ chức thực hiện phải chủ động, sáng tạo, linh hoạt, có sự phối hợp chặt chẽ, nhịp nhàng giữa các sở, ngành, địa phương.

Về tổ chức thực hiện, UBND tỉnh cũng giao giám đốc các sở, trưởng các ban, ngành đơn vị cấp tỉnh, chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố, các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, cụ thể là:

- Trước ngày 15/4/2023 xây dựng và ban hành chương trình, kế hoạch hành động, các văn bản cụ thể triển khai thực hiện Kế hoạch này; trong đó xác định rõ, đầy đủ các mục tiêu, nhiệm vụ, tiến độ thực hiện, báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

- Báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch này và kết quả thực hiện Quy hoạch tỉnh về Sở Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 20/10 hằng năm để tổng hợp, báo cáo các bộ, ngành Trung ương và Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh theo quy định.

Trên cơ sở những mục tiêu, định hướng phát triển chính của Quy hoạch tỉnh, thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045, các định hướng, nhiệm vụ trọng tâm cần làm trong thời kỳ quy hoạch. UBND tỉnh cũng đã xác định những mục tiêu, định hướng phát triển kết cấu hạ tầng của một số lĩnh vực trong Quy hoạch tỉnh, cụ thể là:

- Về hạ tầng cấp nước: Tổng số công trình thủy lợi cần đầu tư sửa chữa, nâng cấp và làm mới giai đoạn 2021 - 2030 là 1.132 công trình; một số nhiệm vụ lớn được đề cập là:

(i) Giai đoạn 2021 - 2025: Nghiên cứu dự án xây dựng công trình thủy lợi - thủy điện Cẩm Hoàng trên sông Mã tại Cẩm Thủy; nâng cấp hệ thống kênh Bái Thượng (giai đoạn 1); sửa chữa, nâng cấp các hồ đập vừa và nhỏ mất an toàn; xây dựng mới Trạm bơm Yên Tôn, huyện Vĩnh Lộc và trạm bơm Hoàng Khánh, huyện Hoàng Hóa.

(ii) Giai đoạn 2026 - 2030: Đầu tư xây dựng công trình thủy lợi - thủy điện Cẩm Hoàng; nâng cấp hệ thống kênh Bái Thượng (giai đoạn 2).

- Về hạ tầng tiêu, thoát nước: Tổng số công trình thủy lợi cần đầu tư sửa chữa, nâng cấp và làm mới là 439 công trình; một số nhiệm vụ lớn như sau: (i) Cải tạo nâng cấp hệ thống tiêu thủy sông Hoàng, sông Lý và tiêu thủy Thọ Xuân; (ii) Hệ thống tiêu úng vùng III huyện Nông Cống tỉnh Thanh Hóa (Giai đoạn

II); (iii) Dự án Tăng cường khả năng tiêu thoát lũ vùng Bắc Thanh Hóa; (iv) Đầu tư xây dựng một số trạm bơm lớn, trọng điểm: Trạm bơm Báo Văn, huyện Hà Trung; các cụm trạm bơm Lưu Phong Châu và cụm trạm bơm tiêu Trường Phụ, huyện Hoằng Hóa.

- Về nhu cầu vốn cho đầu tư phát triển: Tổng nhu cầu vốn đầu tư phát triển thực hiện Quy hoạch tỉnh trong giai đoạn 2021 - 2030 là 1.650 nghìn tỷ đồng; trong đó: Giai đoạn 2021 - 2025 là 750 nghìn tỷ đồng; Giai đoạn 2026 - 2030 là 900 nghìn tỷ đồng. Phân theo nguồn vốn: vốn NSNN khoảng 242 nghìn tỷ đồng ($\approx 14,7\%$); vốn ngoài NSNN khoảng 1.019 nghìn tỷ ($\approx 61,7\%$); vốn FDI khoảng 389 nghìn tỷ đồng ($\approx 23,6\%$).

Trong đó, một số nhiệm vụ được xác định, cơ bản phù hợp với các dự án và thứ tự ưu tiên thực hiện thuộc hạ tầng thủy lợi (Mục IV Phụ lục XVI kèm theo Quyết định 153/QĐ-TTg); hạ tầng phòng chống thiên tai (PCTT) và thủy lợi (Phụ lục II kèm theo Quyết định 847/QĐ-TTg ngày 14/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch Phòng chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050), như: hệ thống thủy lợi đập Cẩm Hoàng trên sông Mã; hệ thống thủy lợi cấp nước tưới khu vực ven đường Hồ Chí Minh; nâng cấp hệ thống kênh Bái Thượng (kênh Chính và kênh Nam); tu bổ, nâng cấp, xử lý các trọng điểm xung yếu tuyến đê tả sông Mã đoạn từ cầu Hoàng Long đến Cửa Hới; tu bổ, nâng cấp đê sông Chu (đê bên tả đoạn từ K0-K34+100, đê bên hữu đoạn từ K10+750-K50) và dự án đê sông Càn.

Về tình hình thực hiện một số chương trình dự án lớn, quan trọng và bức thiết trên địa bàn tỉnh, trong điều kiện biến đổi khí hậu hiện nay, như: Dự án KEXIM1, do Ban quản lý Trung ương các dự án thủy lợi (CPO) trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (NN&PTNT) làm chủ đầu tư, bao gồm hệ thống thủy lợi đập sông Lèn và hệ thống tiêu Lưu - Phong - Châu (đang thực hiện đầu tư, dự kiến hoàn thành vào 31/12/2024); Hệ thống tiêu úng vùng III huyện Nông Cống,

giai đoạn II (đang chuẩn bị xây dựng); Dự án Tăng cường khả năng tiêu thoát lũ vùng Bắc Thanh Hóa, bao gồm cả dự án trạm bơm Báo Văn (đang chuẩn bị xây dựng); Trạm bơm Hoàng Khánh, huyện Hoằng Hóa (đang chuẩn bị xây dựng); Trạm bơm Yên Tôn, huyện Vĩnh Lộc (đang thực hiện xây dựng); Nâng cấp hệ thống kênh Bái Thượng, giai đoạn 1 (đang lập dự án vốn vay). Nhìn chung việc triển khai tương đối chậm do phát sinh nhiều thủ tục.

Từ các vấn đề nêu trên, để thực hiện tốt nội dung quy hoạch, đưa tầm nhìn quy hoạch và khát vọng Thanh Hóa phát triển trở thành hiện thực, tránh việc thực hiện quy hoạch không hiệu quả hoặc để xảy ra tình trạng quy hoạch treo. Chúng tôi xin đề xuất một số giải pháp triển khai kế hoạch thực hiện phương án quy hoạch, một số nhiệm vụ lớn trong giai đoạn 2021 - 2030, các dự án và thứ tự ưu tiên thực hiện của UBND tỉnh về hạ tầng thủy lợi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2045 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, cụ thể như sau:

Một là, Giao Sở NN&PTNT phối hợp làm việc, báo cáo Bộ NN&PTNT sớm triển khai thực hiện Quy hoạch PCTT và Thủy lợi trên địa bàn tỉnh theo những nội dung đã được phê duyệt tại Quyết định 847/QĐ-TTg ngày 14/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ. Trên cơ sở đó cần xem xét bổ sung, điều chỉnh những nội dung về triển khai đầu tư hạ tầng thủy lợi trong bản Kế hoạch triển khai thực hiện Quy hoạch tỉnh số 72/KH-UBND ngày 26/3/2023 cho phù hợp.

Mặt khác, do một số dự án lớn quan trọng như Hồ chứa nước Làng Giẻ, xã Vân Am, huyện Ngọc Lặc; các đập kiểm soát mặn, ngọt trên sông Lạch Trường, Sông Mã, sông Yên và sông Bạng; Đập Chòm Mo tại xã Thành Trục, huyện Thạch Thành trên dòng chính sông Bưởi... được xác định trong Quy hoạch tỉnh tại Quyết định 153/QĐ-TTg ngày 27/02/2023, nhưng chưa được đề cập trong Quy hoạch Phòng, chống thiên tai và Thủy lợi tại Quyết định 847/QĐ-TTg ngày 14/7/2023.

Các dự án nói trên rất cần thiết được đầu tư xây dựng sớm trong bối cảnh biến đổi khí

hậu và xâm nhập mặn đang ngày một gay gắt. Chẳng hạn như dự án hồ chứa nước Làng Giẻ trên sông Âm, đây là công trình sẽ thay thế cho hồ chứa nước Pa Ma trên sông Mã, thuộc địa phận tỉnh Sơn La. Hồ Pa Ma có nhiệm vụ bổ sung nguồn nước vào mùa kiệt (khoảng 25m³/s) và các nhiệm vụ chống lũ, phát điện ở hạ du, nhưng đã được Chính phủ đưa ra khỏi quy hoạch thủy lợi khu vực miền trung tại văn bản 970/TTg-KTN ngày 16/5/2016 và giao cho Bộ NN&PTNT phối hợp với các Bộ, ngành liên quan và UBND tỉnh Thanh Hoá tìm nguồn thay thế.

Dự án đập Chòm Mo tại xã Thành Trục, huyện Thạch Thành thuộc Quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Bưởi, được phê duyệt tại Quyết định số 1917/QĐ-BNN-TCTL ngày 19/8/2013 của Bộ NN&PTNT, có nhiệm vụ nâng đầu nước cho các trạm bơm trên sông, từ Thành Trục đến Thạch Lâm bơm nước tưới, trên cơ sở hồ Cánh Tạng ở thượng lưu sông Bưởi (thuộc tỉnh Hoà Bình), sẽ tạo nguồn cấp nước tưới cho 2.500 ha của huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa. Hồ Cánh Tạng được khởi công xây dựng vào quý I/2019, sẽ hoàn thành đưa vào vận hành khai thác cuối năm 2024.

Sở NN&PTNT với chức năng nhiệm vụ là cơ quan quản lý nhà nước về chuyên ngành thuộc UBND tỉnh, có trách nhiệm theo dõi, cập nhật bổ sung để tham mưu cho UBND tỉnh báo cáo Bộ NN&PTNT lập các Quy hoạch thủy lợi, Quy hoạch đề điều và Quy hoạch phòng, chống lũ các tuyến sông có đề trình Thủ tướng Chính phủ xem xét phê duyệt như quy định tại Điều 2 Quyết định 847/QĐ-TTg ngày 14/7/2023.

Hai là, Chủ tịch UBND tỉnh đã giao giám đốc các sở, trưởng các ban, ngành đơn vị cấp tỉnh, chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố, các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao xây dựng và ban hành chương trình, kế hoạch hành động, các văn bản cụ thể triển khai thực hiện Kế hoạch số 72/KH-UBND ngày 26/3/2023 xong trước 15/4/2023; trong đó xác định rõ, đầy đủ các mục tiêu, nhiệm vụ, tiến độ thực hiện, báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

Tuy nhiên, với hơn 1.500 công trình hạ tầng thủy lợi và PCTT cần đầu tư sửa chữa, cải tạo nâng cấp và xây dựng mới trong thời kỳ 2021 - 2030 (Mục 1.5b của Kế hoạch 72/KH-UBND) trải rộng trên địa bàn tỉnh. Các sở, ban, ngành đơn vị cấp tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh đều phải lập kế hoạch thực hiện chi tiết, trong đó phải xác định rõ quy mô, nhiệm vụ, hình thức đầu tư, nguồn vốn đầu tư, tiến độ thực hiện và đơn vị tổ chức thực hiện. Các kế hoạch này, đề nghị UBND tỉnh giao cho Sở NN&PTNT với chức năng là cơ quan QLNN về chuyên ngành, có ý kiến tham mưu bằng văn bản trước khi báo cáo lên UBND tỉnh xem xét quyết định.

Ba là, hiện nay tại các Quyết định phê duyệt Quy hoạch tỉnh số 153/QĐ-TTg ngày 27/02/2023 và Quyết định phê duyệt Quy hoạch PCTT và Thủy lợi số 847/QĐ-TTg ngày 14/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ, có 2 dự án lớn quan trọng được xác định theo thứ tự ưu tiên đầu tư trong thời kỳ 2021-2030, đó là Dự án hệ thống thủy lợi đập Cẩm Hoàng trên sông Mã, đã được ghi vốn chuẩn bị đầu tư tại Quyết định 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ và dự án tuyến kết nối điều hoà chuyển nước hồ Cửa Đạt tưới cho diện tích canh tác ven đường Hồ Chí Minh của các huyện Ngọc Lặc, Thọ Xuân và Thường Xuân, nhưng Bộ NN&PTNT chưa giao đơn vị nào làm nhiệm vụ Chủ đầu tư.

Đề nghị UBND tỉnh báo cáo Bộ NN&PTNT giao Ban QLDA Đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với Sở NN&PTNT, thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư các dự án này. Đây là đơn vị có nhiều kinh nghiệm trong việc chuẩn bị đầu tư các dự án lớn, dự án ODA trên địa bàn tỉnh, đã từng làm chủ đầu tư giai đoạn lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, tham gia một số nội dung trong giai đoạn lập báo cáo dự án khả thi công trình Hồ chứa nước Cửa Đạt và làm chủ đầu tư giai đoạn xây dựng một số hạng mục thuộc dự án từ năm 1996 - 2004./.

GIẢI PHÁP CƠ SỞ HẠ TẦNG CƠ ĐỘNG ĐỂ TRIỂN KHAI LẮP ĐẶT SÓNG BTS/NODEB LƯU ĐỘNG

(Giải pháp đạt giải Nhì Hội thi Sáng tạo kỹ thuật Thanh Hóa lần thứ 12 (2020 - 2021))

Nhóm tác giả: Nguyễn Anh Tuấn, Bùi Văn Chuyên, Đinh Văn Tuấn
Đơn vị công tác: VNPT Thanh Hóa

Tóm tắt giải pháp:

Mỗi trạm BTS/NodeB/eNodeB chỉ phục vụ được một số lượng người sử dụng nhất định tại một thời điểm. Vì vậy, tại các trạm BTS diễn ra sự kiện đông người (như các lễ hội, các hội nghị, sự kiện thể thao, hội chợ thương mại,...) sẽ không đáp ứng được nhu cầu thông tin liên lạc của người sử dụng khu vực trạm, xảy ra hiện tượng nghẽn mạng, tốc độ truy cập mạng thấp (đối với dịch vụ data), nếu quá số lượng người truy cập tối đa sẽ không truy cập được vào mạng internet qua thiết bị di động. Do đó, cần phải lắp đặt bổ sung thêm trạm BTS/NodeB/eNodeB tại các sự kiện đông người.

Để lắp đặt được anten, thiết bị trạm BTS/NodeB/eNodeB cần có cột anten. Việc xây dựng cột anten cố định cần có thời gian (từ 2-3 tháng) và rất lãng phí (chi phí thuê mặt bằng, chi phí duy trì hoạt động của trạm,...) khi trạm chỉ phục vụ thời gian diễn ra sự kiện (một đến vài lần trong năm).

Xe BTS lưu động của Tập đoàn Bru chính Viễn thông Việt Nam giao cho Tổng Công ty Hạ tầng mạng quản lý tập trung với số lượng có hạn (Khu vực miền Bắc có 7 xe) do chi phí đầu tư ban đầu lớn (các xe BTS lưu động hầu hết được mua ở nước ngoài nên chi phí đầu tư ban đầu cao). Các xe lưu động này để tăng cường cho các sự kiện diễn ra đông người tại các tỉnh trên toàn quốc. Do số lượng xe có hạn như vậy, nên cùng một thời điểm nhiều tỉnh diễn ra sự kiện đông người sẽ không đủ để đáp ứng cho nhiều tỉnh cùng

một lúc. Khoảng cách từ Hà Nội và các đơn vị được giao quản lý xe đến Thanh Hóa xa nên chi phí vận chuyển lớn, thời gian triển khai chưa đáp ứng kịp thời.

Vì vậy, cần có giải pháp để chủ động, tiết kiệm trong triển khai cơ sở hạ tầng cột anten lưu động để lắp đặt thiết bị đáp ứng được chất lượng dịch vụ di động VinaPhone tại các khu vực diễn ra các sự kiện đông người một cách chủ động, linh hoạt. Nội dung của giải pháp như sau:

Tận dụng xe bán tải đang phục vụ các hoạt động sản xuất, kinh doanh của VNPT Thanh Hóa thiết kế hệ thống cột anten, thiết bị BTS/NodeB/eNodeB trên thùng xe để có thể cơ động di chuyển đến các địa điểm diễn ra sự kiện đông người, phát sóng phục vụ trong thời gian diễn ra sự kiện. Sau khi kết thúc sự kiện, xe ô tô quay trở lại phục vụ các hoạt động sản xuất kinh doanh bình thường của doanh nghiệp.

Trạm phát sóng cơ động được thiết kế 1 cột anten cao 3m bằng ống hợp kim nhôm phi 76mm dày 5mm gồm 2 đốt cột dài 1,5m lắp đặt trên thùng xe bán tải cho phép tháo rời cột anten, thiết bị, phụ trợ để dễ dàng vận chuyển, lắp đặt và tháo dỡ. Các bộ phận cấu thành trạm kích thước gọn nhẹ có thể vận chuyển, thao tác lắp ghép thủ công một cách nhanh chóng, thời gian hoàn thành lắp đặt xong trạm cơ động này khoảng 1h. Khi diễn ra các sự kiện đông người, trạm cơ động sẽ di chuyển đến, lắp dựng, phát sóng đảm bảo chất lượng dịch vụ.

Tính mới:

Giải pháp lần đầu tiên được triển khai và áp dụng tại Tập đoàn Bru chính Viễn thông Việt Nam và Viễn thông Thanh Hóa, mang lại hiệu quả cao và đáp ứng nhanh về hạ tầng trong việc đảm bảo chất lượng dịch vụ di động VinaPhone tại các sự kiện đông người.

Khả năng áp dụng:

Giải pháp được áp dụng thành công tại VNPT Thanh Hóa và phát huy hiệu quả tại các sự kiện tổ chức đông người như lễ Noel, Tết Nguyên đán, lễ hội chùa, sự kiện văn hóa, thể thao, lễ hội hè Sầm Sơn,... Giải pháp đang được Tập đoàn Bru chính Viễn thông Việt Nam xem xét triển khai cho các VNPT tỉnh/thành phố trên toàn quốc.

Hiệu quả kinh tế - kỹ thuật - xã hội:

Tiết kiệm chi phí đầu tư ban đầu so với xe BTS lưu động chuyên dụng, chi phí vận chuyển xe BTS lưu động chuyên dụng từ Hà Nội vào Thanh Hóa.

Thông tin liên lạc thông suốt phục vụ kịp thời sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của các cơ quan Đảng, chính quyền tại khu vực diễn ra các hoạt động, sự kiện.

Đảm bảo chất lượng dịch vụ di động VinaPhone cung cấp cho khách hàng tại các sự kiện, lễ hội tập trung đông người nhằm đảm bảo quyền lợi của khách hàng khi sử dụng các dịch vụ di động VinaPhone, góp phần quảng bá rộng rãi giá trị văn hóa của các lễ hội, các sự kiện văn hóa, thể thao, các sự kiện lớn của tỉnh đến đông đảo người dân trên cả nước trên cơ sở chia sẻ các hình ảnh trên nền mạng di động từ chính những người dân tham gia sự kiện. Các sự kiện như vậy được quảng bá đến người dân cả nước cũng là cơ hội để phát triển ngành du lịch của tỉnh nhà. Đồng thời, góp phần nâng cao uy tín, thương hiệu của VNPT Thanh Hóa trong việc cung cấp dịch vụ VT-CNTT trên địa bàn tỉnh./.

PHÂN BIỆT THUẾ, PHÍ VÀ LỆ PHÍ

Hà Sĩ Thắng

Hội Luật gia tỉnh Thanh Hóa

Thuế, phí và lệ phí là những khoản thu đóng góp vào ngân sách nhà nước, được điều chỉnh và thi hành bởi pháp luật, do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định. Cá nhân, tổ chức chỉ phải thực hiện nghĩa vụ của người nộp thuế, phí, lệ phí trong một số trường hợp theo quy định của pháp luật.

Tuy đều là những khoản đóng góp vào ngân sách nhà nước, nhưng thuế, phí và lệ phí có những điểm khác nhau cơ bản sau đây:

1. Về khái niệm

Thuế là một khoản nộp ngân sách nhà nước bắt buộc của tổ chức, hộ gia đình, hộ kinh doanh, cá nhân theo quy định của các luật thuế (Điều 3 Luật Quản lý thuế năm 2019).

Như vậy, thuế là một khoản phí hay một khoản thu khác bắt buộc áp dụng cho người nộp thuế (cá nhân hoặc pháp nhân) phải nộp cho nhà nước nhằm mục đích phục vụ cho các khoản chi tiêu công khác nhau. Việc không thực hiện trả thuế, trốn tránh hoặc chống lại việc nộp thuế sẽ là vi phạm pháp luật.

Phí là khoản tiền mà tổ chức, cá nhân phải trả nhằm cơ bản bù đắp chi phí và mang tính phục vụ khi được cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao cung cấp dịch vụ công được quy định trong Danh mục phí ban hành kèm theo Luật này (Điều 3 Luật Phí và lệ phí năm 2015).

Lệ phí là khoản tiền được ấn định mà tổ chức, cá nhân phải nộp khi được cơ quan nhà nước cung cấp dịch vụ công, phục vụ công việc quản lý nhà nước được quy định trong Danh mục lệ phí ban hành kèm theo Luật này (Điều 3 Luật Phí và lệ phí năm 2015).

Như vậy, phí và lệ phí có điểm giống nhau: đều là những khoản tiền mà đối tượng chịu thu phải nộp cho cơ quan nhà nước (trong khi thuế là khoản đối tượng chịu thu phải nộp vào ngân sách nhà nước). Nhưng khác nhau ở chỗ: phí là khoản tiền mà cá nhân, tổ chức phải trả để bù đắp một phần chi phí khi được cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp cung cấp dịch vụ, thì lệ phí là khoản tiền mà cá nhân, tổ chức phải nộp cho cơ quan nhà nước cung cấp dịch vụ công nhằm phục vụ cho công việc quản lý nhà nước.

2. Cơ sở pháp lý

Thuế được điều chỉnh bởi văn bản pháp luật do cơ quan quyền lực nhà nước là Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành (luật, pháp lệnh, nghị quyết).

Phí và lệ phí được điều chỉnh bởi Luật Phí và lệ phí năm 2015.

3. Vị trí, vai trò

Thuế là khoản thu chủ yếu, quan trọng, chiếm trên 90% các khoản thu cho ngân sách nhà nước, tác động lớn đến toàn bộ quá trình phát triển kinh tế - xã hội của một quốc gia, được nhà nước sử dụng để phục vụ các hoạt động chung của cộng đồng xã hội.

Phí và lệ phí là khoản thu phụ trợ cho ngân sách nhà nước, chủ yếu để đáp ứng các chi phí cho hoạt động của cơ quan nhà nước hoặc cơ quan được nhà nước giao thẩm quyền cung cấp các hoạt động, dịch vụ của xã hội.

4. Tính đối giá

Thuế không mang tính đối giá và không hoàn trả trực tiếp cho người nộp mà được hoàn trả gián tiếp thông qua các hoạt động phục vụ người dân như các dự án dân sinh xã hội, cơ sở hạ tầng xã hội hay các hoạt động khác phục vụ các hoạt động của con người, cộng đồng, xã hội.

Phí và lệ phí mang tính đối giá rõ ràng và hoàn trả trực tiếp cho người nộp thông qua kết quả việc thực hiện các dịch vụ công.

5. Tính bắt buộc

Thuế mang tính bắt buộc được quy định bởi pháp luật áp dụng đối với tất cả các đối tượng chịu thuế.

Phí và lệ phí chỉ bắt buộc trong một số trường hợp nhất định khi chủ thể nộp thừa hưởng trực tiếp những dịch vụ công do cơ quan nhà nước cung cấp.

6. Tên gọi

Mỗi luật thuế đều có mục đích riêng, tuy nhiên đa số các sắc thuế tên gọi không phản ánh đúng mục đích sử dụng, mà thường phản ánh đối tượng tính thuế (ví dụ: Thuế môi trường không nhằm mục đích 100% là cải tạo môi trường).

Tên gọi của từng loại phí, lệ phí phản ánh rõ ràng, đầy đủ mục đích sử dụng của loại phí, lệ phí đó (ví dụ: Lệ phí công chứng vì sử dụng dịch vụ công chứng).

7. Phạm vi áp dụng

Thuế được áp dụng không giới hạn trên phạm vi cả nước, không phân biệt giữa các đơn vị hành chính, lãnh thổ mà áp dụng đối với mọi cá nhân, tổ chức.

Phí và lệ phí chỉ áp dụng trong những trường hợp, lĩnh vực cụ thể hoặc trong phạm vi lãnh thổ, đơn vị hành chính. Chỉ những cá nhân, tổ chức có yêu cầu cung cấp dịch vụ công mới phải nộp.

8. Việc thu, nộp

Thuế được nộp đầy đủ vào ngân sách nhà nước. Việc thu thuế do cơ quan thuế thực hiện.

Phí thu từ hoạt động dịch vụ do cơ quan nhà nước thực hiện phải nộp vào ngân sách nhà nước. Nếu cơ quan nhà nước được khoán kinh phí hoạt động từ nguồn thu thì được khấu trừ, phần còn lại nộp ngân sách nhà nước. Phí thu từ hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện được để lại một phần hoặc toàn bộ để trang trải chi phí hoạt động.

Lệ phí được nộp đầy đủ, kịp thời vào ngân sách nhà nước. Chi phí trang trải cho việc thu lệ phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

Việc thu phí, lệ phí do cơ quan nhà nước trực tiếp thực hiện dịch vụ công cho cá nhân, tổ chức thực hiện./.

Hiệu quả mô hình trồng cây bí xanh theo tiêu chuẩn VietGAP tại xã Yên Mỹ, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa vụ Đông năm 2023

TS. Tống Văn Giang, ThS. Vũ Văn Chiến
Trường Đại học Hồng Đức

Để từng bước thay đổi tập quán sản xuất rau quả theo phương thức truyền thống, hình thành vùng sản xuất rau quả tập trung chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng, gắn với liên kết sản xuất, bao tiêu sản phẩm và nâng cao hiệu quả kinh tế cho người sản xuất. Qua điều tra, khảo sát, đánh giá thực tế sản xuất tại các vùng trồng rau quả trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá, chúng tôi đã lựa chọn được địa điểm xây dựng mô hình 05 ha trồng cây bí xanh vụ Đông năm 2023 theo tiêu chuẩn VietGAP tại xã Yên Mỹ, huyện Nông Cống. Các hộ dân tham gia mô hình trồng cây bí xanh theo tiêu chuẩn VietGAP, được tập huấn kỹ thuật sản xuất bí xanh theo tiêu chuẩn VietGAP và cấp vật tư hỗ trợ xây dựng mô hình như: hạt giống bí xanh, phân bón hữu cơ, chế phẩm vi sinh vật, thuốc bảo vệ thực vật... để xây dựng mô hình.

Sau khoảng 2 tháng thực hiện mô hình trồng cây bí xanh theo tiêu chuẩn VietGAP, chúng tôi thu được kết quả như sau: Cây bí xanh bắt đầu cho thu hoạch trái khoảng 30 ngày sau trồng, năng suất trung bình đạt 1,5 tấn/sào (tương đương 30 tấn/ha), với giá bán trên thị trường hiện nay 5 - 7 triệu đồng/tấn, thì số tiền người sản xuất thu về khoảng 150 - 210 triệu đồng/ha, sau khi trừ đi chi phí sản xuất khoảng 80 triệu đồng/ha thì lợi nhuận thu về khoảng 70 - 130 triệu đồng/ha.

Mô hình trồng cây bí xanh theo tiêu chuẩn VietGAP đã bước đầu khẳng định được hiệu

quả kinh tế, góp phần đáng kể trong việc nâng cao thu nhập cho các hộ dân sản xuất bí xanh trên địa bàn xã Yên Mỹ, huyện Nông Cống. Cùng với hiệu quả kinh tế mà mô hình đem lại, để sản phẩm bí xanh theo tiêu chuẩn VietGAP của người dân xã Yên Mỹ thực sự là địa chỉ tin cậy với người tiêu dùng và có chỗ đứng vững chắc trên thị trường, thì chính quyền địa phương cần có các chính sách khuyến khích hỗ trợ người nông dân trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm./.



Mô hình trồng cây bí xanh theo tiêu chuẩn VietGAP vụ Đông năm 2023 tại xã Yên Mỹ, huyện Nông Cống.

Truyền thống vẻ vang của Quân đội nhân dân Việt Nam

Nguyễn Văn Toàn

Quân đội ta được Đảng ta thành lập ngày 22/12/1944 tại khu rừng Trần Hưng Đạo, thuộc huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng, ban đầu gồm 34 chiến sĩ do đồng chí Võ Nguyên Giáp chỉ huy với tên gọi Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân. Đội được trang bị 34 khẩu súng, chia thành 3 tiểu đội, có chi bộ Đảng lãnh đạo, do đồng chí Hoàng Sâm làm đội trưởng, đồng chí Xích Thắng làm chính trị viên. Chủ tịch Hồ Chí Minh khi chỉ thị thành lập Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân đã nhận định: “Tuy lúc đầu quy mô nhỏ nhưng tiền đồ của nó rất vẻ vang”. Vì theo Người, đội quân cách mạng này sẽ phát triển “từ Nam chí Bắc, khắp đất nước Việt Nam chúng ta”. Vừa mới ra đời, vào ngày 25/12/1944, Đội đã tập kích diệt đồn Phai Khắc thuộc tổng Kim Mã, châu Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng. Tiếp đó, ngày 26/12/1944, Đội đánh Đồn Nà Ngần (cách Phai Khắc 15 km về phía Đông Bắc).

Ngày 15/4/1945, Đảng ta hợp nhất Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân với Cứu quốc quân thành Việt Nam Giải phóng quân. Chiều 16/8/1945, dưới sự chỉ huy của Tư lệnh Võ Nguyên Giáp, một đơn vị Việt Nam Giải phóng quân từ Tân Trào (Tuyên Quang) tiến về giải phóng thị xã Thái Nguyên (tỉnh Thái Nguyên), mở màn cho Cách mạng Tháng Tám năm 1945. Chủ



Quân đội ta được thành lập vào ngày 22/12/1944 (Ảnh tư liệu).

tịch Hồ Chí Minh khen rằng: “Quân đội ta là quân đội anh hùng của một dân tộc anh hùng. Mới ra đời, với gậy tày, súng kíp đã cùng toàn dân đánh Pháp, đánh Nhật, đưa Cách mạng Tháng Tám đến thành công”¹.

Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, tháng 11/1945, Việt Nam Giải phóng quân đổi tên thành Vệ quốc quân. Lúc này quân số Quân đội ta khoảng 5 vạn người, tổ chức thành khoảng 40 chi đội ở hầu hết các tỉnh Bắc Bộ và Trung Bộ. Một số chi đội đã “Nam tiến” để giúp quân dân miền Nam chống lại thực dân Pháp đang tấn công xâm lược trở lại ở Nam Bộ.

Ngày 22/5/1946, theo Sắc lệnh 71/SL của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Vệ quốc quân đổi tên thành Quân đội Quốc gia Việt Nam. Quân

đội ta lúc này tổ chức biên chế thống nhất theo trung đoàn, tiểu đoàn, đại đội... Cùng với việc xây dựng quân đội quốc gia, Chính phủ ta đặc biệt coi trọng việc xây dựng lực lượng vũ trang quần chúng, lực lượng bán vũ trang, bao gồm: dân quân ở nông thôn và tự vệ ở đô thị.

Năm 1950, Quân đội ta đổi tên thành Quân đội nhân dân Việt Nam. Tên gọi này là do Chủ tịch Hồ Chí Minh đặt với ý nghĩa từ nhân dân mà ra, vì nhân dân mà chiến đấu, vì nhân dân phục vụ.

Trong kháng chiến chống Pháp (1946 - 1954), từ quân số 8 vạn những ngày đầu kháng chiến, đến cuối năm 1949 bộ đội thường trực đã lên tới 23 vạn. Bên cạnh đó, bộ đội địa phương và dân quân du kích đã được quan tâm xây dựng. Đây là nền tảng để Quân đội ta lập những chiến công lẫy lừng mà đỉnh cao là chiến thắng Điện Biên Phủ lịch sử ngày 7/5/1954, đập tan mưu toan thiết lập lại chế độ thuộc địa của thực dân Pháp.

Bước sang cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 - 1975), Quân đội ta được xây dựng tiến lên chính quy, hiện đại và xây dựng các Quân chủng Phòng không - Không quân, Hải quân, Binh chủng Đặc công. Ngày 15/2/1961, Quân Giải phóng miền Nam Việt Nam được Đảng ta thành lập trên cơ sở thống nhất lực lượng vũ trang tại chỗ và lực lượng tăng viện từ miền Bắc. Quân Giải phóng miền Nam Việt Nam là một bộ phận không tách rời của Quân đội nhân dân Việt Nam. Đặc biệt, gần cuối cuộc kháng chiến chống Mỹ, các quân đoàn chủ lực (Quân đoàn 1, 2, 3 và 4) của Quân đội ta được thành lập để nhân sức mạnh tổng hợp của các sư đoàn, đáp ứng yêu cầu tác chiến hiệp đồng quân, binh chủng, thực hiện những trận đánh tiêu diệt lớn, góp phần quyết định thắng lợi Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 với đỉnh cao là Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

Đại tướng Võ Nguyên Giáp cũng đã nhận định: “Lực lượng tham gia quân đội là những thanh niên yêu nước, con em của các giai

cấp, các tầng lớp nhân dân của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, đại bộ phận là con em công nhân, nông dân và nhân dân lao động. Qua được giáo dục, rèn luyện trong quân đội, họ đã trở thành những cán bộ, chiến sĩ trung với nước, trung với Đảng, hiếu với dân, chiến đấu, hy sinh vì độc lập, tự do, vì chủ nghĩa xã hội”².

Nghĩa vụ quốc tế cao cả, trong sáng

Càng phát triển và trưởng thành, bên cạnh việc lập được nhiều chiến công to lớn và hiển hách trong sự nghiệp giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, Quân đội ta còn thực hiện xuất sắc nghĩa vụ quốc tế trong sáng và cao cả theo chủ trương của Đảng và lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Ngày 29/3/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh gặp Tướng Mỹ Claire Chennault, Tư lệnh Không đoàn số 14 của Mỹ, cũng là người đại diện cao nhất của Đồng minh ở vùng Hoa Nam của Trung Quốc để thoả thuận sự hợp tác chống phát xít Nhật ở Đông Dương. Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân và sau đó là Việt Nam Giải phóng quân (từ ngày 15/5/1945) đã cùng với dân tộc Việt Nam “gan góc đứng về phe Đồng minh chống phát xít” như Người đã khẳng định trong Tuyên ngôn Độc lập (2/9/1945).

Năm 1948, Quân Giải phóng nhân dân Trung Quốc bị sức ép rất lớn ở phía Nam nên



Cuộc duyệt binh trên Quảng trường Ba Đình (Hà Nội) năm 1985 - mừng Quốc khánh (Ảnh tư liệu).

KHOA HỌC THANH HÓA

Đảng Cộng sản Trung Quốc đề nghị Đảng ta cử quân sang giúp cho cách mạng Trung Quốc. Nhận được yêu cầu này, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng đã chỉ thị cho Bộ Quốc phòng tổ chức lực lượng sang để giúp bạn. Tại Chiến dịch Thập Vạn Đại Sơn (từ tháng 6 đến tháng 10/1949), bộ đội ta đã phối hợp với lực lượng địa phương của Quân Giải phóng nhân dân Trung Quốc tiến công quân của Tưởng Giới Thạch. Kết quả là quân ta đã phối với với bạn chiếm được 10 trên 12 vị trí thuộc 3 huyện Long Châu, Khâm Châu, Phòng Thành, mở rộng vùng kiểm soát, tạo điều kiện thuận lợi cho Quân Giải phóng nhân dân Trung Quốc đánh chiếm hai tỉnh Quảng Đông và Quảng Tây, góp phần vào việc giành thắng lợi cuối cùng của Đảng Cộng sản Trung Quốc, đưa đến sự ra đời của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa vào ngày 01/10/1949.

Hiện nay, thế giới vẫn nhớ đến Việt Nam là một quốc gia đi tiên phong trong việc chống chủ nghĩa thực dân đế quốc. Sau chiến thắng Điện Biên Phủ (7/5/1954), đồng chí William Foster, Chủ tịch Đảng Cộng sản Mỹ, đã viết trên Công nhân nhật báo ra ngày 10/5/1954 như sau: “Quân đội Hồ Chí Minh phá tan được tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ là một sự kiện có ý nghĩa rất lớn... Thắng lợi ở Điện Biên Phủ là một sự cổ vũ vô cùng to lớn cho các lực lượng đang đấu tranh chống lại chủ nghĩa đế quốc ở các nước thuộc địa và nửa thuộc địa...”. Chỉ 4 năm sau chiến thắng Điện Biên Phủ, năm 1960 đã đi vào lịch sử nhân loại với tên gọi “Năm Châu Phi” với 17 nước châu Phi đã tuyên bố độc lập. Đến 1968, có tới 39 nước ở châu lục này (gồm 85% lãnh thổ và 93% dân số) đã giành được thắng lợi trong cuộc chiến giành độc lập dân tộc.



Các sĩ quan, chiến sĩ Việt Nam hoạt động gìn giữ hòa bình Liên hợp quốc tại Phái bộ Nam Sudan (Ảnh tư liệu).

Năm 1969, Chủ tịch Cuba Fidel Castro đã nhận định về Chủ tịch Hồ Chí Minh và cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước vĩ đại của dân tộc Việt Nam như sau: “Chưa bao giờ trên một mảnh đất hẹp như vậy, trong một thời gian ngắn ngủi như vậy lại diễn ra một cuộc chiến đấu có tính chất quyết định vì loài người như là cuộc chiến đấu mà đồng chí Hồ Chí Minh tiến hành chống đế quốc Mỹ và tay sai của chúng ở Việt Nam, chiến lũy bất khả xâm phạm của cuộc đấu tranh cách mạng trên toàn thế giới và tấm gương cao cả về hy sinh, về khí phách anh hùng và danh dự”³. Khi chủ nghĩa thực dân kiểu mới của Mỹ thất bại hoàn toàn ở Việt Nam (30/4/1975) với việc Quân giải phóng miền Nam Việt Nam tiến vào Dinh Độc lập, báo Asahi Shimbun (Nhật Bản) ngày 1/5/1975 đã viết trong một bài xã luận: “Chiến tranh Việt Nam đã kết thúc với thắng lợi của lực lượng giải phóng, điều đó nói lên rằng, thời đại mà các nước lớn dùng sức mạnh bóp nghẹt chủ nghĩa dân tộc đã chấm dứt rồi”.

Bên cạnh đó, Quân đội nhân dân Việt Nam còn thực hiện những nhiệm vụ quốc tế cao cả với các nước Lào và Campuchia. Nhân dịp kỷ niệm 50 năm Ngày truyền thống Quân tình nguyện và Chuyên gia quân sự Việt Nam giúp Lào (30/10/1949 - 30/10/1999), Chủ tịch nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào Khamtay Siphandone đã đánh giá: “Trong hai thời kỳ đấu tranh gay go, quyết liệt và lâu dài, gian khổ chống đế quốc, thực dân cũ và mới, trên đất nước Lào không có nơi nào là không có dấu chân của Quân tình nguyện và Chuyên gia quân sự Việt Nam. Chiến công và tấm lòng của các đồng chí không thể nào mô tả hết và không bao giờ phai mờ trong tâm khảm của nhân dân các bộ tộc Lào”.

Lúc sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã căn dặn bộ đội tình nguyện Việt Nam rằng: “giúp nhân dân nước bạn tức là mình tự

giúp mình”⁴. Do đó, vào ngày 7/1/1979, từ lời kêu gọi của Mặt trận đoàn kết dân tộc cứu nước Campuchia và nhân dân Campuchia, Quân tình nguyện Việt Nam đã thực hiện nhiệm vụ quốc tế cao cả là giúp dân tộc Campuchia giải phóng khỏi ách thống trị của tập đoàn Pol Pot, những kẻ đã cướp đi sinh mạng của gần 1/4 dân số Campuchia lúc đó. Hàng vạn Quân tình nguyện Việt Nam đã ngã xuống cho Nhân dân Campuchia được hồi sinh. Trung tướng Khuất Duy Tiến nhớ lại: “Những người lính Việt Nam đã thực sự đồng cảm với nỗi đau của Nhân dân Campuchia như với chính đồng bào ruột thịt của mình”.

Việt Nam từng đảm nhiệm Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên Hiệp Quốc các nhiệm kỳ 2008 - 2009, 2020 - 2021. Việt Nam cũng giữ chức Chủ tịch Hội đồng Bảo an Liên Hiệp Quốc vào các tháng 7/2008, 10/2009, 1/2020, 4/2021. Bên cạnh đó, Trung tâm gìn giữ hòa bình Việt Nam thuộc Bộ Quốc phòng được thành lập vào năm 2013 và sau đó nâng cấp thành Cục Gìn giữ hòa bình Việt Nam vào năm 2018. Thời gian qua, Bộ Quốc phòng Việt Nam đã tham gia hoạt động gìn giữ hòa bình Liên hợp quốc tại phái bộ Nam Sudan và Cộng hòa Trung Phi. Việt Nam là một trong những Phó Chủ tịch Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc khóa 77 (nhiệm kỳ 2022 - 2023) đại diện cho khu vực châu Á Thái Bình Dương. Kết quả này phản ánh sự tín nhiệm của cộng đồng quốc tế dành cho Việt Nam sau quá trình dài đóng góp vào hòa bình, an ninh thế giới./.

1. Hồ Chí Minh: Toàn tập, tập 11, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tr. 349.

2. Viện Lịch sử quân sự Việt Nam (Bộ Quốc phòng), “Sự nghiệp tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh”, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội 2002, tr. 570.

3. Nhiều tác giả, “Fidel Castro và Việt Nam: Những kỷ niệm không quên”, Nxb Thế giới, Hà Nội, 2020, tr. 69.

4. Hồ Chí Minh: Toàn tập, tập 7, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr. 64.

Lòng biết ơn sâu nặng của phụ huynh và học trò Trung Quốc đối với người thầy giáo Việt Nam

Hương Nao

Dưới các triều đại phong kiến Việt Nam, ở kinh đô Thăng Long, một số vị quan đỗ đại khoa nghỉ hưu cũng như còn đương chức, đã tranh thủ mở các lớp học bồi dưỡng cho các sĩ tử ở kinh đô, con em quan lại trong triều và học trò các tỉnh khác về ôn luyện để chuẩn bị dự khoa thi Hương hoặc thi Hội. Ngoài học trò người Việt là chủ yếu, còn có một số khác là con em các thương gia Trung Quốc sang nước ta làm ăn, buôn bán. Số học trò nước ngoài này được các thầy giáo Việt Nam dạy dỗ, sau đó trở về nước thi cử hoặc tiếp tục học thêm. Một số đã đỗ đại khoa từ tiến sĩ trở lên và giữ nhiều chức quan to trong bộ máy triều đình Trung Quốc. Hầu hết đều tỏ lòng biết ơn sự dạy dỗ ban đầu của các thầy giáo Việt Nam. Nhưng thuở xưa việc thông tin, đi lại còn rất khó khăn, nên không thể biết được mối quan hệ tình cảm thầy trò đó.

Đến đầu thế kỉ XVIII, một sự việc tình cờ sau đây mới cho chúng ta biết tình cảm sâu nặng của học trò Trung Quốc đối với thầy giáo Việt Nam từng dạy dỗ. Tháng giêng năm Ất Mùi, niên hiệu Vĩnh Thịnh thứ 11 (1715), triều đình nước ta cử một đoàn sứ bộ sang bang giao với Trung Quốc. Chánh sứ là hai ông Nguyễn Công Cơ và Lê Anh Tuấn. Ông Cơ (1675 - 1733), quê xã Xuân Đĩnh, quận



Thầy đồ dạy học (Ảnh minh họa).

Từ Liêm, Hà Nội, là một nho sĩ nổi tiếng sớm thông tuệ, giỏi văn chương, năm 19 tuổi đỗ Hương tiến (Cử nhân), 23 tuổi đỗ Tiến sĩ. Sau đó, ông được bổ dụng làm quan tại triều, giữ chức ở Viện hàn lâm Tả thị lang bộ Hộ. Ông Tuấn (1671 - 1734) quê xã Vạn Thắng, huyện Ba Vì, Hà Nội, đỗ Tiến sĩ khoa Giáp Tuất, niên hiệu Chính Hoà thứ 15 (1694), là vị quan tài đức nổi tiếng, được thăng tới chức Tham tụng (Tể tướng). Hai vị Phó sứ là ông Đinh Nho Hoàn (1671 - 1715), quê xã Sơn Hoà, huyện Hương Sơn, Hà Tĩnh, đỗ Hoàng giáp khoa Canh Thìn, niên hiệu Chính Hoà thứ 21 (1700), giữ chức Hàn lâm viện rồi Đốc trấn Cao Bằng và ông Nguyễn Mậu Ích (1668 - ?) quê xã Kim Sơn, huyện Gia Lâm, Hà Nội, đỗ Tiến sĩ khoa Tân Mùi, niên hiệu Chính hoà thứ 12 (1691) từng giữ chức Phó Đô ngự sử.

Đúng một năm, đến đầu xuân năm Bính Thân, niên hiệu Vĩnh Thịnh thứ 12 (1716), đoàn sứ thần nước ta mới trở về tới Thăng Long. Chánh sứ Nguyễn Công Cơ có ghi lại những sự việc suốt thời gian đi sứ trong tác phẩm lấy tên là “Sứ trình nhật lục”, trong đó có một câu chuyện như sau:

Trên đường đi, đoàn sứ bộ nước ta nghỉ chân ở tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc. Buổi chiều dạo chơi, ông Nguyễn tình cờ nhìn thấy một ngôi miếu, phía trong có bức tượng. Ông hỏi, thì được người canh giữ cho hay, ngôi miếu do quan Đốc bộ (Tổng đốc) tỉnh này cho xây năm Giáp Ngọ (1714) để thờ thầy học của ngài và nói thêm ngày mai là ngày lễ, ông muốn biết rõ thì tới mà xem. Chánh sứ Nguyễn Công Cơ thấy thời gian của sứ bộ còn rộng rãi, bèn quyết định ở lại. Đúng như lời người giữ miếu, sáng sớm hôm sau đã thấy quân lính, cờ quạt, kèn trống rất là tề chỉnh, oai nghiêm rước một vị quan mặc phẩm phục đại thần tới ngôi miếu làm lễ. Ông Nguyễn lẫn trong đám đông dân chúng đến xem để quan sát. Song do cách ăn mặc khác người Tàu nên viên quan đại thần thấy người lạ đã đưa mắt nhìn, khiến ông vội phải giấu mặt. Có lẽ sau đó viên quan đầu tỉnh biết có đoàn sứ thần Việt Nam sang Trung Quốc nghỉ chân ở đây, trong số sứ thần, có tên người thầy học cũ của mình là Nguyễn Công Cơ, nên vội vàng đến chào. Viên quan xuống kiệu từ xa, đi bộ tới sứ quán Việt nam, đưa danh thiếp, ra mắt chánh sứ Nguyễn Công Cơ. Ông Nguyễn xem qua tấm danh thiếp thấy viên Đốc bộ họ Phùng¹, tự xưng học trò cũ của mình. Nhưng ông Nguyễn sợ có sự nhầm lẫn chưa dám nhận, nên vẫn giữ tư cách quan nước nhỏ đáp lễ quan nước lớn. Còn viên quan đứng đầu tỉnh Quảng Đông thì cung kính xưng hô “con” với “thầy” và thuật lại chuyện trước kia bố mẹ ông ta sang Việt Nam buôn bán đã gửi hai anh em thụ giáo với thầy Chánh sứ. Sau đó gia đình trở về Trung Quốc, họ dự thi đỗ đầu tỉnh (như thi Hương đỗ giải nguyên ở nước ta) rồi thi

Hội tiếp. Ông ta là anh, đỗ Hoàng giáp được bổ giữ chức Thượng thư (Bộ trưởng) tại triều, rồi chuyển về Quảng Đông làm Tổng đốc. Còn người em thi đỗ Tiến sĩ, giữ chức Tham tri (Thứ trưởng), nay chuyển về làm Tuần phủ tỉnh Triết Giang. Viên quan này nói thêm, buổi sáng làm lễ tưởng niệm thầy xong, người em ra về ngay, nhưng khi biết thầy đang ở Quảng Đông thì đã cho người đuổi gấp gọi trở lại để cùng bái yết.

Bấy giờ, ông Nguyễn Công Cơ mới tin chắc viên Tổng đốc tỉnh Quảng Đông là học trò cũ của mình, bèn hỏi han vài điều và được biết thân phụ viên Tổng đốc còn khỏe, thân mẫu thì đã mất. Ông này cho hay để có thì giờ chào đón thầy, nên đã viết ngay biểu trình về triều xin đoàn sứ bộ nước Nam ở lại Quảng Đông 3 ngày, để gia đình và anh em mình được tổ chức chào lạy thầy học cũ, rồi cả hai cùng tháp tùng đoàn sứ bộ Việt Nam tới Kinh, luôn thể về châu yết đức vua.

Sau đó viên Tổng đốc dẫn người cha tới chào ông Nguyễn và rước ông đến gia quyến dự lễ chiêu đãi. Ông Nguyễn được bố trí ngồi kiệu “song long” (hai con rồng), còn viên Tổng đốc và người cha, mỗi người đều ngồi kiệu “song loan” (hai con chim loan). Người em đã kịp quay lại và cùng cả gia đình người anh làm lễ bái yết thầy một cách cung kính. Đặc biệt, viên Tổng đốc đã lệnh cho thợ giỏi trong tỉnh cấp tốc làm ngay cái quán thật lộng lẫy, kang trang để đón thầy và đoàn sứ bộ Việt Nam trú lại...

Sau mấy ngày nghỉ tại Quảng Đông, đoàn sứ bộ ta tiếp tục hành trình tới Yên Kinh thủ đô Trung Quốc. Hai viên đại thần học trò cũ của Chánh sứ Nguyễn Công Cơ cùng đoàn tùy tùng đi theo dẫn đường. Vì thông thạo đường xá nên họ đã cho bố trí trước những nơi ăn nghỉ suốt dọc đường hết sức chu đáo. Đến Yên Kinh, hai người học trò cũ vốn trước làm quan nhất, nhị phẩm trong triều nên quen biết đã giúp đoàn sứ bộ ta trong việc ăn nghỉ, giao thiệp với quan lại nhà Thanh cũng như chuẩn bị yết kiến vua Trung

Quốc. Viên Tổng đốc còn xin thầy Chánh sứ có những vấn đề gì cần tâu trình với vua Thanh thì viết lên giấy giao cho ông ta để lo liệu trước. Theo Chánh sứ Nguyễn Công Cơ cho biết, ông đã viết trao cho người học trò cũ yêu cầu của nước ta xin vua Thanh miễn giảm lễ cống tuế hàng năm.

Cũng xin nói thêm, vua Trung Quốc thời này lấy niên hiệu là Khang Hy (1662 - 1723), một ông vua được đánh giá rất kiêu ngạo, nghiêm khắc nhưng lại mến mộ trọng vọng những người có tài, đỗ đạt cao, giỏi văn chương thơ phú. Hai anh em học trò chánh sứ Nguyễn Công Cơ đều đỗ đại khoa, từng là đại thần trong triều, nên có thể được Khang Hy tin cậy. Đồng thời, vua Tàu cũng biết chánh, phó đoàn sứ bộ Việt Nam gồm 4 người cũng đều đỗ tiến sĩ trở lên, trong đó có vị Chánh sứ lại là thầy học của hai viên đại thần, nên tỏ ra nể trọng.

Bởi thế việc ăn ở, quan hệ với quan lại Trung Quốc, triều kiến vua Thanh của đoàn sứ bộ nước ta diễn ra thuận lợi. Đặc biệt yêu cầu về đồ tuế cống được vua Thanh ra chiếu chỉ giải quyết ngay. Chúng ta đều biết mỗi năm số cống phẩm nước ta nộp cho Trung Quốc rất tốn kém, nặng nề. Chẳng hạn dưới thời Cảnh Trị (1663 - 1670), số cống phẩm gồm 4 bộ lư hương và bình hoa bằng vàng nặng 209 lạng, 12 chiếc chậu bằng bạc nặng 691 lạng, 20 bộ sừng tê giác, 20 bộ ngà voi, trầm hương 60 cân, tóc hương 148 cân, giáp chân hương 30 cân, bạch truyết 50 kiện, hương đen 8.000 nén, lụa trắng 200 tấm². Số người áp tải, vận chuyển cũng đông đảo, hết sức tốn kém. Đường sá sang tới Yên Kinh thời trước rất xa xôi, nguy hiểm. Ngay đoàn sứ bộ của Chánh sứ Nguyễn Công Cơ có viên quan Nội sai Giáp bộ Nguyễn Đức Huỳnh, người Bắc Giang, chỉ huy đơn vị áp tải cống phẩm đã bị ốm chết tại Giang Tây. Việc vua Thanh đã có chiếu chỉ miễn giảm số đồ tuế cống là một thắng lợi lớn về ngoại giao của nước ta. Cụ thể là những thứ bằng vàng, bạc thì nộp nguyên nén, không phải

chế tác, những thứ như sừng tê giác, ngà voi... đều được miễn. Các cống phẩm không phải mang tới Yên Kinh mà chỉ giao cho Ty Bố chính Quảng Tây thu nhận và số người đi theo sứ bộ cũng cho được rút đi, chỉ cần ít nhân viên chức dịch đến Yên Kinh thôi. Thắng lợi này là do đất nước ta thời kì này, dưới triều chúa Trịnh Cương được ổn định, cường thịnh, đoàn sứ bộ ta có uy tín, đối đáp xử thế tài giỏi. Song còn có một nguyên nhân nữa không kém phần quan trọng, mà ít sử sách nói đến là sự đóng góp của Chánh sứ Nguyễn Công Cơ, người thầy giáo tài giỏi, uy tín đã đào tạo được hai người học trò làm quan to trong triều đình Trung Quốc. Họ đã biết ơn, có tình cảm sâu nặng đối với người thầy Việt Nam và tự nguyện giúp đỡ đoàn sứ bộ ta đạt được thắng lợi ngoại giao có ý nghĩa lịch sử nói trên.

Đoàn sứ bộ nước ta năm 1715 cũng chẳng may gặp một thất mát lớn. Đó là Phó sứ Đinh Nho Hoàn bị ốm nặng mất ở Yên Kinh. Vua Thanh đã đối xử đặc biệt, tự tay viết bài điếu, sai viên quan trong triều là Cẩm Lai giữ chức Viên ngoại lang bộ Lễ đến sứ quán ta dự tế và cho khâm liệm Đinh Phó sứ cẩn thận rồi đưa về nước ta mai táng. Có lẽ sự đối xử ngoại lệ nói trên là do vua Thanh nể trọng bốn vị Chánh, Phó sứ đoàn sứ bộ nước ta đều đỗ đại khoa, văn chương tài giỏi, lại có Chánh sứ Nguyễn Công Cơ là người thầy giáo Việt Nam đã đào tạo được hai học trò Trung Quốc đỗ đại khoa, là đại thần triều đình nhà Thanh và đều đem lòng kính trọng, biết ơn thầy sâu nặng. Xin trích một đoạn bài điếu của vua Khang Hy, để thấy sự trọng đãi nói trên:

Dịch Nôm:

*"...Ông phụng mệnh Quốc vương Nam Việt
Từ phương xa vượt biển trèo non
Hồ Động Đình bãi tạ ngắm trời
Công việc ấy vừa xong xuôi
Sao ông đã rời cõi thế ?
Trầm nay vô cùng thương tiếc
Ta đặc ban cho ông lễ phúng*

*Để thỏa lòng ở cõi U minh
Than ôi !”³.*

Khi đoàn sứ bộ ta trở về nước, hai viên đại thần Trung Quốc cùng theo hộ tống. Đến Quảng Đông, họ còn tổ chức tiệc chiêu đãi và biếu tặng thầy học Nguyễn Công Cơ nhiều vật phẩm vàng bạc quý giá. Lúc đầu ông Nguyễn ra sức chối từ, song cả gia đình hai người học trò đều thành kính van xin ông hiểu cho ơn thầy dạy dỗ không thể nào báo đáp. Bất đắc dĩ ông Nguyễn phải nhận, khi về nước đã nộp vào quốc khố. Viên Tổng đốc Quảng Đông còn tiễn thầy và đoàn sứ bộ nước ta đến tận biên giới Việt Trung mới chia tay.

Mỗi tình cảm giữa hai học trò họ Phùng người Trung Quốc với thầy giáo Việt Nam Nguyễn Công Cơ được chính ông chép lại trong tập nhật kí “Sứ trình nhật lục”, đã giúp chúng ta nhận thức được rằng trong trường kì lịch sử, bọn thống trị Trung Quốc đã nhiều lần đem quân sang xâm lược nước ta, nhưng nhân dân hai nước thì vẫn giao thương, buôn bán với nhau hòa bình, hữu nghị. Người dân Trung Quốc sang Việt Nam đã được tạo mọi điều kiện thuận lợi để làm ăn, sinh sống, như lời họ tri ân, cảm tạ quan lại nước ta khắc trên bia đá để lại đến nay. Chẳng hạn đối với Trấn thủ Sơn Nam Lê Đình Kiên, sau khi mất, các thương gia Trung Quốc đã lập đền thờ, dựng bia. Văn bia có đoạn:

*“...Nước Nam núi lớn sông dài
Ở trong khoảng ấy nhân tài sinh ra
Có công lớn đáng ngợi ca
Lê Công⁴ công đức thật là lớn lao*

*...
Sống đáng yêu, chết tiếc sao
Mọi người thương nhớ khắc vào bia xanh
Ông đi mây núi lượn quanh
Nước sông luôn mãi nghĩa tình nông sâu.”*

Ngày tốt tháng 11 năm Quý Mão, niên hiệu Bảo Thái thứ 4 (1723). Những người Khách ở các tỉnh bên Trung Quốc, cứ trú ở Vạn Lại Triều, cùng khắc vào bia đá. Trưởng tàu Hải nam là Trần Đê Đào, người huyện

Tán Giang, phủ Tuyên Châu, tỉnh Phúc Kiến cúi đầu bái soạn.⁵

Còn đối với Đốc trấn Cao Bằng Đinh Nho Hoàn, thương gia Trung Quốc đã khắc bia kể lại những việc họ mang nặng ơn ông như sau: Xưa thuyền khách bị quan Trấn đê lâu mới khám xét, hàng hóa bị hư hỏng. Nay nhờ quan Đốc trấn việc khám xét rất nhanh, đóng dấu liền, khi về được cấp vé, không ai còn sách nhiễu. Cửa sông Mực nước chảy sâu, cạn thất thường theo mùa, thuyền buôn đi lại có khi đứt neo, gãy sào hoặc phải theo lạch mất rất nhiều ngày, nhưng thuế vẫn không được giảm. Đến quan Đốc trấn thông cảm thương khách buôn gian khó, mạo hiểm mà xét giảm thuế cho, lại phê bút đóng dấu giao cho cầm tay khiến những người thu thuế không được nhiều hại... Đoạn kết văn bia viết: “Chúng tôi thấy lòng Ngài sáng như gương, sạch như vẽ. Xưa nay các quan thương dân cũng có, nhưng chưa có ai thương khách buôn như Ngài.”⁶

Câu chuyện học trò người Trung Quốc tạc dạ, ghi ơn đối với thầy giáo Việt Nam khi gặp lại thầy, cũng như các thương nhân Trung Quốc dựng bia lập đền thờ để tri ân, tưởng niệm quan chức nước ta đã giúp đỡ, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho họ đến làm ăn, buôn bán, đã minh chứng rằng việc Trung Quốc xâm lược nước ta chỉ là tư tưởng, hành động của bọn thống trị. Còn hai dân tộc Việt Trung vốn sống với nhau hữu nghị, tình cảm đã nảy nở, sâu nặng từ bao đời. Đó là mối quan hệ tốt đẹp, cơ bản mà mọi thế hệ hai bên cần phải củng cố, vun đắp làm sao cho ngày càng tăng tiến, bền chặt./.

1. Tên thật hai người học trò Trung Quốc này hiện chưa tra cứu được.

2. Quốc sử quán triều Nguyễn - Khâm định Việt sử thông giám cương mục Tập 2 - Nxb Giáo dục 1998 và một số sử liệu khác.

3. Đinh Nho Hoàn - Mặc Trai sứ tập - Nxb Văn học 2009.

4. Lê Bá Chúc - Đại vương Lê Đình Kiên (Tiểu sử, truyền thuyết, di tích) - Sở VH TT Hải Hưng 1992.

5. Túc ông Lê Đình Kiên (1622 - 1704), quê xã Định Tường huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá.

6. Mặc Trai sứ tập, Sdd.

Giá trị văn hóa nổi bật của **THÀNH NHÀ HỒ**

Hồ Quang Sơn

Chủ tịch

Hội Di sản Văn hóa và Cổ vật Thanh Hóa

**“Độc thành kim cổ một Tây Đô
Vạn thuở di lưu dấu triều Hồ
Tự hào Di sản dân nhân loại
Thạch thành hồn cốt nước Đại Ngu”.**

Không phải sau khi trở thành Di sản văn hóa thế giới Thành nhà Hồ mới được nhiều nhà khoa học, nhà khảo cổ quan tâm nghiên cứu mà từ nhiều thế kỷ qua, các học giả, các nhà khảo cổ học, các nhà khoa học đã tốn nhiều giấy bút bản thảo về tòa thành đá này.

Sẽ không quá khi chúng ta gọi Thành nhà Hồ là “Độc thành kim cổ”. “Độc” không chỉ bởi chất liệu hay quy mô xây dựng thành, mà còn “độc” ở phương pháp chế tác vật liệu và phương pháp xây dựng.

Vào thời bấy giờ, khi chưa có thiết bị công nghệ, chỉ duy nhất là sức người, hàng nghìn phiến đá nặng tới hàng chục tấn được tách ra từ những ngọn núi rồi vận chuyển qua các địa hình phức tạp với độ dài hàng chục km. Đẽo gọt cho vuông, cho nhẵn đến mức hai khi hai phiến đá công lên nhau khít như một thì quả là kỳ công. Rồi nâng đá lên để xây dựng tòa thành, những chiếc công vòm hàng nghìn năm qua vẫn “trơ gan cùng Tuế Nguyệt”. Nâng bằng phương tiện gì và nâng như thế nào? Thật khó tìm câu trả lời.

Bất ngờ hơn nữa bởi thời gian để Hồ Quý Ly xây dựng tòa thành (sau này trở thành kinh đô nước Đại Ngu) chỉ diễn ra trong vòng 3 tháng, từ tháng giêng đến tháng 3 năm 1397.

Kinh đô nhà Hồ được bảo vệ bằng tòa thành đá - toà thành còn lại duy nhất trong lịch sử Việt Nam mặc dù vương triều nhà Hồ có thời gian trị vì rất ngắn. Thiên nhiên, thời gian và con người đều không thể tàn phá nổi “Thạch thành” để ngày nay hậu thế chúng ta có một di sản “Văn hóa độc tôn” được nhân loại công nhận.

Tòa thành bao gồm: La thành, Hào và Hoàng thành. Hoàng thành được xây dựng bằng nguyên liệu đá với diện tích 155 ha, chiều Bắc - Nam dài 870.5 m, chiều Đông - Tây dài 883.5 m, chiều cao trung bình là 7 - 8 m.

Từ kết cấu kiến trúc của tòa thành, chúng ta ngược dòng thời gian để cảm nhận cuộc sống của vương triều Hồ với những nghi lễ mang đậm nét văn hóa thời Trần - Hồ, cảm nhận cuộc sống thôn dã của cư dân nước Đại Ngu, nhất là của người dân sinh sống trong khu vực Thành Đại La (vòng ngoài của Thành đá nhà Hồ).

Vào cuối thời Trần, nhà vua bỏ bê triều chính, quan lại thi nhau vơ vét, ngoài biên giới giặc Minh đang ráo riết chuẩn bị mọi phương diện cho cuộc chiến tranh xâm lược Đại Việt. Vì vậy, sau khi lên ngôi, để củng cố vương triều và chấn hưng đất nước, Hồ Quý Ly đã tiến hành hàng loạt cải cách như: hạn nô, hạn điền, thay đổi quan chế, hình luật. Về văn hóa, cho dùng chữ Nôm thay chữ Hán, thay đổi phép thi cử bốn trường, phê phán các



*Di sản văn hóa thế giới Thành nhà Hồ
(Ảnh tư liệu).*

nhà Tống Nho, lưu hành tiền giấy thay tiền đồng, mở đường Thiên lý Bắc - Nam... Những cải cách này đã mang lại nhiều nét sáng cho “Việc trị quốc”, nhưng lại ảnh hưởng lớn đến quyền lợi của tầng lớp quý tộc và cuộc sống của người dân. Do vậy, mâu thuẫn giữa tầng lớp quý tộc và vương triều nhà Hồ ngày càng gay gắt.

Việc xây dựng thành quách, cung điện trong thời gian ngắn đã khiến nhân dân kiệt quệ về sức người và tài lực. Làn sóng ngầm phản đối nhà Hồ đã lan rộng khắp nơi. Và hậu quả là khi nhà Minh bắt đầu cuộc chiến xâm lược cùng với việc nhiều năm tham chiến, dù có thành lũy kiên cố, nhà Hồ vẫn thất thủ trước giặc Minh.

Có nhiều căn cứ giả định về việc tìm ra nơi khai thác nguyên liệu đá để xây dựng Thành nhà Hồ là tại núi An Tôn thuộc xã Vĩnh Tiến, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Song, các cuộc tranh luận giữa các nhà khoa học, khảo cổ học vẫn chưa đi đến hồi kết bởi chưa lý giải được cách khai thác hàng chục ngàn phiến đá lớn tách ra từ những ngọn núi mà không có một phương tiện thiết bị nào ngoài sức người.

Cách cổng Tam Quan 2 km về phía Tây là đàn tế Nam Giao được phát lộ và khai quật năm 2004. Qua phần nền móng và các công trình nằm ở phần âm dưới mặt đất, người ta thấy rằng đây là đàn tế Nam Giao lớn nhất và có phần nền móng còn nguyên vẹn nhất trong các đàn tế Nam Giao của các vương triều.

Đàn tế được xây dựng trên núi Đồn Sơn (còn gọi là núi Đún), là nơi diễn ra các nghi lễ quan trọng, nơi nhà vua cầu trời cho mưa thuận gió hòa, quốc thái dân an.

Qua các đợt khai quật với số lượng hàng nghìn hiện vật, giúp chúng ta có cái nhìn chính xác hơn về vương triều Hồ và những cải cách lớn mà Hồ Quý Ly và con trai thứ là Hồ Hán Thương đã tiến hành trong thời gian trị vì. Những hiện vật như đất nung, đồ gốm, sứ..., những họa tiết trang trí trong cung điện, phần móng của cung điện sót lại thể hiện được trình độ phát triển của đội ngũ thợ thủ công thời bấy giờ.

Khả năng phòng thủ của vương triều Hồ không chỉ ở tòa thành đá vững trãi mà còn từ hệ thống súng Thần công - còn gọi là “thần cơ sang pháo” có khả năng sát thương lớn trên diện rộng lúc bấy giờ chỉ có ở nước Đại Ngu. Từ những nghiên cứu sử liệu, có nhiều thông tin về các xưởng đóng tàu chiến mang tên “Cổ lâu thuyền tải lương”, trên thuyền có đặt súng Thần công và chở các đao hùng binh chiến đấu.

Suốt nhiều thế kỷ, Thành nhà Hồ vẫn sừng sững như một “nhân chứng lớn” nhắc mọi người nhớ: Từng có một vương triều tuy tồn tại ngắn ngủi nhưng đã để lại cho lịch sử nhiều điểm nhấn mà cho đến nay hậu thế vẫn phải tốn nhiều giấy mực để luận đàm.

Tháng 6/2011, UNESCO công nhận Thành nhà Hồ là di sản văn hóa thế giới. Từ đó, Thành nhà Hồ trở thành tâm điểm cho các hoạt động thông tin quảng bá di sản của Thanh Hóa nói riêng và Việt Nam nói chung. Nhiều dự án bảo tồn, tôn tạo, nâng cấp di sản được triển khai thực hiện nhằm khai thác hiệu quả các giá trị văn hóa có một không hai của tòa thành đá.

Để Thành nhà Hồ mãi là Di sản văn hóa thế giới mang trong mình những giá trị văn hóa vô giá của dân tộc Việt Nam, Nhà nước và mỗi người dân cần có ý thức bảo vệ từng cụm rêu xanh, từng mảnh đá nhỏ trong khu vực tòa thành, cho đến việc bảo vệ toàn bộ phạm vi văn hóa của Di sản Thành nhà Hồ./.

VĂN HÓA CẦU LỘC, CẦU TÀI ĐẦU XUÂN

Lê Bá Tuyền



Lễ chùa là nét đẹp văn hóa đầu năm của người Việt (Ảnh minh họa).

Xuân về là lúc trời đất giao hòa; muôn vật, muôn loài sinh sôi nảy nở; cây cối đâm chồi, đơm hoa, kết trái; chim muông, cầm thú phối giao để nòi giống trường tồn. Trong tiết xuân, lòng người phơi phới, sinh lực dồi dào, tâm thức thanh thoi. Đó là lúc con người hướng tâm vào “Đấng tối linh” để cầu phúc, cầu tài, cầu cho một năm “Hạnh thông vạn lộ”. Đã trở thành truyền thống, mang đậm nét văn hóa Đông phương, đầu xuân tìm đến đền, chùa, miếu, phủ... để dâng lễ cầu may, cầu lộc, cầu tài, cầu bình an cho một năm thuận buồm xuôi gió, là sở nguyện của mỗi người Việt từ ngàn xưa. Một bộ trang phục trang trọng bắt mắt, một “tay lễ” tôn nghiêm, một tấm lòng thành kính là hành trang cho một chuyến dâng lễ đầu xuân.

Tuy nhiên, trong chúng ta không phải ai cũng hiểu hết về văn hóa: Đầu xuân cầu tài, cầu lộc. Đúng như vậy! Chúng ta có hàng ngàn địa điểm tâm linh để mọi người tìm về “gửi tâm vào chôn siêu phàm”. Tuy nhiên, mỗi một nơi thờ một bậc tôn linh; do vậy, muốn cầu lộc, cầu tài, ký thác niềm tin vào những chốn tâm linh trước hết phải hiểu: nơi nào thờ ai, rồi hãy hành lễ nghi cho phải phép.

Người xưa dạy:

*“Thần từ, Phật tự, Thánh quán,
Mẫu phủ, Hương đình”.*

Nghĩa là: Thần được thờ ở đền, Phật được thờ ở chùa, Thánh được thờ ở quán, Mẫu được thờ ở phủ, Thành hoàng làng thờ ở đình. Tuy nhiên, ở nhiều nơi có sự “phối thờ” nên trong chùa vẫn có cung thờ Mẫu, thờ quan...

Hiểu rõ điều này, mỗi khi phát tâm đi lễ, chúng ta biết chỗ nào thờ ai để trước khi hành lễ chúng ta biết kêu ai để cầu. Không thể kêu Phật ở đền, ở phủ, ở quán. Không thể, kêu Mẫu, kêu Thánh ở đình làng.

Sở dĩ lâu nay không ít người cứ nghĩ: Đến chôn linh thiêng miễn sao cứ kêu nhiều là thầu, họ không cần biết chỗ này thờ ai, chỗ kia thờ ai. Đành rằng, cái tâm hướng thiện là điều đáng quý, nhưng nếu hướng thiện đúng chỗ lại càng quý hơn. Bởi đúng mà không đúng lúc, đúng chỗ cũng là chưa đúng.

Biết nơi này thờ ai, lại cần phải biết các bước cầu may, cầu lộc. Nếu đến chôn tâm linh mà chỉ biết “đau đầu” để xin lộc, xin tài thì chắc các “Ngài” cũng chả yên tâm mà cho đâu! Bởi vì các “Ngài” còn phải xem người đang cầu là ai? Tốt xấu thế nào? Có đúng đối tượng cần ban cho hay không? Và cho rồi họ có trở thành con người tốt sau khi được ban tài, ban lộc hay không? Bởi vậy, để các đấng tối linh chấp thuận, việc “thi lễ” cũng phải “đúng quy trình” với các bước hợp lý.

Việc đầu tiên khi đặt chân vào chôn linh thiêng là phải xưng danh tính, quán chi; sau đến là bước “sám hối”. Bước này khá quan trọng! Vì từ đáy lòng mình chúng ta kiểm điểm lại những việc đối nhân xử thế của mình trong một năm qua còn chỗ nào chưa hay, chưa phải. Trước chôn tôn nghiêm mà nói hết được những khuyết điểm của mình thì cõi lòng vô cùng thanh thản. Tiếp đến là bước tạ ơn các đấng tối linh đã phù trì cho bản thân và gia đình mình trong một năm qua đã gặp nhiều may mắn, buồm thuận gió xuôi. Sau đó mới đến bước cầu may, cầu tài, cầu lộc. Việc cầu xin này cũng phải hợp tình hợp lý. Không phải

cứ tham lam cầu nhiều, xin nhiều là Thánh, Thần cho nhiều. Do vậy, cầu xin nội dung gì? Xin bao nhiêu? cũng là chuyện phải bàn. Cầu xin những việc trái luân thường đạo lý, trái lẽ đời, trái đạo đức thì chắc chắn không Thánh, Thần nào cho cả. Cuối cùng là bước hứa tu thân tích đức, trước các “Đấng tối linh”. Tại chôn tôn nghiêm, một lời hứa của chúng ta đòi hỏi chúng ta phải quyết tâm thực hiện! Bởi người xưa dạy “Tâm động quỷ thần tri”, nghĩa là trong tâm mới có ý định thì quỷ thần đã biết.

Trong thời khắc đầu xuân, nếu mỗi chúng ta đến với chôn tôn nghiêm, gửi gắm đức tin vào các “Đấng tối linh”, thì lời hứa của chúng ta trước họ cũng chắc như niềm tin chúng ta đã gửi vào nghi lễ. Do vậy, sau nghi lễ cầu may, cầu tài, cầu lộc... trước tiên chúng ta phải thực hiện đầy đủ lời hứa của mình trước các “Đấng tối linh” và sau đó hãy tin rằng chúng ta đang được phù trì, phù hộ.



X u â n
Giáp Thìn đang về!
Nhịp xuân đang gõ cửa từng nhà, hương xuân đang xáo động tâm hồn mỗi người. Chúc cho chuyến đi lễ cầu may, cầu tài, cầu lộc của mọi người được “Sở nguyện, sở cầu như ý”.

**Quý Mão đi thành công ở lại
Giáp Thìn về phúc lộc đầy gia.**

Chuyện PHONG TỤC NGÀY TẾT

Nguyễn Tấn Tuấn

Xây dựng nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc luôn đi đôi với việc bảo tồn và phát triển các giá trị truyền thống dân tộc. Một trong những khía cạnh của nó chính là phải biết kế thừa những “mỹ tục” và loại bỏ các “hủ tục” trong đời sống thời kinh tế thị trường và hội nhập của nước ta...

TỤC ĐẸP

Hàng nghìn năm nay, con người Việt Nam đã trân trọng lưu giữ nhiều tục lệ mang tính đạo lý tốt đẹp của dân tộc. Ngày xuân dù không quen biết nhau, khi tình cờ gặp nhau giữa đường cũng có thể chúc nhau một cách chân tình những lời hay ý đẹp. Những mối quan hệ thân ái truyền thống gia đình, người thân có dịp được mọi người thể hiện trong ngày đầu năm. Đặc biệt là tình cảm giữa con, cháu với ông bà, cha mẹ, tình anh em, thân quyến, họ tộc với nhau, tình thầy trò và sự biết ơn giữa người mang ơn và kẻ chịu ơn; rồi tình thân mến giữa bạn bè bằng hữu...

Ngày Tết ở Việt Nam người ta dễ dàng bỏ qua và tha thứ cho nhau những lỗi lầm, khuyết điểm của nhau trong năm cũ mà không cần một điều kiện nào cả. Rõ ràng tất cả mỹ tục ấy đều xuất phát từ nền tảng văn hóa truyền thống của con người Việt Nam tự ngàn xưa để lại.

TỤC XẤU

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay một số kẻ cố tình lợi dụng các phong tục tập quán

tốt đẹp và truyền thống đạo lý của cha ông từ hàng ngàn năm qua để phục vụ cho ý đồ riêng và những lợi ích thực dụng. Trong xã hội ta, hàng chục năm nay mỹ tục quà biếu ngày Tết đến xuân về đã trở thành một dịp tốt để lợi dụng mua quan, bán chức, biếu xén cầu lợi về sau. Các phong tục tốt đẹp của dân tộc bị nhiều người làm cho biến tướng, ngày càng trở thành một thứ tệ nạn trong đời sống xã hội Việt Nam.

Nhiều người Việt hiện nay đang có quan niệm sống rất phổ biến trong xã hội, đó là “đồng tiền vạn năng”, “đồng tiền đi trước”... có thể giải quyết tất cả mọi thứ, hoặc “điều gì không mua được bằng tiền thì sẽ mua được bằng rất nhiều tiền”.

Về mặt đời sống vật chất ở nước ta từ lâu đã xuất hiện khá rõ tình trạng phân hóa giàu nghèo trong xã hội. Câu “Phú quý sinh lễ nghĩa” được bộc lộ khá sâu sắc trong xã hội. Văn hóa, phong tục đẹp đang bị một số không ít người lợi dụng và đem ra “hạch toán” để trục lợi, kể cả lĩnh vực văn hóa truyền thống.

Từ những năm cuối thế kỷ 20 đến nay, khi kinh tế phát triển và nhiều gia đình người Việt ngày càng giàu lên, nhiều phong tục tập quán cũng xuất hiện trở lại trong ngày Tết cổ truyền. Bên cạnh đó yếu tố văn hóa “ngoại nhập” cũng đang trở nên thịnh hành tại các vùng cư dân đô thị và nông thôn phát triển. Nhiều phong tục đẹp cổ truyền bị biến tướng

để người ta mưu cầu danh lợi, phong tục cổ truyền bị lợi dụng hoặc trở thành méo mó, dị dạng để phục vụ cho các lợi ích cá nhân.

Ngày tết ngoài việc con cái tỏ lòng hiếu thảo với cha mẹ, ông bà. Trò đi Tết thầy, bệnh nhân đến thăm bác sĩ... thì ở đâu đó vẫn xuất hiện nhiều trường hợp không hề quen biết nhau nhưng người ta cũng chờ dịp tết về để đến tặng quà, chúc phúc cho những người có chức quyền, có ảnh hưởng đến gia đình, hoặc bản thân mình. Họ mong chờ một ngày nào đó được nhờ vả, xin xỏ. Người đời mĩa mai gọi đó là sự đầu tư “tình cảm chiến lược” hay “đầu tư từ xa”. Mục đích của những người này không nằm ngoài sự mưu cầu danh lợi, thăng quan tiến chức, xin việc làm, hoặc xin điểm, mong được thầy cô chiếu cố, thậm chí tội phạm đang ở trại giam cầu nhanh được giảm án tù...

Trong nhiều năm qua, từ vùng đô thị lớn đến tỉnh lẻ hiện tượng ngày tết những vị quan chức phải liên tục tiếp khách đến chúc tụng. Thậm chí có thời điểm người ta phải “sắp hàng” đợi đến lượt để được vào “chúc Tết”, gửi quà. Nói đến lĩnh vực quà cáp, biếu xén thì ngày nay đa dạng và tinh tế hơn trước rất nhiều. Đã xa rồi những món quà nông nghiệp “dân dã”, của ít lòng nhiều ngày xưa. Quà Tết thời hiện đại có công nghệ biếu xén rất gọn nhẹ nhưng chất lượng thì cao. Từ USD, hột xoàn, kim cương, đá quý và nay là chuyển khoản, ăn chia từ các hợp đồng béo bở, gian dối... Món quà tết ngày nay thường được “hạch toán” tinh vi và tương xứng với những phi vụ, hoặc các quyết định, các quan hệ làm ăn, sự thăng quan tiến chức...

Ngoài lễ Tết, phong tục cưới hỏi thời nay cũng bị lợi dụng đến mức trở thành thương mại hóa. Phong bì mừng cưới ngoài việc phải tương xứng với cỗ cưới, còn là dịp để trả ơn, hoặc cầu sự ban ơn của người có quyền chức trong xã hội. Trong nhiều năm qua báo chí cũng như dư luận xã hội nước ta thường phê phán tệ nạn tổ chức tiệc cưới linh đình, mời thật nhiều người quen biết để kiếm lời. Những người đương chức, có quan hệ rộng thì tổ chức tiệc cưới thật lớn, mời thật nhiều khách, thậm chí ở đâu đó khi tổ chức tiệc cưới, người ta còn phân chia khách thành nhiều hạng sang nghèo khác nhau để khoản đãi yến tiệc khác nhau...

Sự biến tướng của phong tục tập quán đã trở thành một thứ tệ nạn xã hội gây bất an và bất bình trong nhân dân. Tệ nạn ấy đang làm xói mòn những giá trị truyền thống đạo đức tốt đẹp giữa con người với nhau. Mong rằng với sự quan tâm của Đảng và Nhà nước ta trong giai đoạn đổi mới và chấn hưng nền văn hóa dân tộc hiện nay. Những tập quán, mỹ tục sẽ thể hiện trở về đúng bản chất của nó. Những nét đẹp chân thực, đậm đà bản sắc dân tộc sẽ tạo dựng một xã hội văn minh, hiện đại phát triển bền vững./.



*Mừng tuổi ngày Tết là nét đẹp trong văn hóa của người Á Đông
(Ảnh minh họa).*

Một số danh nhân tuổi Thìn trong lịch sử Việt Nam

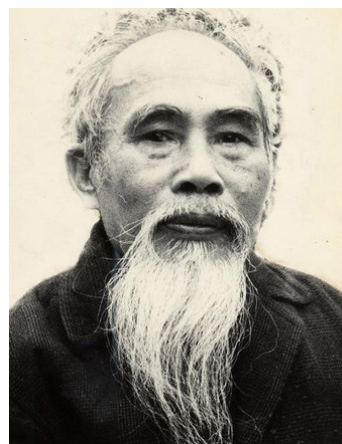
Nguyễn Xuyên

Đào Duy Anh, sinh năm Giáp Thìn (1904 - 1988), hiệu là Vệ Thạch, là một học giả có kiến thức uyên bác. Năm 1927, ông tham gia đảng Tân Việt, năm 1929, bị nhà cầm quyền Pháp bắt, đến năm 1930, được trả lại tự do. Ông là tác giả Hán Việt từ điển (1932 - 1936) và nhiều công trình học thuật sáng giá về ngôn ngữ học, văn học, sử học... Tác phẩm của ông là một đóng góp lớn cho văn hóa sử Việt Nam.

Nguyễn Lương Bằng, sinh năm Giáp Thìn (1904 - 1979), nhà cách mạng, bí danh Sao Đỏ. Từ năm 1925 - 1945, ông bị thực dân Pháp bắt nhiều lần và hai lần vượt ngục. Sau Cách mạng Tháng Tám, ông liên tục giữ nhiều chức vụ quan trọng. Năm 1969, ông là Phó Chủ tịch nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Nguyễn Quang Bích, sinh năm Nhâm Thìn (1832 - 1890), đỗ Hoàng giáp, kiên quyết chống Pháp. Hưởng ứng phong trào Cần vương, ông trở thành một trong những người lãnh đạo phong trào kháng chiến ở Bắc Kỳ, được phong Lễ bộ Thượng thư, sung hiệp thống Bắc Kỳ quân vụ.

Mạc Đĩnh Chi, sinh năm Canh Thìn (1280 - 1350), đỗ trạng nguyên, danh sĩ đời Trần Anh Tông, nổi tiếng liêm khiết, được sĩ



Giáo sư Đào Duy Anh
(1904 - 1988)

phu trong nước trọng vọng. Ông có tài văn học, ngoài bài phú Ngọc tỉnh liên (Sen giếng ngọc) được nhà vua khâm phục, ông còn nhiều tác phẩm được truyền tụng.

Nguyễn Phan Chánh, sinh năm Mậu Thìn (1892 - 1984), nhà danh họa yêu nước, nổi tiếng về tranh lụa. Ông là đại biểu Quốc hội khóa 3, Ủy viên Ban Chấp hành Hội Nghệ sĩ tạo hình Việt Nam khóa 1, Ủy viên Ban Chấp hành Liên hiệp các Hội Văn học Nghệ thuật Việt Nam, Giảng viên Trường đại học Kiến trúc Hà Nội.

Xuân Diệu, sinh năm Bính Thìn (1916 - 1985), nhà thơ lớn tiêu biểu của thơ mới Việt Nam, nhà bình luận văn học xuất sắc,

đại biểu Quốc hội khóa 1, Ủy viên Ủy ban Trung ương Liên hiệp các Hội Văn học Nghệ thuật Việt Nam, Ủy viên Ban Chấp hành Hội Hữu nghị Việt Xô, Viện sĩ thông tấn Viện Hàn lâm Khoa học Cộng hòa Dân chủ Đức.

Hồ Dzénh, sinh năm Bính Thìn (1916 - 1991), tên khai sinh là Hà Triệu Anh, nhà văn, nhà thơ, bút hiệu Lưu Thị Hạnh. Các tác phẩm chính của ông: Chân trời cũ (1942), Một chuyện tình mười lăm năm về trước (1942), Quê ngoại (1943), Cô gái Bình Xuyên (1946), Hoa Xuân đất Việt (1946), Người cứu thương Trung Hoa (1947).

Trương Định, sinh năm Canh Thìn (1820 - 1864), tức Trương Công Định, chỉ huy nghĩa binh chống Pháp ở Nam Bộ, không chấp nhận hòa ước, theo đó, triều đình Huế cắt ba tỉnh miền Đông Nam Bộ cho Pháp. Ông được nhân dân tôn xưng là Bình Tây Đại nguyên soái.

Nữ sĩ **Vân Đài**, sinh năm Giáp Thìn (1904 - 1964), tức Đào Thị Nguyệt Minh, nhà thơ nổi tiếng, từng cộng tác với các báo trong Nam ngoài Bắc. Những tác phẩm đã xuất bản: Hương Xuân (tập thơ in chung với Hằng Phương, Anh Thơ và Mộng Tuyết năm 1943); Thanh lịch; Làm bếp giỏi; Mùa hái quả (1964).

Hoàng Minh Giám, sinh năm Giáp Thìn (1904 - 1995), giáo sư, đảng viên Đảng Xã



Nữ sĩ Vân Đài
(1904 - 1964)



Giáo sư Hoàng Minh Giám
(1904 - 1988)

hội Pháp, Phó Tổng Thư ký Đảng Xã hội Việt Nam, đại biểu Quốc hội, Ủy viên Ban Thường trực Quốc hội khóa 1. Toàn quốc kháng chiến, ông là Thứ trưởng Bộ Ngoại giao, rồi Bộ trưởng Văn hóa hai nhiệm kỳ (1955, 1959).

Nguyễn Thượng Hiền, sinh năm Mậu Thìn (1868 - 1925), chí sĩ yêu nước, đỗ Hoàng giáp, làm Đốc học, bỏ quan, tham gia phong trào Đông Du với cụ Phan Bội Châu. Cuối đời đi tu và mất ở Hàng Châu (Trung Quốc). Về văn học, ông có những đóng góp đáng kể.

Bích Khê, sinh năm Bính Thìn (1916 - 1946), tức Lê Quang Lương, nhà thơ thuộc trường phái Tượng trưng của nền thơ ca hiện đại Việt nam. Năm 1939, ông xuất bản tập thơ Tinh huyết. Các bài thơ do ông làm về sau, gom lại trong mấy tập: Tinh hoa; Mây dòng thơ cũ (gần trăm bài thơ Đường luật, chưa xuất bản).

Lê Văn Linh, sinh năm Bính Thìn (1376 - 1447), danh thần đời Lê Thái Tổ, cùng với Nguyễn Trãi từng ở bên cạnh Lê Lợi hiến kế, dẹp giặc cứu nước. Kháng chiến thành công, ông được phong đến Thiếu phó, tước Khanh Thượng Hầu.

Thái Văn Lung, sinh năm Bính Thìn (1916 - 1946), du học Pháp, đỗ Cử nhân Luật hạng ưu. Tháng 3/1945, cùng với Mai Văn Bộ, Phạm Ngọc Thạch, Nguyễn Văn Thủ tổ

chức Thanh niên tiên phong Sài Gòn Gòn - Chợ Lớn. Hai lần bị sa vào tay giặc, ngày 02/7/1946, ông bị thẩm sát trong tù, khi mới 30 tuổi.

Nguyễn Hàm Ninh, sinh năm Mậu Thìn (1808 - 1867), nhà thơ, đỗ giải nguyên năm 1831, lúc 23 tuổi. Ông cùng với Cao Bá Quát đều được Tùng Thiện vương tri ngộ, yêu mến. Tài thơ văn và đức độ của ông được sĩ phu và nhân dân kính mến, ngưỡng mộ.

Phan Đình Phùng, sinh năm Giáp Thìn (1844 - 1895), chí sĩ, đỗ tiến sĩ, làm quan đến chức Ngự sử. Năm 1885, khi vua Hàm Nghi ra Tân Sở kháng Pháp, ông sát cánh với Tôn Thất Thuyết tập hợp nghĩa quân, lập căn cứ ở Hương Sơn (Hà Tĩnh) kiên cường kháng chiến chống Pháp ngót 10 năm liền.

Trần Phú, sinh năm Giáp Thìn (1904 - 1931), người khởi thảo Luận cương chính trị của Đảng Cộng sản Đông Dương. Tại Hội nghị lần thứ nhất của Trung ương Đảng họp ở Hồng Công, ông được bầu làm Tổng Bí thư đầu tiên của Đảng. Sau đó, ông về nước hoạt động, đến ngày 19/4/1931, bị giặc Pháp bắt. Trong tù, ông bị bệnh nặng và mất ngày 6/9/1931 khi mới 27 tuổi.

Phan Kế Toại, sinh năm Nhâm Thìn (1892 - 1992), Khâm sai Bắc Bộ từ sau ngày Nhật đảo chính Pháp 9/3/1945 cho đến tháng 7/1945, từ chức. Năm 1948, ông làm Quyền Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Phó Chủ tịch Hội đồng Quốc phòng. Sau đó, ông làm Phó Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Bộ Nội vụ trong hai nhiệm kỳ (từ 1955 đến 1961).

Nguyễn Thi, sinh năm Nhâm Thìn (1928 - 1968), nhà văn hiện đại, còn có tên là Nguyễn Hoàng Ca, Nguyễn Ngọc Tấn. Năm 1962, ông vào Nam phục vụ chiến trường và hy sinh ngày 9/5/1968 tại ngoại ô Sài Gòn. Các tác phẩm của ông gồm có: Trăng sáng



*Anh hùng liệt sĩ Nguyễn Văn Trỗi
(1940 - 1964)*

(1960), Đôi bạn (1960), Người mẹ cầm súng (1960), Truyện và ký (1968).

Phạm Huy Thông, sinh năm Bính Thìn (1916 - 1988), nhà thơ, giáo sư, viện sĩ Viện Hàn lâm Khoa học Cộng hòa Dân chủ Đức. Những vở kịch thơ của ông sáng tác trong tuổi thanh xuân vẫn sống mãi trong lòng dân tộc qua các thế hệ yêu thơ như: Tiếng địch sông Ô, Anh Nga, Tàn Ngọc, Huyền Trân, Con voi già (tặng cụ Phan Bội Châu).

Nguyễn Văn Trỗi, sinh năm Canh Thìn (1940 - 1964), chiến sĩ đội biệt động 65 Quân khu Sài Gòn - Gia Định, bị chính quyền Nguyễn Khánh bắt khi đang gài mìn ở cầu Công Lý nhằm giết Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ Mácnamara. Anh bị xử tử hình ngày 15/10/1964. Bác Hồ đã truy tặng anh Huân chương Thành đồng hạng nhất. Trung ương Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam truy tặng anh danh hiệu Anh hùng.

Lê Anh Xuân, sinh năm Canh Thìn (1940 - 1968), nhà văn, tên khai sinh là Ca Lê Hiến. Trong cuộc Tổng tiến công Tết Mậu Thân 1968, anh hy sinh ở vùng phụ cận Sài Gòn, để lại cho đời ba tập thơ đã xuất bản: Tiếng gà gáy, Hoa dừa, Trường ca Nguyễn Văn Trỗi, trong đó có bài thơ nổi tiếng là “Dáng đứng Việt Nam”./.